

TỨ PHẦN LUẬT HÀNH SỰ SAO TU TRÌ KÝ

QUYỂN HẠ (PHẦN 1)

*Sa-môn Thích Nguyên Chiếu ở Dư Hàng đời Đại Tống soạn.
Đề hiệu quyển hạ đều giống phần giải thích ở trước.
Chú soạn, chú nghi, biên soạn lệ với thiên sinh khởi
Như trong phần giải thích đề và tựa đã giải thích đầy đủ.*

THIÊN GIẢI THÍCH HAI Y

Y vì chúng chế, cho phép gồm thâu hết, dùng giáo gọi vật, nên gọi là hai y.

Nói chung riêng tức hai môn ở sau, vật tướng vi tế phức tạp sợ khó phân biệt, vì thế trước gồm thông suốt điều khoản sau mới giải thích riêng. Tức nhập khoa mục vào đề, song nghiên cứu chỗ lập đề Thiên đều khác.

Bốn loại thuộc từ pháp, bát khí (Bình bát) từ giáo. BỐ THÍ, tu hạnh đầu đà... tức y cứ vào hành. Tăng tượng phó thỉnh v.v... chính là sự, cứ vậy tìm xem.

Trong phần nêu ý có ba:

1- Nêu tư dụng để hiển bày công phu.

Công phu có hai:

- Nghi năng thành, tức hai câu trên.

- Nhiễm năng chứng, tức hai câu dưới.

Thức tâm ràng buộc, sắc chất có đối đãi, vì thế nói là liên lụy với đời. Trần nhiễm là cấu uế của thân, hoặc có thể nói là hình sắc sinh ra sự ái trước cho người.

2- Từ nhược trở xuống là nói thuận và trái để sinh khởi, tâm nói thuận theo pháp thành trì, dưới nói trái với giáo thành phạm. Phương thức gồm huấn pháp, lỗi lầm gọi là tội.

3- Từ cố trở xuống là y cứ vào hai giáo để chia chương.

Trong phần chung:

1- Nêu danh nghĩa. Chế cho phép danh nghĩa y cứ tội có và không. Tự trở xuống là chánh phân, phần đầu là chế vật. Tức trong sáu vật, năm món thuộc về y, như văn đã nêu, Bình bát nằm trong thiên này.

2- Nêu vật cho phép.

Bộ Bách Nhất nói:

1- Các vật dư

2- Y phần tảo

3- Tục thí

4- Vật của vong: Chế môn ba y, trong phần chế ý, văn nêu mười đoạn.

2- Nghĩa tiết.

Ý đầu, luận Tát-bà-đa chỉ bày nghĩa hy hữu (ít có).

Ba tên là Tăng già lê v.v... còn không có tên này hưởng gì thật có.

Trong luận Công Đức có hai ý:

1- Đối ba thời.

2- Từ diệc trở xuống là ngăn trùng.

Nói ba thời: chính là duyên chế, không phải cho là ba thời không cho đắp thay nhau, người phần nhiều hiểu lầm, người học phải biết.

Luận Trí Độ nói Thánh đệ tử là gọi chung phàm Thánh tu Thánh đạo.

Ngoại đạo khổ thân tiêu biểu cho chấp không. Người tại gia chú trọng việc ăn mặc tiêu biểu chấp có. Tỳ-kheo ba việc không nhiều, không ít, tiêu biểu cho lý Trung đạo không chấp hai bên có và không.

1- luật Thập Tụng: do ngoại đạo có đắp mặc vì thế cắt rọc để khác với họ.

2- Kinh Tạp A-hàm nói: Bốn vô lượng là bốn tâm từ, bi, hỷ, xả. Vì sinh khắp các cảnh nên xưng là vô lượng, y theo sau là nêu tên.

3- Kinh Hoa Nghiêm nói ba độc. Luật Tứ Phần nói kiết sử đều gọi là phiền não. Kinh giới Đàn Đồ nói: Hay năm điều là dứt sự tham muốn của thân, Trung y bảy điều dứt sự tức giận của miệng, Thượng y (đại y) dứt tâm si mê. (Tức phối hợp ba độc và ba nghiệp).

4- Luận Tát-bà-đa, ý ban đầu rất dễ hiểu, ý thứ hai nên nói rằng: Một y không thể có hổ thẹn, ba y có thể có, ba thứ còn lại cũng như vậy.

Lời sơ chép: Do thường thường một y nhiễm tịnh đắp chung, hổ thẹn không sinh. Do tùy ba y dùng đều có pháp thức. Bình lộ hành hộ vì phát sinh tâm lành.

Thứ ba, lại nói ba y thì khi vào xóm làng, lời sơ chép: Do y tăng-già-lê tùy khi nào vào xóm mới đắp vì làm cho chúng sinh phát sinh lòng tin.

Thứ tư, đủ ba y thì Đạo hành sinh thiện. Sơ chép: nếu ở Đạo hành (Trên đường đi) thì đắp ngược hoặc gấp cao lên. (Y cứ sau: Khi vào xóm được đắp ngược, hoặc gấp trên vai).

Cung kính giữ gìn như tháp vì có đức vừa kín đáo, vừa hiển bày.

Thứ năm, nói ba y là oai nghi thanh tịnh, lời sơ chép: bốn nghi thọ dụng đều có chỗ.

5- Luật Tăng-kỳ nói Hiền Thánh gọi chung là ba thừa Đại, Tiểu.

Chí âm là chí là tên khác của kỳ, (lại chung cho hai âm xí và thức) chữ hợp thành chữ thức, tức là huấn ký.

Bát là dụng cụ của người xuất gia nghĩa là tiêu biểu khác với ngoại đạo và thế tục. Theo sau nói do nơi tướng dẫn.

Đương tông vì ngăn lạnh: Trong kiên-độ y, Đức Phật vì thấy ban đêm trời lạnh, đầu hôm, nửa đêm, gần sáng lần lượt lấy ba y đắp, do đây Đức Phật chế ba y.

Đức Phật nói các thiện nam đời sau không chịu nổi, cái khổ của sự lạnh, nên cho chứa đủ ba y, không được quá.

Ngoài bộ tức hai luận trên.

Ba đời Như lai thường đắp: là đặc biệt nói cực quả để nói lên nghi thức của Thánh, ý khiến cho người đắp khởi tưởng cao quý.

Giải thích tên gọi. Tên chung là y Thượng, Trung, Hạ vì đồng một hiệu.

Bộ Tăng Nhất chỉ có tên Phạm. Trước sau kinh luật có dẫn, thường gọi là Ca-sa.

Tạp ký của ngài Chân Đế chép: Ca-sa là ba y ngoại đạo đều gọi, tên bao gồm nhiều nghĩa, hoặc gọi là Ly trần phục (vì dứt sáu trần), hoặc gọi là Liên hoa phục (vì lia nhiễm trước), hoặc gọi gian sắc phục (vì cả ba đúng pháp sắc thành).

Trong lời chú giải, trước nêu tên Phạm.

Từ sắc danh: tức kinh nói y hoại sắc.

Văn sau tức ở sau dẫn rằng: ở đây không phải chính mầu nhuộm.

Ca-sa vị: ở đây nói không phải tên chính của y.

Như trong sáu vị có Ca-sa vị, có thể là y này. Nhược trở xuống là nói về cách dịch xưa.

Trong ba mươi giới: tức hai thứ tư tằm và bông, dưới sáu năm bốn giới.

Trong tên riêng:

Khoa đầu, trước là nói chế tạo, ứng trở xuống là nêu tên. Dưới Uất-đa-la-tăng bỏ ba chữ “Nhập chúng trước”. Kế y cứ vào nghĩa dẫn trong kinh: “Bồ-tát Đại Tuệ vấn Đại Thiện Quyền” có hai quyển, ở đây dẫn quyển hạ.

Y năm điều gọi là Trung vì đắp bên trong.

Y bảy điều gọi là Thượng vì trên y năm điều.

Hỏi: Y Tăng-già-lê là tối thượng sao không gọi là thượng?

Đáp: Nếu y cứ hai y (y bảy điều và tăng-già-lê) đều là trên y năm điều. Nhưng y Tăng-già-lê ít dùng nên nêu tên riêng.

Khoa kế, đầu tiên là nêu bày. Đại trở xuống là giải thích tên Hán (Tập toái y theo trong tướng có giá ước trực. Ở giữa hai y trở xuống là y cứ ít mặc dùng nhất.

Vì cung vua, xóm làng, khiến cho chúng sinh điều lành và thuyết pháp truyền giới cũng cần phải đắp để biểu hiện tướng tôn quý.

“Nhập chúng ngữ thông”: Nghĩa là khi thọ trai, giảng kinh, lễ tụng, các pháp Yết-ma đều đắp y bảy điều.

Viện nội là phòng thất trong chùa.

Đồng đạo hành nghĩa là đi trên đường, ở chỗ hoang vắng.

Tập tác tức làm các việc đều đắp y hạ.

Khoa thứ ba, y cứ về điều phần. Không phải xuất xứ từ luật này. Ở đời tương truyền rằng luật khác nhau. Mười chín điều, mười bảy điều là nêu phẩm Trung, như ở sau sẽ phân tích kỹ.

Khoa bốn là tướng chung: Văn nêu mạn y làm ví dụ, tức như ba y thay nhau làm Tùng y. Nhưng ở đây y cứ về dụng để thêm tên, không nói về thể tướng. Song tuy thay nhau chung như bốn chế phải nhất định. Có thiếu y thì cho làm tùng y nên nói là không đâu chẳng phải là đại phần... Trong phần ba, văn Kinh Đại Bi nêu ra thứ ba. Đầu tiên nêu phá để so sánh trì (giữ), Tánh nghĩa là thọ thể. Kế nêu không để so sánh có. Hình nghĩa là dung mạo, oai nghi. Không phá còn như vậy, huống chi thọ trì?

Đời sau, khi con người sống lâu đến tám muôn tuổi thì Đức Phật Di-lặc xuất hiện ra đời, ba hội nói pháp độ vô lượng người. Đức Phật Thích-ca để lại giáo pháp cho đệ tử, hội đầu tiên được độ trước. Dầu không được độ thì đến Đức Phật sau và trong một ngàn Đức Phật cuối cùng là Đức Phật Lô-Chí ra đời, đệ tử của Đức Thích-ca đều được độ hết, nên nói rằng không sót.

Lô-Chí, kinh viết là Lô già, Hán dịch là Đề khốc, từ lòng từ bi

mà có tên. Kinh Bi Hoa, văn nêu thứ tám. Nhân địa của Đức Như lai là Bồ-tát Đại Bi, lúc bấy giờ phát nguyện này.

Trong năm thứ, thứ đầu và bốn là năng lực diệt ác. Đầu là trừ nghiệp, bốn là dứt sự tranh cãi. Còn lại ba là sinh thiện. Hai là được quả đời sau, ba là cảm quả vui hiện tại, năm là thêm lớn oai thế.

Trong bốn nói trái phẫn lẫn nhau, kinh chép: có chúng sinh không thuận nhau, phần nhiều thù oán, ganh ghét chiến đấu với nhau, cho đến khi giao chiến nếu nhớ nghĩ đến y Ca-sa khiến chúng sinh kia sinh tâm từ bi, tâm mềm mỏng, không có tâm thù oán, v.v...

Năm là nói hơn người: Kia nói: nếu chúng sinh đối với sự chiến đấu tranh tụng, vì hộ thân nên tôn trọng, cung kính, cúng dường, Ca-sa thường đem theo bên mình khiến cho chỗ ở chúng sinh kia thường được tốt đẹp, không thể bị xâm phạm. Dầu có chiến đấu, tranh tụng cũng được an ổn giải thoát.

Đẳng lượng là người hổ thẹn.

Đáp y từ bi, bỗng sinh tâm nhớ nghĩ liền dứt sự tranh tụng. Vì thế các Tỳ-kheo phải suy nghĩ sâu xa lời nói của Phật, nếu khởi tâm sân độc thì phải tự quán thân, đã đáp Ca-sa đâu không hổ thẹn.

Nếu ta trở xuống là thuật sự thành thật cầu chứng. Bồ-tát nói lời nguyện này rồi, Đức Bảo Tạng Như lai liền duỗi cánh tay mâu vàng xoa đánh Bồ-tát mà khen rằng: “Lành thay! Lành thay! Đại trưởng phu, lời ông đã nói là châu báu lớn, là đại hiền thiện, khi ông thành Đạo Ca-sa sẽ có năm công đức của bậc Thánh”.

Luật Tăng-kỳ khai cho tế lễ trừ tai ương, có một ít nói lên đức thù cao quý kia.

Tế lễ, là trái với trừ tai ương.

Thứ hai, trong phương pháp may y cầu tài: Đúng pháp là lia các lỗi, thanh tịnh là tài.

Vị trở xuống là nêu phi pháp. Bốn tà, năm tà như trong Tăng cương đã giải thích, luật sau sẽ dẫn chúng. Tà mạng có bốn tà, năm tà ở trên. Kích phát hiện tướng không thuộc về năm tà, nêu riêng hai tướng mà thôi.

Y xả đọa đối với sự buôn bán ở trên, lại gồm phạm chứa y dư, xin y, giặt y đồng phạm. Nhưng tâm tà khó biết nên lược để phân biệt. Như ngày nay lễ tụng giảng kinh, hoặc lại đối với việc tạp kỹ của thế tục, tâm mong cầu vật của người gọi chung là tà duyên. Hoặc chứa tài vật dư đầy ắp trong ruộng, đối với vật của mình thì một sợi lông cũng không nhỏ, đối với vật của người cúng dường thì chứa để cho nhiều không biết

thỏa mãn. Nương nhờ duyên này nên nói tùy theo người khác. Khất thực thì lựa chọn nhân tình, so đo sự việc, bất tịnh nào nghi. Phụ bậc cao lưu, cầu nghi đối vết.

Trong phần tài thể, khoa đầu, trước nêu đúng pháp.

Thực trí tức cỏ gai xe sợi, nấu chín kỹ thành lựa. Nhưng theo văn luật còn thông lựa xe chấp. Nếu theo “Chương phục nghi cảm thông truyện” đều nói không đúng pháp, nay lược dẫn.

Trong truyện, vị trời nói rằng: Phật pháp từ Đông Độ truyền sang được sáu, bảy trăm năm. Luật sư ở Nam, Bắc không hề có ý này. Đâu có dùng tài vật của việc sát sinh mà làm pháp phục từ bi. Vì sao riêng Sư bỏ ý này?

Tổ Sư đáp rằng: Tôi đọc Luận Trí Độ thấy Phật đắp y Tăng-già-lê bằng vải thô xấu, do đó nhớ mãi trong lòng, đâu thể trái với đây.

Do đây càng tăng thêm sự kính ngưỡng.

Lại nói rằng: Lại thấy vị tăng Ấn-độ từ phương Tây đến đắp y bằng tơ tằm. Do đây khởi ý chấp chương phục nghi đồng trong “Tam Tạng Nội Pháp Truyện” của ngài Nghĩa Tịnh, lại thêm sự phỉ báng. Kia học theo Hữu Bộ Tiểu thừa cho nên có nhiều thiên chấp. Tông nay là Đại thừa liễu nghĩa không phải như sự hiểu biết kia.

Nhược trở xuống là phân biệt phi pháp.

“Sinh sơ” tức nay có dùng các thứ như: sợi vải sống, vỏ gai sống, gai, v.v... làm Ca-sa, đều là phi pháp.

Trong văn nói sợi vải thì sống chín đều không xe sợi, tức sống không phải là lựa sống. Xưa nói rằng tơ lựa sống, lại nói rằng: lựa sợi mỏng nhỏ kéo từ con bướm ra gọi là lựa sống.

Dẫn chứng ba đoạn:

1- Luật Tứ Phần dẫn chứng lựa hoa.

2- Luật Tăng-kỳ dẫn chứng sinh sơ (vải sợi sống, vỏ gai sống, gai, v.v...)

3- Ngoại đạo dùng lông, tóc, vỏ cây, v.v...

Trong Ngũ Bách Vấn nói lựa xe sợi, v.v... không hiện bày thân, nghĩa là tuy sống mà dầy, có thể che thân, không lộ ra nên nói là đúng pháp.

Trong phần dẫn khuyên.

Luật kia chép: Hai cánh của loài chim này cách nhau năm trăm năm mươi do-tuần, bắt rồng làm thức ăn. Khi loài chim này muốn bắt rồng thì dùng hai cánh quạt rẽ nước biển ra cung rồng liền hiện. Loài rồng kinh sợ nên xin một miếng nhỏ của Ca-sa treo trên cửa của cung

rồng. Khi loài chim này đến thấy liền kinh sợ không dám bắt rồng ăn nữa. Bấy giờ, có loài rết lấy miếng vải của Ca-sa đội trên đầu tìm lên bờ, chim kia không thể hại được. Đây là do chế tạo nường theo pháp có hiển bày công khác nhau, vì thế dẫn chứng để răn dè.

Mầu sắc như trong văn dẫn. Khoa đầu, hai câu trên là phân biệt với phi. Nói thượng sắc nghĩa là gồm năm mầu chính, xen lộng xanh, vàng, đỏ, trắng, đen là năm mầu chính. Vậy đỏ, hồng, tím, xanh lục, vàng là năm mầu xen lẫn.

Đương trở xuống là hiển bày như hai câu trong chú giải. Câu trên đối dịch, sau dưới chỉ chỗ xuất xứ, tức ở sau luận Tát-bà-đa dịch là nhuộm.

Nói chánh phiên dịch là hiển bày ngoại cụ, v.v... ở trước gọi là phi chánh (không phải chánh), vì thế trong chương phục nghi chép: như trong kinh luật nói chung là hoại sắc, nên văn nói: phải dùng ba mầu xanh, đen và mộc lan, tùy ý dùng một trong ba mầu hoại sắc này thì thành mầu đúng pháp.

Lại nói: sắc không chánh hoại chỉ có Thích môn dùng khác với tà chánh. Rõ biết không chánh tức là mầu Ca-sa.

Đẳng nhược trở xuống là nói khai.

Năm nạp là năm mầu xen lẫn nối lại, nạp là y, đây là xen lẫn vì không phải thuần một mầu.

Kinh Niết-bàn trở xuống là dẫn chứng.

Hoại sắc là không phải mầu chính.

Trong phần nói rộng, luật Thập Tụng trước nêu phi sắc tức trừ năm mầu chính. Nạp y phân biệt chỗ khai. Giới trở xuống nêu mầu đúng pháp.

Nê là mầu đen, Sạn là mầu mộc lan.

Luận Tát-bà-đa có ba tiết:

1- Nói điểm tịnh.

2- Từ Ca-sa trở xuống là nói dịch tên.

3- Từ chân tử trở xuống là phân biệt phi sắc.

Trong phần một lại có hai:

1*- Nói năm mầu chánh khai may y khác. Ba điểm nghĩa là điểm ba mầu. Cấm là mầu xanh đỏ, tức tên khác của mầu mộc lan.

2* Từ đặc đạo trở xuống: phân biệt riêng tướng chánh và xen lẫn, được và không được. Tạo là mầu đen và mộc lan đều đúng pháp.

Đỏ, trắng, vàng cũng được: nghĩa là đồng mầu xanh biếc.

May y dùng dịch là nhuộm, tức là chánh dịch chỉ lời chung đúng

và không đúng, vì thế trong phần chú thích trước thêm ba chữ “bất chánh sắc” (không phải màu chánh) để phụ thêm.

Danh nghĩa hiển bày như kết ái: nêu thí dụ để hiển nghĩa. Kiết ái phiền não làm ô nhiễm tâm thanh tịnh. Do sắc nhiễm vật nghĩa đồng như ở đây.

Trong phần phân biệt phi nói chân tử là nhuộm màu tím, tên gọi phương mộc thời nay là cây tía tô.

Địa hoàng là Thổ hoàng.

Nại hoàng: dung da của quả nại để nhuộm.

Hoa huỳnh nghĩa là dùng hoa hồng, hoa hòe, v.v... để nhuộm.

Nghiên cứu, xem xét trong Đại Tạng chỉ có ba màu: xanh, đen, và mộc lan là đúng pháp. Sa-môn thời nay phần nhiều còn mặc màu tím. Xét thấy bà Võ Tắc Thiên đời Đường hoài nghĩa loạn chốn cung đình, Tắc Thiên sủng ái dùng tham triều nghị. Do màu y của Tăng khác do đó khiến đấng y Ca-sa màu tím, mang túi rùa vàng. Sau, đời Ngụy, soạn kinh Đại Vân kết mười vị tăng, làm sơ dâng lên, lại san cho mười vị Tăng y màu tím và túi rùa vàng. Do nguồn gốc tệ xấu này đã xảy ra, ngày nay không trái, không biết tục tử xen lẫn dấu vết cửa Đạo, không lo tu tập bên trong mà chỉ lo khoe khoang trang sức bên ngoài. Hướng chi dự vào bậc kỳ lão tiếm xưng là Đại Thánh, quốc gia không rõ, Tăng môn không học, đến nỗi khiến cho bọn tham lam, bỗn xẻn đều thích xa hoa, phong cách ít muốn thanh tịnh đến đây bị hoại diệt. Hơn nữa, giáo pháp nhân luân của Đạo Nho thì lấy màu màu chính làm y, nghi thức của Đạo Thích xuất thế thì chánh và xen lẫn đều lia. Vì thế, luận ngữ nói: màu hồng, màu tím không dùng làm tiết phục (áo lót).

Trong văn Khổng Tử nói: Quân tử không mặc áo màu vàng, màu trắng, thế tục còn không cho phép, đều là chánh nghi của người xuất thế. Hướng chi luật luận đã chế là phi pháp, nếu không tin thọ thì đâu còn phép tắc là gì. Lại, người học luật chứa tài vật bất tịnh, đổi y phi pháp. Và chú ý đến nhìn ngắm trái nhau này, với lấy lỗi cho mình, để lại sự lừa dối cho đời sau.

Lại nói: Trong luật nói trái phép vua chế, phạm tội Đột-cát-la, ta y theo phép vua chế mà thôi. Hơn nữa, luận Tát-bà-đa nói trái phép vua chế gọi là Tỳ-kheo không vâng theo những điều quốc cấm. Như Quốc gia ngày nay, cho người hai mươi tuổi xuất gia, có được bạ tịch (chứng nhận Tăng Ni), khi đi ra ngoài lợi dụng giấy tờ này mang theo những vật cấm, nếu những việc này có trái thì kết phạm. Vì sao cấm chúng tăng không được mặc màu vàng sẫm. Người nói như vậy không chỉ chê

bai chánh pháp mà còn nói không biết pháp vua chế. Kinh Niết-bàn nói: vì sao? Vì người nầy lưỡi sẽ không uốn cong được, chắc chắn rằng sẽ chịu sinh báo, nhưng chưa hiện bày tướng mà thôi.

Luật Tăng-kỳ, đầu tiên nêu nhuộm vật, không phải rễ của cây uất-kim-hương có thể nhuộm màu vàng.

Hồng lam là hồng hoa, màu xanh nhuộm tức màu lam, màu Điều hoa (điều: thuốc nhuộm chàm) nghĩa là vẫn vận (loang lổ).

Kế là cho pháp dùng sắc trở xuống là nói đúng pháp.

Cự ma là phân con trâu. Ở Tây Vực, trâu ăn loại cỏ thơm, cỏ này người rất quý. Xứ này không thích nghi cho nên không dùng.

Kế, từ giới bốn trở xuống là nói danh tướng của sắc.

- Đầu tiên dẫn giới bốn để nêu tên.

- Kế rộng dẫn văn để hiển bày tướng.

Xanh đồng nghĩa là màu xanh vàng sẫm như màu đồng xưa.

Tạp nê là dùng nước trái cây tẩm vào vật bằng sắt sẽ thành màu đen. Bùn đen dưới đáy sông cũng có thể nhuộm màu đen.

Màu mộc lan nghĩa là nước trái cây đặc; có một ít trái với sắc tướng, vì thế chủ giải để hiểu.

Luật này dịch: đây là Bốn bộ, Diêu Tần đóng đô ở Trường An nói là phương Bắc.

Luật Tăng-kỳ dịch tại Dương Đô nên nói là Ngô địa (đất Ngô).

Tôi trở xuống là chứng minh. Có thể nghiệm rằng luật Tăng-kỳ dịch truyền mất ý chỉ. Thực ra là thuộc tỉnh Tứ Xuyên, y cứ có thể biết. Mộc-lan là Tiếng Hán.

Chỉ luật Thiện kiến tức như khoa kế nói màu đỏ tươi sáng ở đây.

Khiển trách xen lẫn:

- Đầu tiên khiển trách dùng kinh hư ngụy (không chân). Kinh này phân màu y của năm bộ:

1- Bộ Tăng-kỳ đắp y màu vàng.

2- Bộ Ngũ Phần đắp y màu đỏ.

3- Bộ Tứ Phần đắp y màu đen.

4- Bộ Ca-diếp đắp y màu mộc-lan.

5- Bộ Thập Tụng đắp y màu ráng (đỏ).

(Do bộ Tăng-kỳ nhập vào năm bộ, nên bốn chi không phân. Lại trong năm bộ thiếu bộ Bà-thô.)

Ở đây tuy chỉ nghĩa khiển trách, lời sao thì dẫn không rõ ý gì.

Lại trong kinh Xá-lợi-phất vấn, bộ Tăng-kỳ, bộ Ca-diếp-di, ba bộ này giống như trên. Bộ Tứ Phần đắp y màu đỏ. Bộ Thập Tụng đắp y

màu đen. Bộ Ngũ Phần đắp y màu xanh. Nhưng phục sức tùy thời không có nhất định. Kinh lẫn nhau nói không đủ, đến nỗi xảy ra nghi ngờ. Dầu dùng văn kia chỉ là xen lẫn tên. Như các bộ nói màu xanh, màu đen đâu được gọi là chánh sắc ư? (màu chính).

- Kế từ luật Tứ Phần trở xuống dẫn luật chứng là sai. Tứ Phần nói ba màu tùy hoại. Luật Thiện Kiến cho là gặp giặc. Nói năm màu chính vốn chẳng phải đúng pháp.

Văn chú giải có hai đoạn: Đoạn trước là định sắc tướng, vì tên xen lẫn; đoạn sau y cứ văn quyết định vì sợ vọng chấp.

Trong phần kết đoán: Đầu tiên là chỉ các giáo. Thuần sắc nghĩa là năm màu chính. Ất trở xuống là chỉ có thành chãng, tùy tướng là giới y mới trong chín mươi giới.

Trong phần định lượng: Luật Tứ Phần có hai lượng thông và hạn cuộc. Trước chỉ định lượng:

- Y An-đà-hội dài bảy thước, hai tấc. Rộng ba thước sáu tấc. Vì đây là y hạ dùng khi đi đường hoặc làm việc, không cần rộng, lớn.

Nghiệp Sở chép: các bộ nói rất nhỏ, chỉ có luật Tứ Phần là khác. Xuất gia nghèo thiếu cho nên là thường.

Hai y khác (y bảy điều, y đại) thì dài chín thước rộng năm thước bốn tấc, nhưng sau nêu lượng chung chỉ nói rằng y hạ rất nhỏ, theo hai y khác không phải nhỏ, là rõ biết. Nhưng sợ thân lượng cao thấp không nhất định, vì thế ba y đều y theo lượng chung.

Nói độ thân có hai pháp (hai cách):

1- Theo bộ luận Tát-bà-đa: Thân Phật cao một trượng sáu thì y dài một trượng tám, rộng một trượng hai. Người thường thì bằng phân nửa, y dài chín thước rộng sáu thước, y cứ theo đây để tính. Người thân cao một thước thì dài một thước một tấc bốn phân rưỡi, rộng bảy tấc năm phân. Như vậy tăng thêm, thì người cao tám thước có thể đắp y dài chín thước, rộng sáu thước. Lại tăng đến lượng cao của Phật cũng không khác. Hoặc thân tướng dài ngắn không xứng thì giảm thành thiếu, y cứ về lỗi thì phải thuyết tịnh.

2- Theo Nghiệp Sở thì y theo thân mà cắt.

Sở chép: Từ vai xuống đất, trên gót chân bốn ngón tay dùng làm thân y. Còn lại phân tướng lá đủ để tương xứng. Đây nghĩa là thân người phần nhiều cao thấp không nhất định, có người ốm, có người mập. Dầu có mập, ốm cũng không hại gì đến việc đắp dùng, vì thế chỉ nêu ra lượng rộng mà không nói cách dài. Có chỗ nói rằng: tướng lá của phần khác, tức là lượng dài. Nay cho rằng tướng rộng dài bằng nhau đâu chỉ

riêng bên dài.

Vả lại, thời nay người ít có ai cao đến tám thước, chỉ lấy trong chín thước đủ để tương xứng. Bởi do góc bên phải Ca-sa (y) vốn ở vai bên trái, hoặc rũ xuống dưới nách, vì thế may chín thước vừa thích nghi với thân tám thước. Nay góc bên phải của y rũ về phía trước, đắp dùm như vậy là trái pháp, khiến cho chiều dài đầu chỉ một trượng hai, rộng không đủ năm thước, kéo dài mũi voi động vượt oai nghi, thói quen lâu ngày, mê muội càng sâu, do đầu mà can ngăn dạy bảo quyết lòng vâng theo pháp, làm sao mà nói.

Trong văn, tiết lượng, v.v... là nói vốn răn dè sự tham cầu, khiến biết dừng đủ, nên nói rằng lấy đủ mà thôi. Nay đây dẫn dùm ý để nói lên tùy nghi, vì thế nói y theo đây v.v... Chữ độ nhập vào gọi là tài độ, chữ thủ bỏ đi nghĩa là thô lược.

Trong phân dẫn các văn, hai chữ đầu tiếp văn chung với trên, diệc trở xuống một câu sinh khởi dẫn dụng sau. Nhưng trong luật Tư Phần nói y hạ nhỏ hẹp mà trong các Bộ nói ba y hoặc đồng đủ có thể cho khuôn phép, sợ thấy chừng độ của thân liền mặc ý. Vì không có pháp rộng dài nên nói rằng tuy như vậy, v.v...

Cố trở xuống là dẫn nêu các văn. Đầu tiên nêu hai luật:

- Luật Thập Tụng nói y Thượng dài năm khuỷu tay, rộng ba khuỷu tay (đồng luật Tư Phần ở trên). Y Hạ dài bốn khuỷu tay, rộng hai khuỷu rưỡi (Dài đồng như luật Tư Phần, rộng thì thêm chín tấc thành bốn thước năm tấc). Y bảy điều là trung bình giữa thượng và hạ.

- Luật Tăng-kỳ nói ba y đều có ba phẩm:

- Y thượng dài năm khuỷu tay, rộng ba khuỷu (cũng đồng như luật Tư Phần).

- Y trung dài năm khuỷu, một khuỷu không duỗi tay (Nghĩa là trong năm khuỷu tay, một khuỷu không duỗi tay, lượng không đủ năm khuỷu, y theo luận kia khuỷu là lượng duỗi tay), rộng ba khuỷu, một khuỷu không duỗi tay.

- Y hạ dài bốn khuỷu rưỡi (tám thước một tấc), rộng ba khuỷu, một khuỷu không duỗi tay.

Hai y trung và hạ cũng có ba phẩm đều như trên.

Trong luận Tát-bà-đa, ba sự chung ba phẩm. Dài năm rộng ba (y trung đồng luật Tư Phần). Nếu lớn nhất là dài sáu khuỷu tay (một trượng tám tấc), rộng ba khuỷu rưỡi. Nếu nhỏ nhất dài bốn khuỷu tay, rộng hai khuỷu rưỡi. Trên nêu ba phẩm đúng pháp, dưới nói quá hoặc dưới thì phi pháp. Trước xếp vào thành thọ. Quá: có thể cắt giảm thì có

thể nối liền, bình bát không có nghĩa này nên thọ không thành.

Nếu quá trở xuống là chế phạm, y theo đó có thể biết. Thời nay y dài một trượng hai không thuyết tịnh đều phạm tội chứa y dư. (vì thế biết pháp y có kèm theo mười bảy vật dư. Nay xét trong Ni Sao, Tổ Sư quyết đoán: nếu quá ngoài lượng đã định thì phải tịnh thí).

Luật Ngũ Phần, duyên đầu cũng y theo khuỷu tay làm lượng. Chỉ tùy theo người dùng, không thể dùng. Một lượng được dùng để làm chậu, vì thế nói là không nhất định.

Đức Phật dạy tùy theo thân, phải y theo Nghiệp Sở lấy từ vai đến gót chân làm chừng độ. Như trong các bộ trước chính là y cứ người tám thước làm nhất định, hướng chi chia ra ba phẩm, thích hợp tùy thân cho nên còn phẩm lượng.

Trên dẫn hai lượng nhiếp hết cơ duyên. Định lượng thì ức chế sự tham muốn kia, lượng chung thì bị dị báo. Đại luận, ý dạy tiết kiệm làm đầu, vì thế Chương Phục Nghi chép: Nay giảm lượng đồng nghi tiết kiệm, vọng tăng quá lượng thành pháp phạm (Hoặc phạm tội chứa y dư, hoặc chế phi pháp).

Lại nói: Đầu đội là hạ bớt tâm kiêu hãnh và xa xỉ quá đáng chừng độ kia. Còn như luận nói tiết kiệm, nhỏ hẹp chưa thấy người kia, còn lại như trong phần nói riêng. Có chỗ nói: Sao dẫn văn phế bỏ định lượng kia, đây là thuận chấp tình vọng, chê bai lời dạy của Phật.

Hỏi: Nếu theo văn chung quá lượng có được chăng?

Đáp: Nếu y theo luận Tát-bà-đa thì ngoài lượng đã định phải thuyết tịnh, không thuyết tịnh không được.

Nhưng nay người đắp y không thực hành pháp thuyết tịnh sẽ bị phạm tội chứa y. Lại đắp dùng có chỗ không tiện mà thôi.

Hỏi: Nay đắp y dài có lỗi gì?

Đáp: Ở đây có nhiều lỗi:

1- Ngoài lượng đã định phạm Ba-dật-đề vì chứa y dư.

2- Đắp dùng phạm Đột-cát-la vì y xả đọa.

3- Dài rủ xuống khuỷu tay có tướng mũi voi, mỗi bước phạm một Đột-cát-la

Nếu sợ nhân quả xin y theo chánh giáo.

Trong phần số lượng điều, khoa đầu nói điều tức là chiều dọc, từ năm điều, bảy điều, chín điều cho đến hai mươi lăm điều đều theo số lẻ. Vì thế lý do như trong số sao. Nghiệp Sở chép: Do Sa-môn thực hành từ bi nhân ái là gốc, đồng sự dương hóa ở đời nên không dùng số chẵn (số lẻ là số dương có thể phát sinh, vì thế số chẵn là số âm có công năng

suy tàn).

“Gôm chỉ sao”: nghĩa là văn ẩn nghĩa sao.

Trong phần nói nhiều ít, khoa đầu luật Tư Phần chỉ có mười chín điều là nhiều nhất của phẩm Trung. Luật Thập Tụng chỉ có mười lăm điều là đầu của phẩm trung, lược bớt phẩm Thượng vì thế nói là nếu quá. Nhưng vẫn không hiểu rõ nên dẫn luận Tát-bà-đa đủ nêu ba vị chín phẩm của Đại y.

Nghiệp Sở chép: Sở dĩ nhiều nhất là hai mươi lăm điều vì muốn lấy hai mươi lăm điều làm ruộng phước.

Khoa kế, trước tiên dẫn văn luật.

Trong Kiền-độ y chép: các Tỳ-kheo không biết may y bao nhiêu điều, Đức Phật dạy nêu may năm điều không nên may sáu điều (y hạ). Nên may bảy điều, không nên may tám điều (y trung). Nên may chín điều không nên may mười điều. Cho đến nên may mười chín điều không nên may hai mươi điều (y đại). Nếu quá số điều này thì phạm tội chứa y dư.

Theo luật vốn không có chữ bất, sau người không hiểu vọng chú giải ở một bên, sau đó có người biết liền bỏ đi.

Ư trở xuống lại chú giải nêu sai ở trước, đến sau khắc trên bản không thể đính chính được.

Nay trở xuống là chánh khiển trách.

Nói “Không chánh giáo chế khai nghĩa là không phải là giáo chế, lại không phải là chỗ khai, không đáng vâng dùng.

Trong phần ba, Bộ “Thánh Tích Ký”, có hai quyển:

1- Do Pháp Sư Linh Dụ soạn, văn này chỉ nêu điều tướng (tướng của điều).

2- Trí Luận nói thể của y kia, vì thế dẫn để thành tự.

Nói Đại Tập: Nghĩa là y có chín phẩm. Tùy sức đã nói, theo xưa thì phải may hai mươi lăm điều.

Người sức không đủ thì thứ lớp giảm xuống đến chín điều. Do Đức Phật chỉ đắp y thượng loại hạ phẩm, vì thế biết đủ để làm tiêu chuẩn.

Trong phần sáu, nói Đê là đê ngang, như bờ đê của thửa ruộng.

Trong “Chương phục nghi” nói rằng: tướng của đê điều giống như thửa ruộng, như thửa ruộng chứa nước để nuôi dưỡng lúa tươi tốt. Thí như mặc (đắp) y này làm cho các công đức lớn lên. Đức Phật khiến giống như nghĩa này không luống uổng.

Trong phần nêu số lượng, khoa đầu luật Tư Phần định lượng vẫn như trước đã dẫn dài ngắn như trên đã lược nêu. Y năm điều mười bức

(mỗi bức có một dài một ngắn), hai y còn lại y theo đó, nên biết rằng y bảy điều có hai mươi một bức (hai dài một ngắn), y chín điều hai mươi bảy bức v.v... thứ lớp tăng lên. Y theo lượng nhất định của luật thì nêu hai y. Dài ngắn hai mươi chỉ căn cứ theo y năm điều. Trong văn nêu chung, phải biết hai y khác nhau.

Khoa kế, đầu tiên là nói đúng pháp.

Câu “Sở dĩ dài tăng đến bốn, ngắn chỉ hạn cuộc một”, Sở chép: Pháp phục kính điền, lợi ích cho hữu tình, tiêu biểu cho Thánh thêm phần bớt, dụ dài nhiều mà ngắn thì ít.

Kế từ nhược trở xuống là phân biệt phi pháp (không đúng pháp). Câu “Sở dĩ thành thọ đắp dùng thì phạm”, sở chép: Đắp lấy tướng oai nghi, dùng sinh vật thiện. Dài ngắn, trái lời Phật dạy, vì thế tùy mỗi bước vượt oai nghi mỗi bước kết tội (Thời nay, chúng tăng phần nhiều may y chín điều, dài ngắn không nhất định. Hoặc bằng lụa mỏng, hoặc bằng lụa đào, hoặc bằng lụa mỏng có hoa, bằng màu xanh ngọc bích, tự gọi là pháp y. Tướng của thể, sắc, lượng đều trái với chánh chế, pháp gì mà có).

Trong ý cắt rọc, đầu tiên là ý làm chứng cứ; hai là trích dẫn giải thích.

Luật Tứ Phần nói không bị giặc bóc lột vì không giá trị.

Luật Thập Tụng nói khác ngoại đạo vì ngoại đạo đắp lụa trắng nguyên tấm.

Dẫn luật nói ba thứ thấp hèn chính là lấy dao thấp hèn vì đây là vật của người bỏ.

Về trước, các ý đều nương vào duyên ngoài, bao gồm chỗ quy về, làm ý chỉ phá tham, kết thiện ở đây.

Trong phần thứ bảy nói nhiều ít.

Văn đầu, như y theo các luật thì may chồng (may nhiều lớp), hoặc dùng vải may y mạn (không có điều tương), hoặc hai y may hợp lại. Nay theo “Cảm Thông Truyện” vị trời bày pháp y theo tướng mà lắp vào. Kia nêu vị trời hỏi rằng: Y đại may chồng, so sánh mà làm. Nhưng dưới lá có ba lớp, đâu được như vậy ư? Tức hỏi chỗ may kia, liền chấp y của ta để nêu bày.

Tướng lá này là tiêu biểu ranh giới của ruộng lúa. Do cắt rọc, từng đoạn y cứ bên trong mà xếp đó, cách là lúa mì về sau tấc này.

Trong điều tiêu biểu cho đám ruộng, trên lá tiêu biểu rạch nước, há không như vậy ư? Nay thì dùng vải tơ lụa, một là không cắt rọc, hai là nhiều lớp đã không đúng bốn chế, đều phạm lỗi may và đắp dùng.

Hỏi: Sau dẫn luận Tát-bà-đa phân tích trì hạnh, há không phải phần nhiều y may nhiều lớp hay sao?

Đáp: Tổ Sư trước đều y theo luận mà may, về sau cảm Thánh mới sửa lại, vì thế văn truyền này quyết rõ việc ba tạng không nói. Như tọa cụ bốn tầng để trên cánh tay trái... ở đời đều làm đó, nào riêng nghi này. Dầu muốn may mạn y theo luận lẽ ra được, nhưng không cắt nhiều lớp thì khó thông.

Hỏi: Đại y may riêng mà thọ có thành chăng?

Số chép: được thành thọ, giữ đắp dùng mắc tội.

Trong phần tham khảo tướng chỉ có Đại y đáng nói, còn lại thì không bàn tới.

1- Dẫn luận nêu số.

2- Dẫn luận hiển chế.

Do y mới chỉ được hai lớp nay nhiều lớp, có phạm tội dư.

Trong phần ba nói y phần tảo, vật bỏ không chừng hạn nhiều lớp.

Trong phần phân tách, trước nói duyên gấp khai cho pháp. Nghĩa là y dày nặng không thể đem đi được.

Phân tích nghĩa là phân ra khai cho.

Nhược trở xuống là nói sở thuộc sau khi chết.

Luận nêu hai cách giải:

- Trong bốn giới tức chỗ lưu giữ phân xử.

- Nuôi bệnh: đến khi người bệnh chết thì cho người nuôi bệnh.

Trong phần tám, khoa đầu, luận nói hai y Thương phải cắt rọc, nếu ít gấp điệp (đều được một loại). Y hạ lại được xếp lá, (lại thêm một thành ba loại. Nghĩa là may xếp nhỏ lược phân ra tướng lá).

Trong phần hai, đều là luật Tăng-kỳ khuyến khích giúp đỡ, sợ phạm lỗi thiếu y nên phải may gấp cho xong, tiếp tục dẫn kinh nêu bày. Đối với bậc Thánh còn như vậy huống chi là người khác ư?

Câu: “Thời nay phần nhiều dùng nữ công”, trong Chương Phục Nghi chép: Nay có kẻ chẳng ra gì, ham muốn theo thế tình, ưa thích đường kim mũi chỉ thật tỉ mỉ, phải nhờ công sức của người, thế nhưng chỉ nghĩ đến việc may vá, đường tơ thật đẹp mà không tính giá trị công sức cao thấp. Hoặc có khi giá trị công may gấp bội y tài, sự chê bai không gì hơn đây.

Xem chung lời răn dạy về y chỉ tự may, nay lược thì ngược lại, tôi do đây mà khởi.

Tứ Phần trở xuống là nói về kết phạm. Nữ công may vá vốn là

việc quen làm của ni, nên chú trọng nói về tăng. Trong đây, nói về y đại, theo Tỳ-nại-da thì y bảy điều may bốn ngày xong, y năm điều may hai ngày xong.

Trong phần ba nói một mối này nghĩa là một mối gấp. Chỉ làm nghĩa là dự định muốn làm nhưng chưa làm.

Năm khuỷu tay nghĩa là lấy thể tài dài năm rộng ba, đây là lượng pháp y không cần thuyết tịnh, ngoài lượng này phải thuyết tịnh (Dẫn đây để làm chứng ở trước, định lượng càng rõ).

Trong phần bốn, khoa đầu, trước nói chuyển may ba y. Kế từ nếu trở xuống cắt làm nạp y. Trong năm phần, bốn phần trước phạm tội Đột-cát-la, một phần sau phạm Thâu-lan-già.

Nói nhuộm may nghĩa là dùng màu nhuộm khác làm lá điều.

Phùng trước nghĩa là không may mũi kim lùi lại, vì thế chú thích để khiển trách.

Xếp lá: theo ba y kia đều là phi pháp (không đúng pháp, luật Tử Phần khai cho y Hạ thì được, còn hai y kia thì không xếp lá.

Một nửa từ trên xuống nghĩa là khai cho tướng lá y đều phải thuận xuống, không được ngược lên.

Từ A-nan trở xuống nói đúng pháp. Điều dạy làm điều là nhỏ dụ cho thuận. Nghĩa là tướng điều lá đè ép phải thuận hai bên trái và phải. Vả lại, như y bảy điều thì ba điều hai bên đều thuận hai bên trái phải, một điều ở giữa thì một điều hai bên đè ép, cho nên nói là lưỡng hướng thuận. Kế từ nhược trở xuống là nói tùy vật cắt may. Đầu tiên dẫn văn nói nếu được y, hoặc y tài, hoặc đã may thành.

Không đủ làm y Đại 25 điều còn thiếu vải. Thứ lớp giảm xuống, nên nói là cho đến.

Chuẩn trở xuống là quyết nghĩa:

- 1- Quyết về văn tướng.
- 2- Nêu pháp thọ.
- 3- Dẫn văn làm chứng.

Luật Tăng-kỳ, đầu tiên nêu không đúng pháp. Luật kia nói rằng có Tỳ-kheo may đối đầu. Đức Phật dạy không nên may đối đầu, phải may lá, nghĩa là vẽ điều lá thẳng như vẩy mà may. Chung quanh bìa thuộc nhau, nên nói là đối đầu.

Ứng trở xuống là dạy đúng pháp sáu cách:

- 1- Chế cắt rọc.
- 2- Từ cực trở xuống là nêu điều lá lớn nhỏ. Nay phần nhiều may lớn như cái quạt quạt gió. Chương Phục Nghi chép: như đám ruộng lúa

nhỏ lớn được chia bờ làm ruộng phước cho đời, nay thì may quá chánh độ kia (chừng độ nhất định) cho nên thuộc phi pháp phục. Phải y theo lời dạy không được vọng lớn quá.

3- Từ bất trở xuống là nói dài ngắn khác nhau.

4- Từ phùng trở xuống là mới may mũi.

Tuyên nghĩa là may thưa như răng chim. “Phùng” xưa nói là may qua loa (cẩu thả). Nếu răng chim rộng quá thì may chân chim. Số chép: ép lá chữ đỉnh (J) có tướng Tam xoa.

5- Từ y trở xuống nói thí duyên. Số chép: nhờ có biên chung quanh nên giữ lâu hư. Cấn thời: như trước nghĩa là may gấp cho xong, sau đó may lại.

6- Từ lá trở xuống là nói mây dây buộc (khuy), tức chỉ cho giới lìa y. Khi nói Tỳ-kheo có duyên đến nơi ở lại, tạm mượn của thế tục, thọ trì, tác tịnh, buộc khuy...

Trong phần năm, trước dẫn luật nêu pháp.

Tiến Hán là móc ngược.

Y cứ trở xuống là hiển rõ ý văn. Nghiệp Số chép: Gân đường biên bốn ngón tay, đặt cái móc giống như ngược, hướng về phía sau tám ngón tay lấy cái khuy để cho vai trái, vì thế có xa gân.

Chương Phục Nghi chép: Bỏ dùng góc y bên phải che phủ vai trái, trước móc sau khuy khâu lại dễ dàng. Do đó, Thánh tượng Tây lai, linh nghi Đông Độ. Bên vai trái không khâu xuống khuỷu tay, đầu gối, v.v... (Thời nay khâu xuống khuỷu tay mũi voi là không đúng pháp).

Trong phần sáu, đầu nói chế châm mũi kim.

Khước là ngược, nghĩa là mũi kim ngược.

Khác với thế tục, nghĩa là vì kia chỉ may thẳng.

Phòng ngoại đạo, nghĩa là có Tỳ-kheo may thẳng bị kia kéo sợi chỉ khiến cho rút xuống.

Hự trở xuống là nói vá y cũng là mũi kim.

Tứ trở xuống là y cứ quyết bốn tông.

Trong phần bảy nói chồng góc.

Số chép: tương trợ là do năng lực.

Hự trở xuống nói đặt cái khuy chồng trên vai, nhưng phải may chồng là vì chương cấu dơ.

Số chép: Số hoàn (giặt nhiều lần) y cũ sợ mau hư.

Trong phần tám, đầu tiên dẫn duyên.

Xóm làng trở xuống là nêu thêm chữ phạm kết, giúp cho giải thích rõ hơn.

Câu-lan tức điều lá, bỏ chữ đương.

Thận trở xuống là khai nghèo thiếu. Câu trên tiếp văn khai ở trên, hai câu dưới nêu nghèo không có y phục khác.

Y phần tảo ngũ nạp đặt lá chia tướng, vào xóm không có lỗi.

Ba, trong phần nói thọ trì đối đầu, dùng pháp chia làm hai:

1- Nêu luật Tứ Phần văn thiếu, câu đầu lập chế, nhược trở xuống là nói thọ lại.

Nghi cho rằng trước thọ sau quên, hoặc bị mất hay không chưa rõ, đều khiến cho xả rồi thọ lại rõ ràng.

2- Từ tích trở xuống là nói xưa nay dùng riêng. Đầu tiên dẫn xưa, chú giải hiển rõ tướng khác nhau. Luật kia y cứ về đêm chia làm ba:

- Ngủ lại đêm, đầu hôm thành phạm.

- Che giấu tội, hộ hạ, y theo về minh tướng phạm

- Lìa y phạm, tuy minh tướng trì thông suốt đêm phân chia.

Theo giới sơ có bốn câu phân biệt.

1- Sáng đi tối về (ngày chưa quá, phần đem trở về giới, các luật nói không phạm).

2- Tối đi sáng về (luật Tăng-kỳ nói không phạm vì suốt đêm, luật Tứ Phần, luật Thập Tụng thì nói phạm vì cách minh tướng).

3- Sáng đi sáng về (ngày chưa qua đi, cách minh tướng trở về, các bộ đồng phạm, luật Tăng-kỳ chỉ câu này là phạm).

4- Tối đi tối về (các bộ không phạm).

Kế nói nay dùng, chú giải nêu lấy ý kiến hai câu trên.

Trong phần chia phẩm:

- Đầu tiên nói Đại y. Chánh tức là y bốn vị, từng nghĩa hai mươi bảy là thiếu bốn y, dùng y khác đương đương số.

Chánh mười tám phẩm: Cắt rọc chông lá đều có chín.

Tùng có tám: y bảy điều hai phẩm; y năm điều ba phẩm, mạn y một phẩm. Chánh và tùng hợp lại thì có hai mươi bốn phẩm. Ba y làm chánh và tùng lẫn nhau, mỗi y có hai mươi bốn phẩm, tổng cộng thành bảy mươi hai phẩm.

Nói “mạn thông”: vì tùy dùng phân chia.

Hợp thành một: vì y cứ theo thể đồng, nghĩa sao thiếu văn, nghiệp sơ hiển đủ.

Trong phần thêm y hạ, câu đầu nêu trước sau, trước trở xuống phải có chữ “gia” (thêm).

Nghiệp Sơ chép: Trước khiến trì bình bát sau mới trì y, nghi tướng (tướng oai nghi) không tiện (đây là khiển trách xưa). Ý do ở trước hỏi: y

đúng như tên, gia thọ liền đắp. Kế thọ y Uất-đa-la, tùy thể ở trước. Sau thọ y tăng-già-lê, vừa có thể gấp lại.

Bình bát là thọ thứ hai, y phục đã đắp mới được tay cầm.

Tọa cụ thứ ba. Sau cùng gia trì một lớp để trên vai (Đây là y cứ ba y, bình bát, tọa cụ một thời gian trì. Theo pháp đắp dùng để rõ thứ lớp. Hoặc không đồng thời gia trì tùy duyên không nhất định).

Thử trở xuống là nêu phẩm số.

Trong phần gia chánh y: đầu là chánh gia cắt rọc, cũng trở xuống là chung hai phần còn lại.

Trong phần chú giải dạy cách chồng lá, biên trên phải may mũi kim, biên dưới phải mở ra, khiến cho đồng cắt rọc. Khác đồng tức chỉ từ khác ở trước nêu ra luật Thập Tụng.

Trong lời chú giải, sau ngăn không được chồng lá, đều khiến cho bất chước đồng cắt rọc. Thời nay cắt rọc đều may hợp, khai cho một tác.

Xưa tương truyền gọi đó là minh khổng hoặc minh tướng, lại gọi là lậu trần, nêu đời truyền lầm, nay chưa thức tỉnh.

Nay xét trong Chương Phục Nghi chép: cắt may thấy lá tiêu biểu tướng cắt kia. Nay đều may hợp, không có tướng để phân. Đây là biết thời nay không khai tướng lá, tức đồng với chúng nhỏ đắp y mạn mà thôi.

Trong phần nói Tòng y, nói “Điệp hạ y danh”: do tên chung, vì tùy dùng mà chia ra.

“May chồng y số điều của y thượng”: do thể là nhất định vì như thật mà xứng. (Có chỗ nói: y năm điều thọ là sai).

Cho đến y bảy điều nên nói: đây là y An-đà-hội, hai bức dài một bức ngắn, là y cắt rọc xin thọ trì.

Trong phần chú giải y mạn, đầu tiên xét pháp tòng y ở trước, mạn trở xuống là chánh nêu pháp y mạn.

Trong phần chú giải y thượng, câu trước thông chồng lá, Dĩ trở xuống là xét trong từ có bao nhiêu.

Trong phần kết thân, văn đầu câu trên kết trước, luật trở xuống là nêu số.

Luật kia tức là Thập Tụng, sợ nghi chưa cắt cho là y tài, nên phải chú giải để quyết nghi.

Khoa kế, trước dẫn văn luận. Tất trở xuống là khiển trách không đúng pháp. Trước khiển trách mâu trắng. Kế từ như trở xuống là khiển trách bốn mâu, chỗ ưa thích của người vì thế nói rằng có nhiều. Mâu

trắng tăng không để tang nên không dùng, vì thế nói không nhiều màu trắng.

Chánh nói tức chỉ cho Luận trên.

Kim trở xuống nói thương thán, khổ thọ, giống như nói kiên chấp.

Một, đời không có y là trái với pháp chế. Chết phụ Thánh trách, trái giáo kết phạm. Lo gì không có đường ác phân định, vì sẽ đọa đường khổ. Hai câu trên là hiện nghiệp, một câu kế là lai báo (quả báo đời sau). Chữ nhị ở sau là lời than.

Thời nay có người dùng vải y làm tang phục. Y là Đức Như lai chánh chế tiêu biểu cho ba thừa, đâu có ý một ngày trở lại làm tang phục, thêm dây màu trắng rủ dài xuống, hoặc lại dùng vải thô tiêu biểu khác, hoặc khăn màu đen quấn cổ, hoặc mũ vải trắng đội trên đầu, đây đều là phong tục quê mùa của thế tục thanh truyền ở đời, tướng pháp diệt hiện ở đây.

Trong pháp xả, lời chú giải y theo luật Tăng-kỳ vì luật Thập tụng thiếu văn.

Lời chú trong Yết-ma chép: một lần nói liền thôi, do đó thọ trước không lấy theo luật Tăng-kỳ, do gia thọ thành trì, trì giữ đã khác nên phải lấy hoại.

Xả là bỏ. Kia đây không trái, tùy dùng chung được.

Một lúc thọ xả: Nghĩa là ba y một lúc đồng gia thọ (thân), chỉ phạm tội nhỏ lẽ ra pháp thành.

Pháp của Ni, khoa đầu có hai:

1- Nêu chung.

2- Từ mười trở xuống là nêu pháp.

Quyết-tu-la là trong luật Tứ Phần nói là Tăng-kỳ-chi, vì thế nói là quốc ngữ khác nhau. Âm nghĩa trong kinh dịch là Yểm-dịch y, nghĩa là phủ nách trái, buộc kèm dưới nách phải, dài bảy thước hai, rộng bốn thước năm. Kế là thêm Phú Kiên y, văn lược hai câu đầu, giống như trên mà thêm.

Trong phần chú giải, do hai pháp trên đều lập lượng khuỷu tay. Đương thời chế tạo phần nhiều trái với bốn thức, cho nên sửa đổi thì sự pháp tương xứng.

Nghiệp Sở chép: Ni thọ hai y. Lượng khuỷu tay của Phú Kiên y ít có chỗ công nhận, Tăng-kỳ-chi thì hoàn toàn sửa đổi, văn tuy y cứ định về lượng nhưng dần dần biến đổi.

Theo Yết-ma sửa rằng:

“Đại tử nhất tâm niệm, tôi là Tỳ-kheo-ni mổ giáp, Tăng-kỳ-chi này may đúng pháp, tôi xin thọ trì”. (Phú Kiên y cũng giống như vậy).

Hỏi: Đây là áo của ni, tăng có khai cho chứa không?

Đáp: Theo đây trong giới Ni thì Ni lìa năm y đều phạm tội Ba-dật-đề, Tăng lìa hai y phạm tội Đột-cát-la. Rõ biết được làm một trăm lễ một vật thọ trì, nhưng Ni là chế vật, tăng nhập vào y.

Hỏi: Tăng có được mặc không?

Đáp: Theo trong Trụ pháp Đồ Tán nói: A-nan dung mạo đẹp đẽ, người nữ thấy sinh tâm ưa mến, nên riêng cho phép mặc. Xưa nay, tăng cũng phần nhiều mặc, vì thế Đồ Tán khiển trách rằng: Thời nay kiêu hãnh mà vọng mặc ấy là xen lạm đây.

Hỏi: Nay Tăng có được mặc không?

Đáp: Tuy có lời khiển trách nhưng không hoàn toàn bỏ.

Song ở Tây Vực thì vén y bày vai làm lễ, còn xứ này phục sức làm nghi. Nếu theo cõi nước (địa phương) thì chẳng thể không mặc.

Hỏi: Nếu vậy, nay người học luật vì sao không mặc?

Đáp: Người biết thì mặc, còn người mê mờ thì không mặc. Nhưng người đời không biết áo lót nhỏ tức hai thứ Tăng-kỳ-chi và Phú Kiên y, vì thế thay đổi lớp trên che mà thôi. Phải biết bên phải áo lót là Phú Kiên y. Chỉ thuận với xứ này may hợp hai tay áo, cắt cổ áo rời vạt áo, giống như còn tướng cũ, đâu không như vậy.

Nay có người cố chấp rằng mặc nặng, nên hỏi rằng Phú Kiên y vốn là để che bắp tay, nay bên trong tôi đã có áo ngắn, trên có áo lót, có chỗ nào mà bày lộ được, lo gì phải che? Có người nói rằng: mặc sẽ phát sinh điều lành. Nếu vậy thì Tăng phải mặc, đâu riêng người mới thọ giới nghe luật thì sinh thiện, còn tông khác không mặc thì không sinh thiện. Huống chi dùng lụa mỏng nhuộm màu tím nghi tướng kiêu sa, đối với người thì sinh ra sự chê bai như thế tục, đối với lời dạy của Phật thì trách như dâm nữ, dơ uest chúng tăng thì có điều lành nào sinh được?

Lại nói: Luật học phải mặc là chính. Phân Tông đồ: đồng xưng là họ Thích, tôn Phật làm thầy, ba môn học vô lậu (Giới, Định, Tuệ) đều tu, oai nghi đều chế, nhưng cơ duyên kém mỏng không thể mở mang. Cho nên ba tạng chia tông, ba sự cạnh tranh giáo hóa mà cho rằng phục sức nêu khác trước chưa nghe. Chỉ do không học ngu si mà mặc tình vọng thuật, nghe nghĩa không luống, vọng này nào cùng.

Trong hiển bày rõ các bộ khác, luật Tăng-kỳ trước nói cấm chứa để khác nhau. Nếu theo tông nay thì không chứa hai y. Giới Ba-dật-đề của ni nêu Tăng-kỳ-chi chế lượng, luật kia nói một gang tay dài hai

thước tư, thì tính chín thước sáu, rộng bốn thước tám, có hơi khác với trước.

Ni trở xuống gồm nêu năm y, đồng và khác có thể thấy.

Trong phần tâm niệm, luật Ngũ Phần, trước nêu duyên. Nói trụ riêng nghĩa là bất luận là thôn hay đồng trống chỉ y cứ chỗ không có người.

Sớ chép: Hễ giới không có người thí khai cho tâm niệm, tuy có mà không đủ số đâu được đối thú?

Ứng trở xuống là nêu pháp:

1- Nêu pháp xả.

Nói ba lần: y theo văn kia, dựa vào chú giải Yết-ma cũng đồng nói một lần.

2- Từ nhiên trở xuống là nêu pháp thọ.

Tạp liệu: lựa trong môn đầu mượn y.

Nói không được xả vì không chứa để.

Khoa kế, trước nói ba y.

Thuyết Tịnh, nghĩa là pháp y sau thành thì y trước tự mất, tức là nhập tịnh.

Không xả phạm Đột-cát-la nghĩa là tội trái lời Phật chế.

Trong phần ba, luật Thiện kiến đầu nêu duyên khai tâm niệm, kể từ Chư trở xuống là nói về pháp thọ.

Trong tám ngón tay, nghĩa là trong chừng hạn tám ngón tay, gang tay bốn ngón cũng đồng.

Có sợi tơ ngang: nghĩa là có một ít sợi tơ liên kết, đây là nói về bị đâm lủng, ý nói vải dệt bị lỗi.

Sau dẫn luận Tát-bà-đa căn cứ theo đường viên (biên) quyết đoán nói lỗi.

Hai luận đều dẫn tùy ý chọn dùng. Nếu theo Nghiệp Sớ chỉ lấy lời giải thích sau. Sớ chép: do tướng đường biên chung quanh có chừng hạn thọ trì, vì thế tuy ở giữa bị lủng khai cho vá sửa lại. Vì chỗ bị lủng đó không vừa ý nên phiền lụy nhiều, chỉ cần đường biên còn thì thu biên lại liền đủ (Ở đây nêu ra không lấy ý của luật Thiện kiến).

Trong phần bốn, đầu tiên dẫn luật Thiện Kiến, văn nêu bảy duyên gồm trên thành tám.

Trong luật Tứ Phần, đầu tiên nêu riêng tính cách. Cụ trở xuống là nêu chung bốn ngại. Thường ôm lòng giữ gìn không mất nên không phạm tội. Bỗng gặp duyên sự mất thì không tội. Trước khinh mạn không nhiếp mất pháp thì phạm tội. Ba đoạn đều thấy trong giới lìa y, vì thế

chỉ nghĩa như trên, sao không có văn, số là hai số.

Trong phần năm, luận Tát-bà-đa, đầu tiên nói không thọ không lìa, luật Thiện Kiến nói lìa cũng phạm tội Ba-dật-đề, vì thế chú giải hiểu khác. Kế từ nhược trở xuống là nói gia thọ bất tịnh.

Trong phần vá sửa, khoa đầu luật 'Thập Tụng y cứ vào may châm kim để chia ra trì phạm.

Hai tội là: Không thuyết tịnh phạm tội Ba-dật-đề, không điểm tịnh phạm tội Đột-cát-la.

Trong luận Tỳ-ni Mẫu chép: “Đầu tiên chưa tịnh, may rồi thì tịnh”: vì năng y có pháp nhiệm sở y. Trên là nói y hòa hợp tịnh, luận kia nói sắc hòa hợp tịnh, vì thế chung cho hai thứ.

Yết-ma dẫn: Nếu sắc không đúng pháp, may đắp đúng pháp, đây gọi là sắc hòa hợp tịnh, lại không cần tịnh riêng (nghĩa là không cần điểm tịnh). Văn trong luận chỉ nói rằng may đắp, lời chú giải khiến y theo luật Thập Tụng trước thì chung cho.

Khoa kế, trong luật Thiện kiến có hai:

1- Vá sửa không mất.

Câu “Sắp sửa liền vá”: luận kia nói bị đâm lủng thì mất thọ.

Trong lời chú giải, nếu theo bộ luận Tát-bà-đa nghĩa phải gia thêm.

Nói tùy tình là mặc tình lấy dùng, theo lời số trước ý phải theo luận Tát-bà-đa.

2- Từ nếu giặt trở xuống là y cứ theo sắc nói không mất. Tăng sắc nghĩa là giặt rồi sạch mới, thoát thối, thượng gia.

Trong luật Ngũ Phần, nói “phức tuyến” nghĩa là sợi tơ đôi.

Giả trở xuống là nói trùng tuyến cũng đồng như vậy. Văn khai may thẳng, đối nghĩa không tiện nên phải chú giải để rõ.

Luật Tứ Phần, đầu tiên dẫn nêu. Luật trở xuống là y theo quyết định.

- Trước nêu ý luật. Nói: “Luật khiến” tức tiếp theo văn trước, nhưng không hiển rõ nên đồng luận, tức văn trước đã dẫn rằng sắp rách nhưng chưa bị lủng.

- Sau từ đa trở xuống có quyết định mất chăng?

Đầu tiên là nêu luận. Thử trở xuống là quyết phán. Câu trên xét luận Tát-bà-đa, câu dưới trong luật Thiện Kiến.

Trong phần ba, nói giả âm giả là đất đỏ. Ở đây nói nảy mầm lại rung chuyển dây mực.

Trong phần bốn, U hiển đầu quả trách: vì trái oai nghi. Kinh Niết-

bàn cũng chép: Y phục bất tịnh là tướng pháp diệt. Thời nay có người cố ý đắp y xấu vọng xưng là đạo, đây là trong không biết hổ thẹn, ngoài mất oai nghi, ô nhục tăng đoàn Đạo gì mà có?

Đại môn thứ ba nói thọ dụng nghĩa là đắp mặc, Chăm giờ lên tức là trì hành.

Trong phần nói cung kính giữ gìn: luật Thập Tụng trước gồm nói tâm cung kính giữ gìn ba y. Sau nêu riêng cách đắp dùng y Đại, có bốn:

1- Chế lúc làm việc, không để vướng bàn chân.

2- Chế ô trước.

3- Nếu vào trở xuống là nói vào xóm làng.

4- Từ nếu gặp trở xuống là nói tránh qua.

Liên lực triển, nghĩa là gánh vác vận mệnh.

Tọa cụ là tiếng Hán (Người xưa cho rằng hoặc đắp Đại y không được trải Ni-sư-đàn, vì mê tên).

Trong Bảo Đàn Kinh chép: Khi ngài A-nan kiết tập, Tôn giả Ca-diếp đắp y Tăng-già-lê, tay cầm Ni-sư-đàn, đến trước A-nan trải Ni-sư-đàn, lễ Ngài A-nan v.v... đây là nói chỗ y cứ, xin chớ nghi ngờ.

Duê nghĩa là kéo lôi.

Tránh trên gió: vì sợ bụi bay.

Nê cức nghĩa là bùn đất, gai góc. Kinh trị thiên bệnh là nói Đại y không cho đắp làm việc.

Trong phần hai, trước dẫn các văn, phần nhiều nêu cánh chim để dụ rằng y phải thường mang theo bên mình.

Câu: “Tứ phần hành tri đẳng giả”: nghĩa là xuất xứ hợp nghi.

Cách hồ cách phản là cánh chim.

Chư trở xuống là kết duyên. Thời nay ít có giữ đêm hướng gì thường đem theo bên mình. Có nhiều người trọn đời không có pháp phục, đây là đời mạt pháp giữ đêm còn hơn. Trong không có lòng tin thanh tịnh coi khinh pháp, coi thường y, người xuất gia chân chánh xin vâng theo lời Phật dạy.

Hỏi: Nếu không đem theo bên mình có lỗi gì?

Đáp: Như ở trên, luật Thập Tụng, luật Tăng-kỳ đều nói phạm tội Đột-cát-la.

Trong phần ba, khoa đầu, trước dẫn hai văn nói khai cho.

Luận Minh Liễu chép: Trước một tức y năm điều, Phi một tức y bảy điều, lưu một tức Đại y.

Luật Tứ Phần nói nghi khủng: nghĩa là nghi có sự sợ hãi.

Kế từ vào xóm trở xuống là dẫn ba văn để nói chế pháp. Nay vào xóm không đắp y, mỗi bước chân đều trái lời Phật chế.

Khoa kế, là luật Tăng-kỳ:

- 1- Nói pháp đắp và xả y.
- 2- Từ nhân trở xuống là nói buộc khuy.
- 3- Phi trở xuống là nói ngay ngắn.

Văn phần một lại có hai:

- Trước nói cách đắp ba y.
- Sau nói mặc nội y.

Trong phần đầu, ba câu trên nêu cả ba y. Luật ấy nói Tỳ-kheo chứa hai bộ ba y, một bộ vào xóm đắp, một bộ ở trong chùa đắp. Đây là ba y gồm có y vào xóm và y ở trong vườn:

Không được trở xuống là nêu riêng Đại y.

Đầu tiên nói cách vào xóm cởi y cũ đắp y mới.

Y trong vườn tức Đại y đắp khi ở trong chùa (Tăng-già-lam dịch là chúng viên, chùa viên gọi chung là từ việc Tu-đạt mua vườn làm tên).

Tự cận: giống như chữ Tai.

Kế từ tùng trở xuống là nói ra khỏi xóm cởi y mới đắp y cũ.

Nêu thứ ba kia, trong quyển 15 nói đầy đủ Đại y, hai y còn lại y cứ đồng. Nay văn lược. Chú thích nghi sợ đem vào vườn vì cho là năm điều. (Lời ký xưa lại giải thích y năm điều. Hoặc nói rằng đổi lời chú giải là khi vào xóm đắp y hạ. Hoặc nói là chữ lê hợp thành chữ lam như giải thích trên. Như vậy đều là nói dối, bởi không tìm xem bốn văn).

Trong phần nội y nêu ra hai việc cũng đồng nói ở trên. Trong văn đầu tiên ngăn việc không đúng pháp. Trước chế xuất nhập, trước cầu sau thoát. Sau chế lại đắp kéo ra. Ứng trở xuống là nêu đúng pháp (xưa không giải vì không nêu).

Đối hữu hành: y cứ giống như nút áo không buộc trên y, không rõ ở Tây vực dùng như thế nào. Trong phần bốn cho rằng: y năm điều đắp trên thân, y bảy điều ở trên giường, Đại y thì gói đầu, vì thế nói rằng nằm trong bảy điều. Nay sợ hư dơ chỉ đắp y năm điều, ngồi nằm đều trên đó, y bảy điều và Đại y xếp để trên đầu.

Trong phần năm nói như vậy nhiều lớp, nên nói rằng: Không mặc Tăng-kỳ-chi không được đắp An-đà-hội (y năm điều). Lời chú giải rằng khi đắp cũng phải xem duyên, chẳng phải cho là thường như vậy.

Trong phần sáu, trong phần năm ở trước nói trái lại duyên khởi ở đầu.

Đức Thế Tôn trở xuống là lập lời chế.

Nhược xuất trở xuống là khai duyên.

Nhược y trở xuống, là sau nói đắp ngược.

Luật Tứ Phần phần nhiều giống ở đây nên lược không dẫn. Trong phần bảy, dẫn kinh nên vén y hay trùm vai, trong luật. Trước khi lên tòa Phật mới vén y bày vai, có thể nghiệm khi khác thì đắp phủ.

Trong kinh chưa rõ kinh nào, nghĩa là đối Phật, Pháp, Tăng không cung kính.

Trong phần tám, đầu tiên nói khi gặp nạn, tạm khai cho không đắp, theo đây nên biết khi không có nạn phải đắp. Không được tạm lìa thân, việc ấy có bốn. Đến nước khác không đắp, như văn đã nêu, chỉ lược bỏ số mà thôi. Nhược trở xuống là chế phải cung kính giữ gìn.

Trong phần chín nói không lễ đều y cứ theo đối biện, không y cứ đối tăng, lời chú nêu ra lý do.

“Cung xứ tông là chỉ Đại y. Sợ không biết nên phải trình bày ý. Nên nói rằng: mỗi giáp thân đắp Đại y nên được lễ.

Trong phần mười, đầu tiên nói khi đắp, đối trước Phật, Pháp, Tăng không được quay lưng, đúng lý phải nghiêng mình, phải ở chỗ vắng, miệng ngậm tay cầm sợ làm như bắn.

Trong Tỳ-nại-da, chú giải rằng: miệng voi tức phạm giới không ngay ngắn trong pháp chúng học, văn chú giải hiển rõ như vậy, nay đắp y đều để rũ xuống khuỷu tay, đâu biết mỗi bước đều trái oai nghi, phạm tội Đột-cát-la.

Theo Cấm Thông truyện, vị trời nêu hễ kinh thì có bốn điều chế, ở đời phần nhiều mê chấp, lược dẫn đó. Truyện ấy chép rằng: Ban đầu, Đức Phật độ năm anh em Kiều-trần-như và anh em Ca-diếp đều chế tọa cụ để dưới cánh tay trái Ca-sa. Ở Tây Vực, vua quan đều đắp Bạch Diệp phủ trên vai trái, vì thế Phật chế góc y để chõ cánh tay để khác thế tục. Đây là điều chế thứ nhất.

Sau tăng chúng ngày càng nhiều, Tỳ-kheo nhỏ tuổi dung mạo đẹp đẽ, vào thành khát thực, phần nhiều bị người nữ ưa mến, do đây Đức Phật chế góc y để trên vai, sau bị gió bay cho phép dè lên Ni-sư-đàn, đây là điều chế thứ hai.

Sau đó, có tỳ-kheo bị ngoại đạo vặn hỏi rằng: Ca-sa đã là vật đáng kính, có oai linh lớn, đâu được để miếng vải ngồi lên trên? Tỳ-kheo không trả lời được, bạch việc này Đức Phật. Do đây Phật chế góc y ở cánh tay trái, tọa cụ ở dưới y. Đây là điều chế thứ ba.

Sau Tỳ-kheo đắp y không ngay ngắn, ngoại đạo hiềm trách rằng tướng trạng giống như dâm nữ, chẳng khác mũi voi. Do đây bắt đầu chế

buộc khuy phía trên khiến cho góc y phủ đến cánh tay trái (đạt là đến) thẳng đến dưới nách, không được để rũ xuống như trên. (Nay theo đây có thể đắp gạt ra vai trái, nếu rũ xuống cánh tay, khuỷu tay thì định phán là phi pháp, mỗi bước kết tội. Xưa nói: khiến ở cánh tay là chánh nhưng không được rũ mũi nhọn, là sai). Đây là điều chế thứ tư.

Trong phần 11, Ngũ Bách Vấn có ba đoạn:

1- Nói đắp lẫn nhau. Không có ý trung nghĩa là thiếu y bảy điều. Đại y vốn không phải nhập chúng, theo đây thiếu cho nên khai được đó, y tiểu là y năm điều. Tịnh ấy cũng khai cho nhập chúng, theo đây nếu thiếu y Đại. Hai y hạ khai cho vào xóm. Nếu thiếu y hạ, thì Đại y không được đắp lúc làm việc, y bảy điều thì được. Trong lời chú giải, đi đường phần nhiều đắp y hạ, hoặc thấy tháp mà lễ lạy; Luận nói không có y tạm khai, vì thế biết thường là không cho. Thời nay vào Tháp lễ tụng, phần nhiều không đổi y. Xông vào linh nghi càng thêm nghiệp thức, cần phải cẩn thận.

2- Nói thọ thức chế thì phải pháp y.

3- Nói mượn y chế thì phải ở trong giới.

Sau dẫn luật Thập Tụng quyết định văn luận ở trên, dường như chế ba y đắp trùng, thọ thực hoặc hạn cuộc thọ trì. Ca-sa nói chung, tùy đắp một việc. Hoặc lại có dư đều không lỗi.

Nói phạm tội: là phạm Đột-cát-la (theo đây chế phạm không dùng luận trước).

Trong phần 12, luật Ngũ Phần và Tăng-kỳ đều cho rằng tùy người. Kinh Tạp A-hàm nói về việc đắp y mà được đắc đạo. Kinh Hiền Ngu nói cung kính cho nên thành Phật.

Kinh Tạp A-hàm chép: có một người nữ sinh được bảy đứa con, sáu đứa lần lượt bị chết hết, vì thương nhớ con nên bị điên cuồng, lỏa thân phủ tóc đến chỗ Phật bèn được bốn tâm. Hổ thẹn ngồi dưới đất, Phật bảo A-nan đem Uất-đa-la-tăng (y bảy điều) đắp cho, đoạn nói pháp cho cô ấy nghe, liền sinh tín tâm. Sau đó, đứa con thứ bảy cũng chết, nhưng lúc này cô không buồn rầu khóc lóc. Khuyến hóa người chồng cùng cô đầu Phật xuất gia, chứng quả A-la-hán.

Kinh Hiền Ngu chép: Có một Sư tử tên là Kiên Thệ, thân màu vàng, không hại người. Bấy giờ, có một người thợ săn, cạo tóc đắp y Ca-sa mang cung tên vào rừng. Thấy sư tử này, người thợ săn nghĩ rằng: nay ta được lợi lớn, dâng da sư tử này lên vua. Bấy giờ, sư tử ngủ, thợ săn dùng tên độc bắn nó. Sư Tử thức dậy kinh hoàng liền muốn chạy đến làm hại nhưng thấy người thợ săn đắp y Ca-sa liền nghĩ rằng: người

này không bao lâu sẽ được giải thoát, bèn ráng chịu tên độc đó mà chết. Phật nói sư tử đó chính là ta, thợ săn đó chính là ĐỀ-bà-đạt-đa.

Nhiếp y trong giới, giữ y y cứ vào xứ để nói lìa y và giữ y. Xứ tùy nhiều thứ nhưng gồm có hai:

1- Nướng theo giới tự nhiên mà giữ y. Bốn tông và Bộ khác cộng thành mười lăm tướng, nhiếp giới đây như giới lìa y trong ba mươi giới Ba-dật-đề đã nói.

2- Theo tác pháp, giới nhiếp y chỉ có một tướng. Tức ở đây nói xưa nay phước lập trong thiên Nghiệp số các giới. Nay chỉ thẳng chánh nghĩa như trong biệt số, nghĩa sao không có văn.

Khoa kế, trong phần chọn lựa có cần kiết giới chẳng: Đây là gồm nêu. Nhược trở xuống là chỉ bày riêng trước nói không già-lam phải kiết. Đầu tiên nêu tướng phán định do trước không kiết, chỉ tùy theo trụ xá (phòng xá đang ở) khó giữ dễ lìa, nay nếu kết khắp giới giữ chung, vì thế kiết có lợi (lời chú giải trong Yết-ma nói tác pháp giới rộng, già-lam hẹp, sự khác nghĩa đồng với đây). Vì thế biết rằng phải kiết chung hai tướng.

Vị trở xuống nêu hoạn không kiết giới. Tăng viện là trong trụ xá nói ở trên: tất cả giới tự nhiên ngoài giới bất thất y ra đều có mười ba bước.

Kế, từ hai trở xuống là nói hai giới khác không cần. Già-lam giới còn không cần phải kết hướng chi Tiểu giới? Mượn Đại giới nêu giới già-lam mười ba bước cho kiết cũng như vậy.

Kết rồi trở xuống là nêu lỗi kiết. Hai tướng đều có ngoài viện mất, giới bất thất y nhỏ đối trong viện già-lam cũng mất y.

Trong phần lập pháp, khoa đầu hai câu trên nêu pháp xưa. Câu trên nêu chung các nhà. Đây là vì trong Yết-ma văn lập trừ thôn, thôn ngoại giới cho nên sinh chấp khác. Theo số, thì có hai nhà giải:

1- Có Sư giải thích rằng: Nếu có thôn thì phải trừ, không có thôn thì không cần, vì sao nói rằng đều phải trừ. Đây là y cứ theo Đàm Đế Yết-ma, chú giải rằng: có thôn thì nói trừ thôn, không thôn thì không cần xướng trừ thôn.

2- Có Sư giải thích rằng: có thôn kết là hiện trừ treo không kiết, sau thôn dời ra ngoài không được nhiếp y (Do trước đó có thôn nói trừ, thì chỗ thôn không đúng pháp, vì thế nói là không kiết, kia cho rằng thể thôn.).

Không thôn kiết là: Hiện kết trừ sạch, thôn đến không nhiếp, thôn đi trở lại nhiếp trong giới. (Trước đó không có thôn kiết khắp giới đúng

pháp, chỉ thôn đến là ngại mà thôi).

Câu dưới chỉ riêng cách giải thích ban đầu, kia cho rằng trừ thể. Y cứ hiện không có thôn thì đối trong lời Yết-ma “Trừ khứ trừ thôn v.v..., vì thể nói là pháp không thôn kiết. Nay trở xuống lập nghĩa nay chia làm ba:

1- Lập chung: Hai câu nói pháp kiết đều chung, một câu dưới nói lý do trừ.

2- Từ nhược trở xuống hiển hiện riêng nghĩa, tức là nay đâu cho là dự định sau. Duyên Yết-ma nói rằng kiết giới Bất thất y, đây tức là kiết.

Trừ thôn, thôn ngoại giới là tức trừ.

Có thôn liền trừ, cho nên nói rằng hiện trừ, nhưng thôn kia tuy không nhiếp y, mà không ngại không kiết. Dự định sau này thôn dời đi, vì thế nói là đâu kiết (tức khác với Sự xưa nói là đâu không biết). Không có thôn tức kiết khắp, vì thế nói là hiện kiết. Tuy hiện tại không có thôn, dự định sau này thôn đến không được thông nhiếp, vì thế nói rằng đâu trừ. Chú giải có thể thấy, chú giải sau hai chữ “thôn có” là viết ngược.

3- Từ dĩ trở xuống là hai cách giải thích:

- Câu trên nói kiết giới pháp, vì tuy có thôn nhưng không ngại pháp.

- Trực trở xuống là hiểu rõ trừ thông, vì trừ duyên nạn nên không trừ thể.

Khoa kế, câu đầu kết đoán:

1- Lý chung như trên đã nói.

2- Có y cứ như ở dưới đã dẫn. Không còn lời giải xưa nên nói rằng định nghĩa.

Luật Ngũ Phần trở xuống là chứng có và không kiết chung. Luật Thập Tụng và luận Tát-bà-đa đều đồng cho, nên nói là đồng.

Luật Ngũ Phần nói rằng:

- Nếu trước không có thôn, kiết giới Bất thất y rồi, sau đó thôn có dời vào thì không cần kiết lại vì trước đã kiết (nghĩa là thôn đi, sau vẫn nhiếp y).

- Nếu trước có thôn, kiết giới Bất thất y rồi, sau đó thôn dời ra ngoài giới, tức không xứ (chỗ trống) này có giới Bất thất y. Đây không phải đã hiển rõ nhưng còn sợ chấp mê nên nói rằng mặc tình lượng thủ, lượng nghĩa là bình lượng.

Tát trở xuống là chứng trừ duyên ngại:

* Đầu tiên dẫn luận Tát-bà-đa có năm nghĩa:

1- Xóm làng không định, nghĩa là dời đổi không ở một chỗ. Giới Bất thất y nhất định nghĩa là giới hạn của giới tác pháp và giới Tự nhiên không thể lộn xộn.

2- Như duyên khởi của luật Tứ Phần.

3- Dứt sự tranh cãi: hoặc vào xóm hội y dụng sinh ra sự ganh tị.

4- Giữ gìn phạm hạnh.

5- Dứt sự chê bai.

Hai câu này (bốn và năm) rất dễ hiểu.

* Kế dẫn bốn chế duyên. Trong Luật, do có Tỳ-kheo để y trong thôn, khi cởi ra thân hình lộ bày. Bạch việc này lên Phật, Phật do đây chế trừ thôn.

Trong phần kiết thêm nói trừ thôn nghĩa là giới hạn của thôn. Thôn ngoài giới tức phần ngoài thôn.

Cách giải: trong chú thích, trước dẫn luật này.

Thứ lớp giải: sơ chép: Pháp nghi cách thức trước, sau có y cứ không thể lộn xộn. Do khi kiết, thì trước là tăng, kế y, sau thực. Khi giải thì ngược lại thứ lớp này.

Sau dẫn luật Thập Tụng nói tùy mất, Sơ chép: giới Bất thất y nương theo giới trước, trước mất thì sau mất, nhưng không chánh thì loạn luân phạm tội (luân là thứ lớp, loạn thứ lớp phạm Đột-cát-la).

Tọa cụ tiếng Phạm là ni-sư-đàn, Hán dịch là tùy tọa y.

Trong phần chế ý:

* Đầu tiên là nói ý:

- Vì thân: vì sợ ngồi dưới đất bị tổn hại.

- Vì y: vì sợ không có chỗ để ba y dễ bị hư.

- Vì ngoại cụ: vì sợ thân bất tịnh dơ uế giường chúng tăng.

* Sau là nêu lượng.

Trong chú giải, trước nêu thể chánh. Ứng pháp nghĩa là hợp với chữ viết. Nếu theo giới Sơ thì Thạch là chính tức giăng rộng ra. (Thạch một trăm hai mươi cân gọi là Thạch).

Tức trở xuống là xét sai.

Một gang tay của Phật dài hai thước, hai gang là bốn thước. Rộng một gang rưỡi tức ba thước. Đây là bốn chế, lượng càng thêm: trong luật nói: Do Ca-lưu-đà-di thân đối trước Phật nói, liền cho pháp rộng dài đều thêm nửa gang tay.

Giới sơ chép: càng thêm là khai duyên.

Lại theo bốn chế, ngoài lượng khai riêng (nghĩa là từ bốn chế,

ngoài hạn lượng thì tăng).

Trong phần định lượng của gang tay, trước chỉ các bộ không nhất định. Đủ như trong “Tùy tướng vô chủ phòng”, ở đây chỉ tóm lược toát yếu, vẫn kia đối chiếu sẽ thấy.

Nay trở xuống là nêu sở chấp, thước đời nhà Chu cứ một thước hai tấc là một thước đời Đường. Bảy tấc hai phân là sáu tấc. Hơn tám phân là bảy phân đời Đường, chẳng phải chỉ có nên nói là gượng. Đời Đường có đến năm, sáu loại thước đều như trong phần giải thích giới tướng của phòng đã phân biệt.

Khoa kế, luật Thập Tụng và Già luận nói có cũ và mới cho nên trùng số chế đồng ba y.

Luật Tăng-kỳ nói súc lượng (rút bớt lượng lại) nghĩa là không dự định làm rộng lớn ra.

Rảy nước: ý khiến cho lui lại.

Tỳ-nại-da nói loạn nghĩa là tham loạn, tức luật Tứ Phần nói rằng: Vì hoại sắc nên không xếp (gấp) thì dĩ dĩ chỉ vậy = tiếng hoa nghĩa là xếp hay không xếp đã hai đều được.

Luật Tứ Phần nói điệp lượng trọng nghĩa là được quá lượng. Nếp nghĩa là đậm, ý trong lời chú giải rất dễ thấy.

Trong phần ba, luật Thập Tụng nói không được đơn, nghĩa là vốn để lột thân, chế phải dày nặng.

Lia đêm phạm tội Đột-cát-la: Nghĩa là một vật thường đem theo bên mình, lia thì không phải nặng.

Già luận nói không phải Phật chế nghĩa là trong pháp xả đọa không có giới này. Không đúng chỉ phạm Đột-cát-la, cũng không mất thọ.

Trong phần bốn:

* Khoa đầu có ba đoạn: Luật Tăng-kỳ nói tăng lượng:

1- Nêu Pháp tăng. Hai ba lớp: đều tùy bốn vật. Đối đầu nghĩa là hai đường biên.

2- Đấu nhau trở xuống là chỉ hạn lượng được một thước.

Quá và giảm lẫn nhau: Chiều dài thì quá, chiều rộng thì giảm. Chiều rộng quá thì chiều dài giảm đều có lỗi phải biết. Chiều rộng và dài giảm thì không lỗi.

3- Từ Chư trở xuống chỉ chung pháp tăng của các bộ khác đều giống nhau.

* Khoa kế có ba đoạn:

1- Dẫn duyên nêu vọng. Sau Phật diệt độ một trăm năm, ở nước

Tỳ-xá-ly có Tỳ-kheo Bạt-xà Tử chuyên làm mười việc. Bấy giờ, có Tỳ-kheo Da-xa-già-na Tử nói với người thế tục những lời phi pháp. Bạt-xà Tử nói rằng: Ông trước đây mắng Tỳ-kheo thấy có tội chăng?

Da-na đáp: Tôi không mắng chúng tăng.

Bạt-xà và chúng liền cử tội. Da-na bèn cầu Ưu-bà-ly làm bạn, nhóm họp bảy trăm vị La-hán, đồng chứng định kết tập lại Pháp tạng cho nên lấy đó làm tên. Chứa tọa cụ không cất rọc là một trong mười việc.

2- Từ y cứ trở xuống y cứ vào nghĩa hiển sai. Hai câu trên là lặp lại chỗ chấp, thêm tư tức là tăng lượng. Luật Thập Tụng và giới bốn gọi là thêm tư nghĩa là thêm chỉ tư, vì từ bên dật thêm. Kia nói rằng: chỉ lấy tướng tăng lượng, không cần cất rọc.

Ba câu sau nêu kia không đúng lý. Trong chín mươi pháp Ba-dật-đề chế quá lượng phạm Ba-dật-đề. Nay đã không cất rọc, chính là phạm quá lượng. Dẫn chất kia, ở đây nêu bày phi pháp. Chú giải mười việc kia: Lời ký xưa lầm dẫn, giải thích sai không phải một. Nay y cứ theo chánh văn của luật dẫn nêu đây đủ:

1- Phải dùng hai ngón tay lấy thức ăn (Nghĩa là ăn no rồi, xả oai nghi). Không tác pháp dư thực được hai tay mức ăn.

2- Được trong xóm làng: ăn no rồi không làm pháp dư thực, giữa hai xóm được ăn.

3- Được trong chùa: (Ở trong chùa được Yết-ma riêng chúng).

4- Sau cho phép: (Trong giới Yết-ma riêng chúng rồi, cho pháp có thể nghĩa là sau cho dữ dục).

5- Thường pháp: (Kia nói: Tỳ-kheo làm việc thường xem ba tạng Pháp luật. Nếu không xem Pháp luật thì trái với pháp, việc đã làm, chưa làm đều không nên làm. Như khai thiếu không trái pháp luật cũng được thường khai nên nói là thường khai).

6- Được hòa: (ăn no rồi xả oai nghi). Dùng sữa, dầu, sữa sống, mật, đường phèn hòa một chỗ ăn.

7- Được dùng muối để cách đêm: Được dùng muối bỏ trong thức ăn để cách đêm mà ăn.

8- Được uống rượu xà-lâu-la: (các thứ rượu nấu chưa được chín lấm)

9- Được chứa tọa cụ không cất rọc (tức nay đã dẫn)

10- Được nhận vàng bạc: Tỳ-kheo được thọ nhận, chứa để. Bạt-xà Tử cho là mười việc này là pháp thanh tịnh, là pháp mà Phật đã cho phép để hóa độ người, nên kết tập lại.

Thử trở xuống là khiển trách đời vọng thực hành. Kia lúc bấy giờ đã dứt như nói là bỏ đã lâu.

3- Từ luật Thập Tụng trở xuống là y cứ văn để định phạm. Luật Thập Tụng nói không thêm tờ là thanh tịnh: tức Bạt-Xà Tử chấp là thanh tịnh. Sau dẫn tướng phạm để quyết đoán phi pháp ở trên. Bộ Già luận giải thích như luật Thập Tụng. Trong lời chú giải xếp vào phạm vì đều phạm giới quá lượng trong chín mươi pháp Ba-dật-đề (Thời nay tờ làm lớp dưới, mặt trên cắt thêm đều phạm quá lượng.

Trong phần chánh pháp có ba:

1- Câu đầu tiên là nêu bày.

2- Y cứ trở xuống là nêu pháp. Hai câu trên, trước là nương vào bốn chế, y cứ theo lượng ban đầu, tức bên trong dài bốn rộng ba. (Y trước lượng dụ chung cho tọa cụ. Số thước nhiều thì phải xét kỹ, nếu quá phạm giới, có thể làm giảm nhỏ lại, nếu quá phạm giới có thể giảm ít?)

Cắt đoạn: ngắn lượng chung là sai.

Thi duyên nghĩa là đâm mũi kim hợp đường biên tất cả thành (Duyên nghĩa là đường viên. Không phải bốn bên gấp, khi may không cần gấp cắt).

3- Nhược trở xuống là dạy pháp tăng, trước khiển ngồi thử, ý trình bày phải thế nào, nếu vừa thân thì không cần thêm.

Y theo lượng tăng thêm ở trên tức dài năm rộng bốn. Đầu là đầu dài, biên là biên rộng đều thêm một thước. Phải hai bên đối đầu may liền tiếp (Cảm Thông Truyện, vị trời khiến phá khai một thước, bốn bên thêm. Nay làm cách thức nhất định). Vả lại, Ca-lưu giảm bớt bốn ngón tay Phật, thân quá lớn đầu chỉ tăng lượng mà thôi. Thời nay, thân kém yếu không quá sáu thước nhưng cố chấp tăng rộng lại khiển trách ban đầu chế đều là ngu muội. Mong mọi người đọc kỹ văn này để sớm sửa đổi.

Thử trở xuống là kết định số thì ngàn vị Thánh cũng không thay đổi.

Chánh văn chính là ba tạng đã truyền còn không sợ vâng theo nên thêm chú giải. Tâm đại bi của Đức Phật rất thân thiết nhưng người ngu nào có biết.

Trong phần bốn, đầu tiên dẫn duyên của các bộ khác, luận Tát-ba-đa là giải thích luật Thập Tụng, luật ấy chép: Chiều dài tăng một gang tay, chiều rộng không tăng. Ý của luận gia muốn nói lên tăng dài nên nói khiển ngồi... thì cùng luật Tử Phần nói khai duyên (mở rộng

đường biên) hoàn toàn khác. (Có người chấp phải tăng chính là dẫn văn này, không thấy văn sau).

Ích là tăng, tế là đường biên.

Trong phần chú giải, đầu tiên nói về văn giới. Kế, từ y cứ trở xuống chuẩn trở xuống nêu số thước. Kế tiếp từ Tử Phần trở xuống y cứ tông nay phân biệt khác. Câu trên chỉ cho bốn tông như trên đã nói.

Trường hợp khác có hai:

1- Chỉ thêm nửa gang tay.

2- Chiều dài, chiều rộng đều tăng thêm.

Hai câu sau phân biệt bộ khác. Tông nay luật Tứ Phần không thể y theo kia, vì thế nói rằng không cần dùng. Song từ bên diệt thêm tư có thể cắt đoạn sau đó thêm, vì thế nói rằng chỉ dùng cách tăng thêm.

Trong lời chú giải sợ có người muốn chứa đẽ, nên lại nêu bày.

Trong pháp thọ xả. Trước nói về pháp thọ.

Luật Tăng-kỳ, trước nêu tên.

Bất trở xuống là chế thọ. Cập trở xuống là hiển dụng.

Luật Thiện kiến cấm thọ, lý phải cần pháp.

Nghĩa trở xuống chính là thêm pháp, văn y theo pháp bình bát, vì thế chú giải nêu lên. Vì trì, dùng, lìa, phạm đều chẳng khác.

Kế từ Nhược trở xuống là nói pháp xả. Chỉ dùng chữ xả thay thế chữ thọ trì mà thôi.

Trong phần trì dụng, trước nói cách dùng.

Luật Tăng-kỳ, câu đầu gồm nêu. Tại trở xuống là hiển bày riêng. Đầu tiên là nói dùng trên đường đi. Trường điệp là chiều dọc là bốn nhiếp, Trung điệp là chiều ngang nửa nhiếp.

Kế, từ trí trở xuống là nói dùng trong chùa.

Bổn xứ là giường thường ngồi. Khiến bên trong đóng lại (xếp lại) vì chưa ngồi sợ bụi dơ. Sau duỗi ra nghĩa là khi ngồi lại trải ra. Phạm trở xuống nêu cách ngồi, vì có ngoại đạo thử Tỳ-kheo, giường bị ngã, thân hình lộ bày, cho nên Phật chế.

Kế từ Hiền Ngu trở xuống là nói pháp trì. Kinh Idều để trên vai. Trước dẫn luật Tăng-kỳ cũng vậy. Sau khiến trách không đúng pháp chính là y cứ sự phế bỏ, theo “Cảm Thông Truyện” ở trước thì ngoại Đạo vẫn hỏi phá ngược lại để trên cánh tay trái, nay phải y theo chuyện.

Trong phần nói đây lượt nước, chế ý có hai:

Trình bày ý người xuất gia tu lòng từ làm gốc. Từ là ban vui, đầu tiên là không sát sinh, còn trùng tuy nhỏ nhưng nó cũng muốn giữ gìn mạng sống như con người không khác. Đây chính là dụng cụ thực hành

lòng từ và duyên cứu giúp muôn vật. Đại hạnh do đây mà sinh, chí đạo do đây mà thành, đồng ban giúp thức, chớ nên xem thường. Quyết ý ở đây nghĩa là chế ý chứa để trong lòng từ cứu giúp.

Nay trở xuống là chỉ sai. Cố trở xuống là dẫn văn dạy. Còn lại phần nhiều chế riêng hai phần trùng và nước cho nên nói là thiên.

Dư trở xuống là sinh khởi. Câu trên chỉ trước, hai câu dưới nêu ý tôn trọng.

Y theo ý Phật nghĩa là Phật chế hai giới là tôn trọng mạng sống côn trùng, nay lời sao lại nói ý kia cũng giống như vậy.

Khoa kế, luận Tát-bà-đa, trước nói câu xứ. Kế từ phạm trở xuống là nói cách dùng nước, lựa mình nay phải lựa đây.

Trì giới phân biệt với phá giới vì xem thường mạng sống côn trùng. Xem xét kỹ: đối trong trì giới lại phân biệt với khinh thường, tào bạo. Có như trước: tức làm giống khác xả bỏ v.v... Luật Tăng-kỳ nói: côn trùng quá nhỏ, y cứ theo đây lướt nước mà thấy được. Nếu nói về Thiên nhãn chỗ đã thấy do đâu mà hết được.

Trong phần ba nói chước hình: ngày nay phần nhiều dùng cây trúc bằng đồng, bằng sắt cuốn tròn.

Thi bính: là cũng ba góc, chỉ có hình dáng là khác mà thôi.

Hoàng khuếch: dùng tre làm sọc vuông có loại giống như Dược-la.

Để cát trong đây nghĩa là để cát nhỏ dưới đáy đây, sau đó mới lọc.

Nửa do-tuần là hai mươi dặm.

Trong lời chú, chữ phú là nhập vào. Rót nước từ trên xuống. Do trong đây thì dơ, bên ngoài thì sạch nên lật ngược lại để rửa.

Trong phần bốn: đầu tiên là nói chính thân làm.

Thủy trần: luận Tạp Tâm chép:

Bảy cực vi thành một A-nậu trần, loại này chỉ có Thiên nhãn và Bồ-tát, Luân vương mới thấy được.

Bảy A-nậu trần là một Đồng thượng trần.

Bảy Đồng Thượng trần là một Thủy thượng trần.

Bảy thủy thượng trần là thổ mao trần.

Trí luyện tức tư bền, đầy, chín.

Kế, từ cố trở xuống là nói thuật ý. Không có lợi ích cho mình và người: đã thành nghiệp sát. Người khác gặp sự tàn hại, tánh giới không sám hối thì nghiệp không mất.

Trong phần năm:

- Đầu nêu sự chê bai kia cho rằng việc nhỏ. Vì thế đặc biệt chỉ đây coi thường luật học.

- Sau từ song trở xuống là trách sai. Ngu giáo cho nên không biết chỗ sâu xa. Không có lòng từ nên không biết còn trừng bị tổn hại, không suy nghĩa xuất ly nên không biết Chương đạo.

1- Một Khiển trách không cho chứa để.

2- Hai từ dù trở xuống là khiển trách không dùng.

3- Ba là từ tuy trở xuống khiển trách không giữ gìn. Song một pháp lướt nước này rất nhỏ nhiệm người tuy thực hành ít nhưng khỏi tội. Trong nghi giáo giới có nói rõ hãy tìm xem.

Thả trở xuống là thương xót, trong luật nói bốn việc: phá giới, phá oai nghi, phá chánh kiến, phá chánh mạng. Tướng của giới thì thô thiển, ba việc còn lại thì sâu kín. Thô ấy còn phá, ba việc còn lại không thể nói, vì thế nói là ẩn núp trong đó.

Trong Thính môn, sáu vật trước giúp cả ba căn, môn này có bốn khoa: Đầu tiên đối trung căn và hạ căn, kế hạn cuộc thượng căn. Nếu y cứ theo bốn, thì dựa vào tên làm gốc, chế vọng không định ước. Dùng xá do người nên quy về thính nhiếp. Thọ thí, phân vật chung cho ba có thể biết.

Trong môn đầu gồm phân, bộ Bách Nhất nói cung thân nghĩa là khi cần nên dùng, gia thọ, nhớ nghĩ cả hai đều chung cho phép khác, trước phải thọ, vì thế nói là khiến.

Vật dư hạn cuộc nổi y, lại gồm tiền, ngũ cốc, v.v... các vật, vì thế nói là và các thứ khác.

Trong bộ Bách Nhất, khoa đầu, trước gồm nêu tên và thể. Nhược trở xuống là phân biệt riêng dường như quý. Không được tự chứa để, trừ khi ta đi phải cần đầy đủ thì được chứa dùng, như thủy tinh, hột soàn giả, đồng, sắt, v.v... như trong ba mươi thứ tùy tướng có nói đủ.

Trong phần khai cho phép, luật Tăng-kỳ nêu chung chỗ khai. Không chỉ bộ Bách Nhất nghĩa chung cho vật khác, mà luật Ngũ Phần nói ba y tức bốn chế đồng thọ trì. Tướng tùy nêu là hai bên vế, gót chân, mu bàn chân, xương đùi cũng làm chân, ruột già.

Như trở xuống là kết nêu các y, tức các thứ (giống như) y ở trước và khăn, đũa lướt nước ở sau, v.v...

Trong phần thọ pháp, khoa đầu trước là nêu tên chung, kế từ vâng trở xuống là nêu pháp thọ.

Mồ sắc tức Điệp mục, cũng hợp với trước rằng: Đại đức nhất tâm niệm, tôi là Mồ giáp. Tăng-kỳ-chi này mới nhận, trong chú giải sau, sáu

chữ trên là kia, năm chữ dưới tức nhà làm lời sao nêu ra, vì sợ cho rằng năm chữ đối lẫn nhau.

Khoa kế, trước nói thọ trì.

Nói “Tuy xuyên mà không mất”: ba y có mất, không mất, áo mưa trở xuống là nói không mất.

“Đạo danh tự” là nhắc lại khác trong pháp.

Thủ trở xuống là phân biệt nhiều ít

Hai thứ tay và khăn nghĩ lại thay đổi.

Tạp y giống như các vật: kim, chỉ, đũa lược nước, khăn.

Dư y tức áo mưa, tọa cụ... luật Thập Tụng nói bảy y, ba y là ba.

Sáu trên không liên hệ với Bách Nhất vì thế dùng sáu chữ để kết.

Trong luận Bà-Sa nói thể của y chế thọ, trái thì có lỗi (Tọa cụ cũng như vậy, trong luận không nói). Bộ Bách Nhất cho phép thọ cũng phải gia pháp, vì thế nói là có thể. Nếu chỉ nhớ nghĩ không gia pháp cũng cho phép, vì thế nói rằng không có lỗi (xưa nói là không thọ thành thượng căn là sai).

Trong Sa-di, trước nêu chế y. Đồng thời trở xuống một trăm lễ một. Tự trở xuống là các vật dư khác.

Nói “Trừ tiền bạc, ngũ cốc thí cho chúng thế tục”.

Kế là nói y dư. Trong phục sức, khoa đầu nói: Đại y may năm ngày xong, y bảy điều may bốn ngày xong, y năm điều may hai ngày xong, y dư may một ngày xong. Nếu y cứ theo thông mà luận thì chỉ những thứ ngoài thọ trì đều gọi là dư. Nay ở đây đối với vật thọ trì muốn nói y dư này là các vật nhỏ khác, vì thế có thể một ngày xong là sai, nghĩa là chung cho thông lớn nhỏ.

Trong Tăng-kỳ-chi, văn chú giải dịch tên là y cứ theo văn luật sau, từ tướng làm tên, trước dịch là Yêm Dịch, rất được sự thật.

Tứ Phần trở xuống là dẫn nêu bày.

Trước dẫn ba luật nói chế pháp. Sau dẫn luật Tăng-kỳ nêu chế lượng.

Trong phần chú giải, trên nói tướng cũ, dưới nêu tướng sửa đổi.

Hậu Ngụy tức Nguyên Ngụy.

Thời nay, áo đơn chật lại thay đổi, số giải văn kia đã bị mất.

Trong phần Niết-bàn-tăng, văn đầu chú dịch là nội y, ở Tây quốc xưa không có khố tức dùng áo trong đây để mặc.

Trong luật Tăng-kỳ nói chế giới là giới đầu trong pháp chúng học, luật Thập Tụng nói khi làm là khi làm việc.

Trong Tam Thiên nói nhiều ba vòng tức y cứ đời, y theo kia ở trên phải có chữ đời.

Pháp khác, sau nói lộ bày thân hình thì mặc Nê-hoàn-tăng. Trên không có Tăng-kỳ-chi thì không được đắp Ca-sa, không được lên tháp, đến chỗ tượng Phật, giảng đường, trước ba Sư, Thượng tọa, trước Tăng, v.v...

Trong Ngũ Bách Vấn nói được buộc gót chân nghĩa là buộc vạt áo và quần để ngăn gió.

Luật Tứ Phần nói xếp mặc nghĩa là không dùng dây buộc. Hai, ba, bốn đều vì nhỏ không đủ sức nặng để trợ giúp.

Điều nghĩa là không khiến cho loạn.

Quyết: như vòng ngọc. Tức giống như cái móc, do sợ buộc nhiều lần dễ bị hư. Nên dùng vòng ngọc để buộc lại.

Ngô là Phương Nam.

Thực là Xuyên giới (Xuyên là Tứ Xuyên). Thời nay may quần, trên buộc dây lưng tức giống như quần vương của người nữ thế tục ở nước này. Tuy trái với bốn chế nhưng tiện cho việc mặc dùng. Thiếu là có lỗi không đều.

Hai luật: Thập Tụng và Ngũ Phần nói trong đó là giữa hai áo.

“Trên am bên trái” nghĩa là trước dùng biên phía bên trái ở trong che kín phía bên phải. Sau dùng biên phía bên phải để ở trên để che kín phía bên trái.

Trước nói gấp đầu gần bên trái.

Chương Phục Nghi chép: như thế tục truyền, đây là vạt áo. Nay phần nhiều che kín phía bên phải, trái với pháp này.

Đương hậu: đương tức là trước.

Trong phần ba, luật Thập Tụng chép “Câu-tu-la” kinh âm nghĩa nói: Hán dịch là đồ, y theo hình kia lập tên. Nếu theo văn chú giải tức chung quanh may hợp không có hai đầu, nên gọi là Câu-tu-la mà thôi.

Luật Ngũ Phần nói: thế tục quở trách thì biết Câu-tu-la này vốn giống như áo của người thế tục, vì thế phương tiện hỏi.

Quán đầu y: xưa chép: Áo đơn của người Nam Hải, áo cắt một cái lỗ trống trên đầu để khi cởi đầu ra trước, kể hai tay áo nghĩa là thông suốt với đầu.

Chú giải rằng: loại quần của người nữ: Thời nay quần người nữ cũng không may hợp.

Trong phần y khác, khoa đầu nói thiên đản nghĩa là chỉ còn vai áo tay trái còn tay bên phải thì lộ bày ra. Tức trước nói Tăng-kỳ-chi cụt

cánh tay, tức che vai. Hai loại áo này tuy cho phép gọi là y nhưng trái với nghi xưa.

Quần vuông: Xưa nói rằng đây là quần khi người nữ ngồi trên ngựa. Các loại quần là từ quần, xiêm, v.v...

Nghiệp Sở chép: Thuận theo văn luật, không phải thể tục, không phải ngoại đạo.

Luật Thập Tung, đầu tiên nói tức sắc, không phải thể mao chiên, đây là thể sai, đồng thời chế tạo cũng sai.

Thiên tụ tức thiên đản (vén y bày vai phải)

Phức nghĩa là áo kép (áo nhiều lớp).

Lưỡng so y (áo hai tay) nghĩa là áo may hai tay chỉ che vai và cổ mà không có vạt áo.

Nang y: như loại khăn, vớ, bao tay.

Trong phần bốn, trước nêu chế riêng. Năm tướng trước sai đều là áo của người thể tục, còn lại là thể sai, vì đều là áo của ngoại đạo.

Điệp là quần đùi.

Hành đấng là bó buộc lại.

Các thầy trở xuống là dẫn chế chung.

Trong luật chép: vì có nhóm Tỳ-kheo sáu vị sinh lỗi, Đức Phật tùy chế đoạn, lại làm áo khác. Phiền lụy như vậy nên Đức Phật gồm đoạn, vì thế nói là trái lời ta chế, v.v...

Như pháp trị tức tội Đột-cát-la.

Trong phần khai cho chứa để, khoa đầu dẫn kinh. Được và không hai ý tùy nghi phương tiện, không đâu chẳng phải vì Đạo.

Khoa đầu trong phần nêu vật. Trong luật Tử Phần nêu vật của tăng. Tỳ-kheo trở xuống là nói khai cho mượn, nghĩa là vì có duyên sự.

Khai nơi chốn bị hoại tức mượn y. Xứ dời đi chỗ khác nghĩa là tạm để chỗ khác.

Nếu mặc trở xuống là nói ưa giữ gìn.

Luật Ngũ Phần nói làm việc khai chế đồng với đó.

Kế là nói vật quý, trước nêu khai cho chứa để, y quý giá tức đồng với ba y của Tỳ-kheo.

Quốc vương Tây Vực, xứ này khi xưa nói: vua quan phần nhiều cũng mặc áo này.

Cù du là nệm lông.

Nhược trở xuống là cấm dẫm đạp vì sợ tổn hoại nên văn dạy chớ xa xỉ buông lung. Vì thế, văn chú giải quyết đoán trước được ngồi do

luật Ngũ Phần cấm phạm, vì thế biết trong chùa không khai. Tức trở xuống nói rằng nhà người tại gia không có giường nệm khác để ngồi.

Trong phần ba, khoa đầu nói cấp trụ phòng tức pháp chế cho Tỳ-kheo cữ Trụ tiếp đãi Tỳ-kheo khách, hoặc vì kia có thiếu.

Phòng y tức màn che v.v... Phức trữ như ngày nay cấp cho áo bằng lông.

Gởi thế tục phải nhuộm: Vì có chỗ riêng, luận Ngũ Phần nói tức Tỳ-kheo đem y mượn thế tục nhuộm giùm.

- Khoa đầu, trước lựa bì phu tức đối mao.
- Kế lựa (mâu nhuộm).
- Ba là khai muối mòng làm chướng.
- Bốn là chế khăn đầu.
- Năm cho pháp y dùng khi bị ung nhọt vì duyên bệnh.

Sau dẫn kinh Trung A-hàm dường như quyết đoán theo luật Tứ Phần nhuộm y bông trước, hoặc phạm thọ vật quý đều phải là người có đức dùng trước. Vì thế lời chú giải y theo đó.

Năm việc biên phương tức Ca-chiên-diên ở nước A-bàn-đề vì Sa-di Ưc-nhĩ truyền giới, ba năm mới được đủ số tăng, vì thế sai Ưc Nhĩ thỉnh Phật khai cho thọ giới, tắm giặt đều do đây dẫn. Ba việc còn lại chánh dùng.

Trong phần đầu, chú giải rằng ba năm mới nhóm họp tức duyên của Sa-di Ưc Nhĩ.

Trong phần năm nói rằng được y vào tay: nếu tay chưa cầm thì nhiều ngày không phạm.

Luật trở xuống nêu phần chừng trung biên. Luật nói phương Đông tức phía Đông của Trung Phạm. Cành câu trắng về phía trong đều thuộc cảnh giới Ngũ thiên, y theo bốn phương đều có giới hạn, văn lược các phương khác.

Chú giải dẫn sách “Cống Chức Đồ”: Đời Lương, ông Tương Đông Vương soạn “Bách Quốc Cống Chức Đồ” một quyển.

Ở đây nói ở phương Đông kia là nước Chấn Đán, lại ở Bạch Mộc Điều Đông, vì thế chỉ kia là Tây Phiên.

Nhi trở xuống là quyết khai chế. Trong năm trường hợp, hai trường hợp đầu khai cho tăng, phần nhiều lại cấm. Ba trường hợp sau là thường khai.

Trong phần về da, khoa đầu có ba:

1- Cấm không được nuôi, khi điều trái lại, Kinh Sơn Hải chép: loài thú này giống như con Sói.

2- Từ hựu trở xuống là chế không ngồi. Nói “trừ giường báu nghĩa là dẫu ở nhà thế tục cũng không được ngồi”.

3- Từ không được xin trở xuống là nói xin dùng khai chế.

Hộ xu tức nay gọi là cửa.

Cựu trưởng hiên, xưa nói: đây là nhà trên xe một đầu chúi xuống, một đầu ngẩng lên.

Trong luật chép: vì nhóm Tỳ-kheo sáu vị làm nhà nầy như vua quan, bị thế tục quở trách nên Đức Phật chế.

Trong Tam Thiên nói khéo giúp là để tu thiền.

Thi vi là da đã xông.

Chỉ pháp khác: tức kia có năm tướng:

1- Rộng một thước.

2- Dài tám thước.

3- Trên đầu có móc.

4- Đứng ba lớp.

5- Không được dùng móc bằng vàng.

Từ sau đến câu trước là nói quá hai đầu gối, buộc lại khiến cho động, ở đây không phải thường dùng. Vì thế, khiến cho mang vào. Ở nước bị tuyết lạnh thì khai cho mang vợ, tức thích nghi ở nước này.

Khoa kế, trong phần chế tạo.

Ứng cũng viết là ông, tức giày ống.

Ngoa pháp nghĩa là loại giày ống của thế tục. Phú-la cũng là loại giày ống.

Lý là hai đế bằng da.

Trong phần ba, luận Tỳ-ni Mẫu nói ý chế thoát. Ngũ Bách Vấn khai cho mang.

Trong phần bốn nói tịnh pháp để đề nén sự tham lam.

Trong phần năm, trước nói giày da, sau nói các loại guốc gỗ.

Trong phần trước có năm đoạn:

1- Nói cho phép mạng.

2- Từ nếu mang trở xuống là nói tu bổ.

3- Từ nếu được trở xuống nói vào xóm khai chế, trước dẫn văn chế. Ở Tây Vực cho rằng mang giày là không đúng lễ, vì thế không cho vào thế tục, xứ nầy thì trái lại. Sau dẫn văn khai tức trong Kiền-độ Bì Cách nói rằng: Đi giữa đường cởi giày, mức nước chot, hoặc bị mất giày dép, hoặc bị trùng độc cắn, vì thế bạch Phật, Phật dạy rằng: Không nên cởi giày dép và vén y bày vai. Các vị Tổ Sư muốn tùy theo cõi nước cho mang giày vào thế tục. Cho nên chú giải nói cho phép.

4- Từ nếu được trở xuống là nói giày xen không cho phép. Kế là nói quốc gỗ có bốn thứ quý là: vàng, bạc, lưu ly và các thứ trang sức quý.

Thứ hai: là Tinh pháp, trong phần chế ý, khoa đầu dẫn luận. Trước nói ý khai thuyết, sau nói ý mười ngày.

Trong phần trước lại có hai: Đầu tiên hỏi chân, ngụ ý. Sau hỏi ý khai.

Sau, trong phần đáp, chỉ duyên xưa: Trong luận Phân Biệt Công Đức chép: Tu-bồ-đề trong năm trăm đời thường sinh lên cõi trời Hóa Ứng (tức trời Tha Hóa Tự Tại). Đời sau làm vua, khi xuất gia, Đức Phật cho đắp y vải thô, thức ăn dở, nệm cỏ làm giường. Tu-bồ-đề nghe vậy liền nói với A-nan rằng: Ông ở một đêm, liền đến chỗ vua mượn các thứ như: tọa cụ, cờ phướn, hương, hoa, đèn, mọi việc đều trang nghiêm đầy đủ, Tỳ-kheo này đối với các bậc trung túc, thượng túc dùng bốn tâm thích hợp, cho đến sau đêm liền chứng quả A-la-hán. Đức Phật bảo A-nan rằng: y có hai loại: có thể gần gũi và không thể gần gũi. Khi đắp y tốt có lợi ích cho đạo tâm, đây là có thể gần gũi, tổn hại cho đạo tâm thì không thể gần gũi. Vì thế, A-nan hoặc thì y tốt mà đắc đạo, hoặc do nạp y mà đắc đạo.

Chỗ ngộ là do tâm, không hạn cuộc ở y phục, bị mất chữ cũng nói rằng: Xưa có Tỳ-kheo nhất tâm cầu Niết-bàn, xả bỏ thế gian, cho phép đắp y giá trị mười muôn lượng vàng, cũng cho ăn thức ăn một trăm vị, nghe vậy liền cho rằng Đức Phật từ khai cho ta thọ dụng. Song Phật khai là vì Đạo, há chẳng vì nuôi thân, hưởng chi đối với duyên riêng không phải thường dạy. Nay ông mê đắm thế gian, chứa nhóm nhiều dụng cụ, thuận theo lòng tham của mình. Nào có mền Đạo, luống nương tựa Thánh giáo, cùng hoặc vô tri. Phật tặng cái gọi là một ly nước, một sợi tơ dâu thế tiêu. Đó đều do kẻ ngu phụ lạm đồng bậc cao tích. Xin xét kỹ việc làm của mình, nếu không sẽ sai lầm!

Khoa kế, luận Tỳ-ni Mẫu nói tham vật trái giáo tức là tâm ác, y theo đó có thể biết.

Thời nay không thuyết tịnh: nghĩa là hễ lúc nào được liền thành phạm, không đợi quá hạn.

Trong phần ba, Kinh Địa Trì chép: Bồ-tát đối với tất cả tư cụ đã chứa để, đây là không thanh tịnh, vì thế dùng tâm thanh tịnh xả cho Chư Phật, Bồ-tát mười phương. Như Tỳ-kheo xả y vật hiện có cho Hòa-thượng, A-xà-lê, v.v...

Kinh Niết-bàn chép: Tuy cho thọ và chứa để nhưng phải tịnh thí,

đây là làm cho đàn việt dốc lòng tin. Thời nay, tụng học chỉ vì lợi danh, không hổ thẹn năm món tà, chứa nhiều tám món uest, chỉ thuận theo thế tục đầu nghĩ đến lời Phật dạy.

Tự trở xuống là Đàn Tràng kinh phần nhiều nói về hạ lạc (tuổi hạ). Còn như pháp thanh tịnh chưa thấm vào thân, đâu biết dụng cụ đã dùng hằng ngày đều là vật dơ uest. Rương, đầy chỗ tích chứa đều là phạm tài. Kinh pháp kinh tâm, tự mình chuốc lấy sự buồn lo. Người học luật biết mà cố phạm.

Các tông khác vốn không có nói. Ai biết quả báo theo tâm mà thành? Đầu tin quả do gieo trồng mà biết. Hiện đời Ca-sa lìa thân, đời sau sắt nóng quán thân làm người. Sinh chỗ nghèo cùng, y phục dơ bẩn làm vật chứa để, đọa vào chỗ bất tịnh, lông cánh hôi hám. Huống gì hai thừa Đại Tiểu đều nói pháp thanh tịnh, nếu có lòng tin sâu xa thì đâu ngại vâng hành! Vì thế “Phụ Hành Ký” của Thiên Sư Kinh Khê chép: có người nói: Phạm chỗ có chẳng phải vật của mình, có lợi liền dùng thì phải thuyết tịnh, vì sao nay lại hỏi, v.v...?

Nếu vật phải của mình, vì sao không mặc tình giao cho bốn biển (khắp nơi), có ích liền dùng, sao không giao thẳng cho ruộng bi, ruộng kính, cho là tài vật của mình trái pháp thuyết tịnh. Thuyết tịnh mà bố thí đối với lý có ngại gì? Mặc tình chấp tâm để cho đời sau bất chước. Vì thế, phải biết người không thực hành pháp thuyết tịnh thật trái với ý của Phật dạy, hai thừa không nhiếp, ba căn không thấu. Xuất gia như vậy, há chẳng phải là luống uổng hay sao? Thật là đáng thương!

Khoa kế, trong phần nói về y, thuốc, bình bát, chủ bộ Tăng-kỳ: năm chúng nói chung nghĩa là xoay vần.

Luật Thiện kiến nói hai phần: thông và hạn cuộc rất dễ thấy.

Không nói đối Sa-di: phải đối trước vị thầy khác, nghĩa là đồng triển chuyển mà xem nhau dùng. Như phần chánh thỉnh ở sau, chú giải hiển rõ.

Vấn kế, trước là nêu tướng xem thường người thân. Phi thời loại nghĩa là mới và cũ khác nhau, hoặc tôn ti có cách. Nghĩa trở xuống là quyết phán.

Trong phần ba:

1- Nói tịnh chủ.

2- Từ nhược trở xuống là phân biệt đối thú: Trước dẫn duyên trái với lời dạy nên phạm tội Đột-cát-la, quyết lấy nên tội nặng, sau từ sự trở xuống là nói chế phân biệt.

Trong phần bốn:

1- Phân biệt lấy.

2- Từ trừ trở xuống, gồm mười sáu hạng người, ác tà nhiếp ba lần cử tội, bốn trọng tức hai lần diệt được giới.

Sa-di là năm pháp học hồi. Chánh hạnh hai người thực hành xong, hai người và người bốn nhất trị. Vì trở xuống là nêu ý phân biệt.

Kế nói tiền, vật báu, v.v... chủ ất là người thế tục cúng thí, lại nghĩa là chân thật, không phải là nghĩa xoay vần tịnh thí.

Trong phần khai thỉnh:

Khoa đầu y theo văn luận Tát-bà-đa. Hai chủ đạo tục đều phải có mặt thỉnh.

Khoa kế văn luật Ngũ Phần chung, dường như không dự đỉnh thỉnh. Trong lời chú giải, cả hai đều còn có lý do. Nay nếu khi thực hành tùy trường hợp mà dùng đều được.

Trong lời chú giải, pháp xoay vần có hai:

1- Thỉnh chúng trong bốn tự thọ dùng, thuốc men, bình bát, y phục, trong giới bốn có năm món dư đều phải tịnh thí.

Trong phần về y gồm mười ngày, nửa tháng thí gấp ba món.

2- Thỉnh chúng khác, chỉ đồng nêu bày lý, không đáng nghi, chỉ cần nói một lần.

Trong pháp chân thật, văn chú giải ngăn sự quá lạnh, như ở trước đã nói.

Trong pháp thỉnh thế tục:

1- Nêu lời thỉnh, cũng chỉ nói một lần.

2- Nói “Hợp thuyết tiến phủ”: muốn nói tịnh này thì chánh giáo cho phép, văn chứng rất dễ biết. Niết-bàn như trên đã dẫn vì thế nói là vân vân.

Trong phần bốn nói về tâm niệm:

- Đầu tiên dẫn luật Ngũ Phần, nêu pháp, chánh thuyết chia làm ba:

1- Ở xa thí, kia được quá hạn chế vì thế nói là mười một ngày.

2- Từ lại như trước trở xuống là nói lấy trả không vượt quá ngày thường khai. Cho nên chỉ nói mười ngày sợ minh tướng hiện thành tội chứa dư.

3- Từ lại như ban đầu trở xuống là nói cho, kia như trước được quá ngày.

Sở dĩ như vậy: Sở chép: Đã là người khác xả tâm khó hết, vả lại khiến cho chuyển đổi được kéo dài thời hạn, sau phải đổi thuyết mới rõ ráo.

- Kế dẫn luật Tăng-kỳ. Hoặc nêu đồng khai, hoặc ngăn, v.v... vì sợ cho rằng tâm niệm không cần nói. Đầu tiên nêu lời phán, nội trở xuống là giải thích thành, Hạ trở xuống là dẫn bốn luật hiển bày riêng.

Câu “lẽ ra không thuyết tịnh”: số chép: một là y dư, một là thọ trì, lại xét thọ tịnh không được quá hạn.

Câu “kế thọ trì” là không sợ phạm dư.

Vô ngại tịnh: là sắp quá hạn. Vì thế nội trong giới hạn mười ngày là chuyển.

Trong lời chú giải cho rằng đồng luật Ngũ Phần do lời của luật là chung. Chưa dám nhất định nên nói cả hai còn.

Trong phần đối thú nói xoay vẫn có hai:

1- Trong phần nêu pháp có ba:

a- Tài chủ xả vật vì sợ phạm tội chứa dư. Nhưng nói xoay vẫn là vị phân biệt với chân thật.

b- Từ bỏ thọ trở xuống là người thọ hỏi ngược lại. Do nói xoay vẫn không chuyên dặn dò.

c- Từ Đại đức trở xuống là nói người thọ ở xa dặn dò tịnh chủ giao cho tài chủ giữ hộ dùm người kia.

Số chép: Ở đây có ba trường hợp chuyển tịnh:

1- Tài chủ giao cho tịnh chủ.

2- Tịnh chủ ở xa dặn dò.

3- Tịnh chủ không biết giao lại tài chủ. Điều thanh tịnh ý tham đắm nên nói là Tịnh.

2- Từ ngoại đạo trở xuống là dẫn duyên chế.

Ba luật là: luật Ngũ Phần, luật Thập Tụng và luật Tăng-kỳ thứ lớp ba lần chế:

1- Chế đối diện: tức trước tịnh chủ chấp cứ không trả, cho nên có sự tranh cãi.

2- Từ nhân trở xuống là chế ngữ biết.

3- Từ hựu trở xuống là chế không cần, kia chép: vật của mình nên sợ phạm tội chứa dư.

Trong phần nói về chân thật tịnh thí: Đầu tiên là dẫn bày nghi pháp, kể từ nhược chánh trở xuống là nêu lời câu. Trong lời chú giải nêu chung hai pháp không dùng tông khác.

Vấn kế: Trước nêu thành tựu: Ở đây nói tương tác pháp, ngôn tương lạm chung có thành chăng?

Sau, từ thiện trở xuống là dẫn chỉ:

- Trước nói lời của tài chủ cho, chung hai tịnh.

Nói cho thợ không thành: lời giống như quyết thí.

- Sau từ chân trở xuống là nói lời đáp của người thợ hạn cuộc, phân biệt với chân thật tịnh thí, vì xoay vần tịnh thí không có lời đáp này.

Câu: “Đương dục đẳng không thành”: giống như không quyết thợ.

- Kế nữa từ nhất trở xuống là nêu số, giống như khiển trách lạm hành, cho nên nói là không cần, v.v...

Trong phần ba, văn tịnh tài vật dư có ba:

1- Năng thí xả tài.

2- Bĩ ứng trở xuống nói người thợ xét vô chủ chỉ chung năm chúng, nên nói nêu rộng.

3- Bĩ tức trở xuống là nói: kia là chuyển thí nói mõ pháp: mặc ý người thợ kia hưởng về cho một người.

Trong lời chú giải nói xoay vần đối lựa chân thật vì không chung pháp này.

Dặn dò phải nhớ chủ vì không phải thỉnh riêng sợ quên.

Sau nói pháp giày dép thanh tịnh:

Trong phần nói tiền bạc, vật báu, trước là nêu lên. Luật trở xuống là nêu pháp.

Người giữ vườn trong giới kinh gọi là dân trong Tăng-già-lam. Trong văn chỉ nói trì mà không hiển rõ tự, thức ăn nên sau y cứ vào nghĩa của văn để quyết đoán.

Câu “khiến cho biết việc này” nghĩa là trước phải nói lời thanh tịnh.

Còn lại chỉ cho ba mươi: trước nói rằng: nếu người kia lấy, trả lại cho Tỳ-kheo thì phải là vật của người kia, vì thế thợ nhận bảo tịnh nhân cầm giờ lên (Nghĩa là không hiểu pháp thuyết tịnh, trả lại cho Tỳ-kheo). Nếu được y bát thanh tịnh nên đem đổi mà thợ trì.

Trong phần nêu năm thứ, nói tiến là thành chủ, phủ là không thành, y theo văn. Tôn thông tiến phủ, vong chỉ hưởng về phủ.

Trong phần nói về tồn vong, luật Tăng-kỳ nói phải ở trong một trăm hai mươi dặm, luật Ngũ Phần thủ biết, không nhất định gần xa, luận Tát-bà-đa nói phải ở trong bốn quốc. Nhưng nước rộng xa chỉ giới hạn trong phạm vi Châu và Quận. Không thể truyền nhau mà lẽ ra phải thỉnh riêng.

Trong phần phân biệt đức nói luận là luận Tát-bà-đa, luật là luật Thập Tụng.

Người thường rộng khắp” là người không có danh đức. Sợ nghi đồng chùa nên nên mất pháp, vì thế chú giải nêu bày.

Trong phần sáu, khoa đầu luật Tăng-kỳ văn có hai:

1- Khiến đổi tên, nghĩa là khi tác pháp nên nói rằng: mỗ giáp là Tỳ-kheo không có hạ.

2- Từ nhược trở xuống là nói mất pháp. Trước nói chết mất. Trong chú giải khiển trách sai lầm, đầu tiên là nêu dị chấp. Sở dẫn rằng: chân thật tịnh thí nếu chủ mất thì phải đổi người xoay vẫn tịnh thí, không có mất thì cần gì nhược? Thử trở xuống là y cứ văn mà khiển trách. Chánh luật tức chỉ cho văn trên. Đã nói là nếu chết lại nói lý chung hai món tịnh thí, đâu được chuyên chấp. Vả lại, pháp chân thật tịnh thí năm chúng không lẫn nhau.

Trên đối Sa-di và nói lên đây là xoay vẫn. Biết vọng chấp vừa trái với chánh lượng.

Kế nữa, từ nhược trở xuống là nói không biết mất rất dễ hiểu. Luận Tát-bà-đa nói năm chúng cũng y cứ vào xoay vẫn.

Hai báu là chân và tự.

Trên đối năm chúng mà nói rằng trừ tiền bạc, vật báu, v.v... Sợ cho rằng không khai nên đặc biệt chú giải.

Luật Thập Tụng, đầu tiên là quả trách mất.

Kế, từ thí chủ trở xuống là nói về chủ chết, mất. Trong chú giải, đầu tiên lại trách, kia nói rằng: vật chân thật tịnh thí thuộc về người khác cho nên phải nói. Xoay vẫn tịnh thí ở nơi mình nên không cần. Song ở luật Thập Tụng nói chân thật tịnh thí nếu chủ mất, vật không nhập vào tăng, có thể nghiệm biết hai trường hợp tịnh thí đều thuộc về mình, nghĩa không phán riêng vì thế lại khiển trách.

Hựu trở xuống là hòa tăng, đầu nêu trái nhau. Văn trên tức trong phần phân biệt người ở trước thuộc văn luật Thập Tụng. Hoặc trở xuống nghĩa rõ ràng. Luật Ngũ Phần cho rằng trước nói nêu rộng không phải là chỉ chung năm chúng, nghĩa còn chưa rõ, vì thế nói rằng hoặc là...

Thiện trở xuống là dẫn luận nói chuyển tướng hiển rõ không thuộc người khác.

Kế là trong phần mê vọng. Đầu tiên dẫn luật Tăng-kỳ, xả chung lại nói. Sau dẫn luật và luận, tùy nhớ nghĩ, lại khai không giống luật Tăng-kỳ, vì thế chú giải phân biệt. Luận là luận Tát-bà-đa.

Trong phần ba nói vay mượn sau trả lại, tương đương với không nói tịnh, như trong chú giải đã nói rõ. Trả lẫn nhau thì phải thuyết tịnh, ngược với chú giải rất dễ biết.

Trong phần bốn, trước nói y hòa hợp. Văn dẫn may y, đắp y, nhận y là dựa theo luận. Nếu y chưa tịnh, nhận rồi phải tịnh. May, đắp cũng vậy. Kế từ năm trở xuống là nói sắc hòa hợp có hai:

1- Hai câu đầu nói sắc y hòa hợp: luận nói: Xá-lợi-phất được y bá nạp thượng sắc, đắp y đến chỗ Phật, Phật cho phép chứa (văn đây không dẫn, chú giải Yết-ma có dẫn). Thượng sắc, miên sắc, bạch sắc tuy hòa nhưng không được cất chứa. (Văn phân biệt miên và bạch. Nay lời sao trừ chung năm màu chánh. Nhưng văn trên khai cho chứa nên không phải màu tốt).

2- Từ nhược trở xuống là nói nhiễm sắc hòa hợp: Trước dùng chánh và không chánh: nghĩa là trước chánh, nhiễm đối trở xuống là sắc khác, tức là không chánh. Trước không chánh, Nhiễm đối trở xuống là màu chánh, chỉ như tùy tướng, tức giới y mới.

Y phần tảo, trong phần chế ý:

- Khoa đầu là câu trên nêu, thử trở xuống là giải thích: Trước nêu tên, sau từ luận trở xuống là hiển ý, luận là luận Tát-bà-đa, văn có ba ý:

- Ý một và hai là diệt ác, từ lòng tham của tự mình và người khác.

- Ý thứ ba là nói một đời làm lành.

- Khoa kế: nói mười điều lợi, cũng không ngoài ba ý trên. Sáu điều lợi trước tức giống ý thứ nhất. Lợi thứ mười tức ý thứ hai. Lợi thứ bảy, tám, chín tức ý thứ ba.

Trong phần tám, vì khi thọ đầy đủ tức pháp bốn y.

Phần chín nói “nhập thô y số” tức đã chuẩn bị y phần tảo cho hạnh đầu-đà.

Trong phần nói về thể của y:

Khoa đầu, trước thêm ba, chú giải hiển rõ. Thủy nguyệt, Sản phủ, trong gò mả qua lại, đều là chỗ nương uest của người. Thần miếu lìa chỗ, Sơn trạch, rừng, đồng trống tế thần cầu nguyện rồi vất bỏ. Cả hai loại này đều không có chủ, vì thế văn thiếu phần thứ chín là y Vương Chức. Văn truyền thoát không có lý do riêng. Nghĩa là gia thêm dị phục của quan thì bỏ y phục xưa (xưa nói rằng xứ này không thực hành cho nên lược, không phải như trâu cấn v.v... xứ này là há thực hành hay sao?)

Kế, từ hựu bất trở xuống là khai chế. Sau nói rằng không được lấy y của thần miếu. Trong mười món trước là do gió thổi, thức ăn của chim rớt lìa chỗ.

- Khoa kế, đầu tiên là nêu sai. Phật trở xuống là hiển bày lỗi. Phật

chế tức là chỉ cho khoa trên.

Si mê phạm tội trộm: dường như y cứ không thủ hộ hưởng về phi nhân kết tội Thâu-lan-già.

Câu “sẽ biết não nhau” nghĩa là biết có chủ trông coi mà cố trộm phạm tội nặng.

Thần chủ tức nay là người giữ miếu.

Trong phần nói về y người chết.

Đầu tiên cấm không được lấy khi y chưa bị cũ rách.

Từ Thập trở xuống là nêu bốn món y phần tảo.

Trong phần Súc, ý nói tuy trọng nghĩa là quý trọng, dựa theo mà biết lượm y phần tảo: chính là chung cho các vật không riêng gì y, hễ người bỏ không cần thô xấu.

Trong phần Đàn Việt thí giải thích danh nghĩa, đầu tiên là giải thích thời thí có hai hạn cuộc:

1- Một tháng, năm tháng gọi là thời hạn cuộc.

2- Người tiền an cư gọi là nhân hạn cuộc, Phi thời là trái với ở trên.

Thời chung một năm. Nhân không y cứ về an cư. Theo đây luận lẫn nhau thì trong thời có phi thời tức một tháng năm tháng, không phải an cư. Trong Thí phi thời có Thời như thí gấy ở đây.

Trong phần thời hiện tiền. Trước nêu danh tướng. An cư là thời, số người tức hiện tiền, không trở xuống là nói pháp phân chia.

* Khoa kế: Đầu tiên là chứng xứ định. Nãi trở xuống là chứng thời định, hựu trở xuống là chứng pháp định. Hựu trở xuống là chứng nhân định.

Thức ăn mùa hạ nghĩa là lương thực đã dư.

Y thì thuộc riêng, thức ăn thì chung, vì thế phân khác với không phân.

Trong phần nói về tăng được đúng thời. Văn đầu có hai: Trước là nêu danh tướng. An Cư là thời, gồm chung là tăng. Được đây là thời định, ba thứ còn lại không nhất định.

Kế, từ tác trở xuống là nói pháp phân chia.

Chú giải trong Yết-ma nói rằng: Như Tăng được pháp thí phi thời.

Trong dẫn văn:

* Khoa đầu: trước là nói phải có pháp. Xưa cho rằng không cần Yết-ma như lời số đã khiển trách.

Câu “chưa phân biệt liền đi” tức đồng người an cư trước ra khỏi

giới.

Nói “thành phân chia” là do thân ra ngoài giới, không ngại tác pháp.

Kế từ hựu trở xuống là nói tâm niệm thọ: nên nói rằng đây là vật của tôi, nói ba lần.

Kế nữa từ nhược trở xuống là nói định thời. Trong luật nói do khi Tỳ-kheo cự trụ không phân chia, ý khiến cho Tỳ-kheo khách đi rồi thì người ít vật nhiều. Đức Phật quả đây là phi thời. Người nhiều vật lại ít, vì thế biết thí đây quyết phải đúng thời. Đã chuyển đồng phi thời thì phải Yết-ma, nghĩa rất rõ ràng.

* Khoa kế nói tùy ý. Cho là hoặc bằng nhau, hoặc phân chia.

Trong phần ba nói “Trụ nhất nhược đẳng” tức hai chỗ thọ, do nạn duyên không thành phá. Vì thế, y cứ theo đúng thời hiện tiền thí cũng được thọ.

Trong phần phi thời hiện tiền, trước nêu danh tướng, sau dẫn duyên trong luật, do sự mà thí nói lên đây là phi thời.

Hựu trở xuống là dẫn pháp phân chia.

Khoa kế, trước nói pháp cho ba chúng. Xưa nêu hai món tăng được, nay muốn nêu đồng hai món hiện tiền, vì thế ở đây dẫn. Trước nói đàn việt tự phân, kế là từ đàn việt trở xuống là nói Tỳ-kheo phân chia. Sau dẫn hai luật đều giống, rất dễ hiểu, nhưng các văn rộng khắp, cho nên chú giải để quyết đoán.

Từ tứ trở xuống là phân tịnh nhân, chú giải chỉ như sau.

Trong phần: tăng được phi thời, đầu tiên nêu danh tướng ba thời gồm chỉ một năm để giải thích phi thời. Không hạn cuộc một giới, nhiếp chung mười phương tức nói tăng được.

Kế là từ tương trở xuống nói cách phân chia. Chử Đoán ở trên là chỉ (dùng).

Khoa kế là bạch nhị, đồng như pháp chia vật của người đã mất ở sau, chỉ đối duyên là: Tăng ở Trụ xứ này có thể được phân chia y, hiện tiền tăng nên phân chia, v.v...

Trong phần nói hai bộ nêu nghĩa là đàn việt cúng chung cho Tăng và Ni. Tùy người nào đến đều được nên nói rằng là lẫn nhau chánh.

Nói bốn món nghĩa là hai bộ tăng được hai bộ hiện tiền, vì đều có đúng thời hiện tiền và phi thời hiện tiền.

Trong phần nói hai bộ lẫn nhau. Đầu tiên là nêu xen nhau chính. Trong luật nói rằng: Lúc bấy giờ, trụ xứ có hai bộ tăng, phần nhiều được chia y vật. Tăng nhiều, Ni ít nên Phật dạy chia làm hai phần. Nếu

không có Tỳ-kheo-ni mà chỉ có Thức-xoa và Sa-di-ni cũng chia làm hai phần. Nếu không ba chúng Ni thì Tỳ-kheo tăng nên chia (ở đây tăng là chánh). Nếu ni nhiều, tăng ít hoặc không có Tỳ-kheo tăng cho đến Sa-di cũng chia làm hai phần. Đều không có hai chúng thì Tỳ-kheo-ni nên chia (ở đây Ni là chính).

Như trở xuống gồm nêu pháp phân chia. Trước là nói bốn bộ đều phân. Chú giải Yết-ma chép: trong bốn bộ phải làm pháp Yết-ma chia. Sau, từ bất trở xuống là hiển bày ý lấy lẫn nhau. Không cho năm chúng được đồng tác pháp.

Trong phần: Đương bộ lẫn nhau, trước là nói tác tướng thọ thí. “Và ở tòa”: Nghĩa là y cứ bốn tòa mà cúng thí. Sau từ nếu có trở xuống là nói lấy vật của người khác bỏ sót, nghĩa là Tỳ-kheo thọ thỉnh tại nhà người tại gia, khi đi bỏ sót vật, sau đó có Tỳ-kheo đến. Hoặc do thế tục thí thọ lấy tiến phủ, vì thế nói đó, biết mà đến phạm tội đọa. Do đây vật của người khác không được lấy. Nhưng thế tục cúng thì không thành tội trộm.

Biết chết phạm tội khí: dầu là vật của người khác cũng được nhập vào phần của chúng Tăng.

Trong phần trình bày ý về vật của người chết.

Khoa đầu, hai câu trên là nêu tài vật lợi nghi.

Nhiên trở xuống là nêu nhân căn.

Trước là nói Thượng Sĩ mền Đạo

Tề viễn nghĩa là vượt biển hai tử để cứu độ.

Kinh lao nghĩa là trải qua các việc khổ nhọc.

Thiếp lạc nghĩa là vượt đến chỗ vô vi.

Tục dự là danh tiếng ở thế gian.

Tiêu nhiên là tướng mạo của người thoát ly. Bốn câu trên trình bày chí kia, hai câu sau nói về hạnh kia.

Kế nói Hạ Sĩ, cầu lợi dung thông.

Nhiên trở xuống là nói giúp nhau.

Luận Ngữ chép: Người quân tử thượng đạt (đạt được nhân nghĩa), kẻ Tiểu nhân hạ đạt (đạt được tài lợi).

Nay mượn lời kia để nói về hai căn cơ. Nghĩa là Thượng sĩ tuy coi thường tài lợi nhưng thực hành pháp lợi sinh, vì thế nói là tế khí. Bạc hạ căn tuy coi trọng tài lợi nhưng nương theo pháp thực hành vì thế nói là Tùy hoại. Nhưng bậc Thượng sĩ (thượng căn) không thể vì coi thường tài lợi mà bỏ pháp. Bạc hạ lưu không thể do coi trọng tài lợi mà mặc tình buông lung, nên nói rằng đều cần, v.v...

Thông là lưu thông.

Nhất đạo tịnh hạnh là pháp phân y, ba đời đồng vãng theo nên gọi là Nhất đạo.

Lìa trần, bỏ sự đấm trước nên gọi là Tịnh hạnh.

Khoa kế, đều trình bày chỗ dứt bỏ của các Sư.

Chỉ nam: xưa có người làm xe chỉ nam, cũng gọi là Ty nam để chỉ bày cho người không biết phương hướng. Đản trở xuống là nêu lý do của các chấp.

Sáu vị Sư trì luật, tìm trong tựa sẽ thấy.

Chí trở xuống là xét chỗ chưa rõ của ngày xưa. Lâm trở xuống là nêu yếu chỉ ngày nay.

Trong phần ba nói mười môn: hai môn đầu và môn thứ mười hạn cuộc môn thứ nhất.

Ba trở xuống là nói thứ lớp hành sự của bảy khoa.

Trong phần chế ý: ý đầu có hai câu trên là hỏi.

Sinh trở xuống là giải thích chung, lại có hai:

1- Y cứ về nghĩa định để nêu lý do sau.

2- Từ cố trở xuống là dẫn quyết định

Ý kế, nghĩa đầu là phán tăng, sau là dẫn nêu bày.

Tăng-kỳ nói đủ là A-nhã-đa, Hán dịch là giải bốn tế. Lại dịch là Tri vô tri không vô.

Kiều-trần-như, Hán dịch là Hỏa Khí. Vì trước đây Kiêu-trần-như thờ lửa, vì thế luật Thập tụng dẫn duyên khởi.

Bạt-nan-đa, Hán dịch là Hoan Hỷ, thuộc giòng Sát-lợi tức Vương Tử giòng họ Thích.

Kế dẫn lời Phật phán. Đầu tiên là nói không thuộc giòng họ vua, sau, từ Tăng trở xuống là nói chỉ thuộc tăng.

Pháp chia mười món, rất khó giải thích.

Trong phần hai nói Học hối, rất dễ hiểu.

Bị tấn tức đuổi ra ngoài, không phải là diệt tấn.

Giữ giới là thanh tịnh. Ba trường hợp này, đồng trụ xứ hễ có người chết, vật còn thì được lấy.

Trong phần ba nói đi giữa đường chết, nghĩa là đến mà chưa đến.

Trong phần bốn nói người bị cử tức bị cử tội ba lần. Tuy trước có tác pháp cũng được.

Trong phần năm nói hai bộ tức Tăng và Ni.

Trong phần sáu nêu riêng một chúng. Luận kia chép: có một Tỳ-kheo đem y bát đến Chùa khác, đi chưa đến nơi, ở giữa hai giới (tức

giữa hai chùa) bị chết. Đức Phật dạy: hễ chỗ người ấy chết cách chùa nào gần hơn thì tăng chùa đó được y bát. Nếu không tính biết được chỗ cách đó thì tùy theo mặt người chết đó hướng về chùa nào thì Tăng ở chùa đó được.

Thứ bảy, đầu tiên là dẫn văn; kế, từ vị trở xuống là giải thích. Sợ cho rằng một bề nhập vào Hòa-thượng nên chú giải văn trên dẫn chứng. Đã đồng Tỳ-kheo nên biết rằng nhập vào tăng.

Mạt trở xuống là nghĩa quyết định.

Thứ tám, là nhập tục tăng không phân nghĩa.

Thứ chín dẫn luật Thập Tụng: Đầu tiên là duyên khởi. Có Tỳ-kheo tức Tỳ-kheo Mâu-la. Người năng ý là Mâu-la, Sở ý là A-nan. (Bổ cư xử vật xứ là A-nan thọ ý xứ.

Sau là nói Phật phán.

Trong thứ mười, hai câu trên là phân biệt với trước.

Trực nhĩ phân nghĩa là tùy theo bốn giới, cứ hiện tiền mà phân không làm pháp Yết-ma.

Hai câu sau chánh nêu, tức ở sau sẽ nói.

Đối trước một, ba, năm, sáu, chín nên nói là nhất hòa.

Đối trước hai, bốn, bảy, tám nên nói là Thanh chúng.

Chín trước đều là chia thẳng nên nói là phương nhập.

Trong phần nói hoạt (sống), khoa đầu dễ hiểu. Đồng sinh, sinh là sống. Giả mạo là luống dối.

Trong phần hai, đầu tiên nói bốn chế. Thử trở xuống là nêu pháp thân. Mặc tình nhiều ít nghĩa là dư tài. Tùy thân mặc dùng tức vật của người chết.

Trong phần ba, đầu tiên là lập kế.

Biệt hoạt phần đạo nghĩa là trước lập cốt yếu y cứ việc sau. Nhược trở xuống là pháp thân. Nói y theo thế tục vì pháp thế tục như vậy. Đã dùng phục khí chưa cần phân vì đều thuộc về nhất định.

Nói y thức là dựa theo pháp thế tục.

Trong phần bốn nói năng sở, năng là chúng chủ chiếp đoạn, sở là vọng.

Thủ vật tức sau chỉ cho Thiện sinh.

Lưỡng đoạn là Ba-la-di, đầu-lan-già.

Trên y cứ hai vật nặng và nhẹ. Trong kinh chỉ y cứ về vật nhẹ, chỉ hướng về Yết-ma trước sau mà chia.

Trong phần dặn dò, khoa đầu là bốn câu.

Trong phần đầu nói thuận theo người mới thọ, vì khi thọ giới bảm

thọ bốn y.

Sinh phước là nhân hiện tại.

Thượng xứ kỳ hậu báo nghĩa là Thiện Đạo.

Trong phần ba nói đốc nghĩa là cùng tốt.

Thân này chưa được Thánh Đạo vô lậu nên gọi là không vô vô lậu.

Khuyến chúc nghĩa là người khác và mình cùng nhau cố gắng.

Chữ tăng (thêm) là viết lầm, phải là chữ tăng. Hoặc cho, hoặc không cho vì tâm không bình đẳng.

Tiền nghiệp là việc đã làm trước đây, hoặc phước nghiệp, hoặc tu Đạo Thánh.

Phật răn dạy dứt trừ: vì pháp quy về tăng.

Trong phần bốn, đầu tiên là nêu tướng. Hai tâm san tham và bố thí sinh diệt không thường hằng nên nói là xoay vần.

Sau dẫn sự để làm chứng.

Hai duyên đều nêu Ngũ Bách Vấn để luận, bộ ấy nói: Xưa có một Tỳ-kheo, tâm niệm ưa thích cái bát bằng đồng. Lúc tăng chia vật liền đến xin, tăng liền cho. Sau lưỡi liếm xuống đất, hôi thối không thể dùng được.

Lại có Tỳ-kheo ưa thích y phục, do bị bệnh chết, sau hóa thành con rắn đến quấn lên y, v.v...

Bát đồng xem trong thiên Chiêm Bình, tham y trong thiên Đối thí.

Nói tùy tướng hoặc chỉ sau tùy sự tướng của thiên đó, hoặc truyền vết đó bị lầm. Xưa nói chỉ văn lầm, hoặc nói rằng sau mất tu, chưa hẳn là như vậy.

Trong phần khác nhau, khoa đầu hai câu trên là nêu chung, câu trên suốt xuống câu thứ hai là dặn dò, tức đương khoa. Thọ thám là chỉ bày thứ hai.

Như trở xuống là điều kết, rất dễ thấy. Do ban đầu các vật trọng chỉ có thể dặn dò cho, kể là vật khinh (nhẹ), vật nhỏ có thể đích thân cho.

Trong phần ba, đầu tiên gồm có ba câu.

Xen nhau hiện có hai: Nghĩa là người hiện tiền, vật đều hiện tiền (vật ở chỗ khác). Vật hiện tiền người không hiện tiền (người ở chỗ khác). Người vật đều không hiện tiền (Người ở chỗ khác, vật cũng ở chỗ khác).

Ba câu như trên chỉ có thể dặn dò.

Câu trên thì có mặt nên chính mình cho. Hai câu dưới là dặn dò người khác.

Trong phần bốn nói chỉ trước tức không dặn dò cũng là câu hay. Trong phần nói trùng và đơn, khoa đầu nói trùng chúc (dặn dò lại lần nữa) rất dễ hiểu.

Trùng thọ nghĩa là trước đã cho vật rồi, nhưng người nhận chưa đem đi, sau lại cho người khác, như vậy thuộc về người ban đầu, người sau không thành.

Khoa kế, đầu tiên là chánh phán. Văn chú giải, đoạn trước là quyết đoán phạm, đoạn sau nói thọ sau đúng pháp.

Thiện trở xuống là dẫn chứng. Thiện sinh chứng phạm, luận Minh Liễu chứng không thuộc về mình.

Trong phần nói thành chãng, chánh nói lên có hai:

- Trước nói tương thành.

- Sau, từ nhược trở xuống là nói tương không thành. Trên dùng nghĩa phán, dưới nêu lý do. Lúc sống thuộc về mình, khi chết thuộc về tăng. Lại có chủ: tức năm vị đức.

Khoa kế, trước nói dặn dò trao cho người. Kế, là từ nhược trở xuống là nói dặn dò người khác làm phước.

Trong phần dẫn văn, câu đầu là nêu chung. Tứ trở xuống là dẫn riêng.

Tiết thứ tự rất dễ hiểu.

Luật Thập Tụng nói sáu vật không nên: Phật chế thưởng cho người nuôi bệnh.

Trong phần năm nói tác pháp: vì sợ tăng không biết.

Trong phần phụ trái nghĩa câu. Khoa đầu, trước là nói nợ lẫn nhau. Hữu trở xuống là nêu pháp trả. Đầu tiên nêu đối lẫn nhau. Thiếu nợ nhiều thì trả nhiều, thiếu nợ ít thì trả ít, vì thế nói là tương đương. Nhiều ít trả lẫn nhau gọi là giao lạc. Dĩ trở xuống là giải thích riêng trả lẫn nhau.

Điều thâm nhập: nghĩa là phán quy về hai bộ tăng.

Y bốn: suy chỗ thiếu xưa, vì thế nợ nhẹ trả nặng thì đem nặng quy về nhẹ. Nợ nặng trả nhẹ thì dùng nhẹ quy về nặng, đối chiếu văn sẽ rõ.

Vật nhẹ thì mười phương cùng phân chia gọi là pháp cộng tăng. Đây nhập vào Thường Trụ nên gọi là không đồng.

Khoa kế, đầu tiên nói nợ nặng, sau, từ nếu trở xuống là nói nợ nhẹ.

Không thể được nghĩa là thường trụ thiếu thốn. Trong phần dẫn văn, luật Thập Tụng, khoa đầu có bốn tiết:

1- Đối Tam Bảo nợ lẫn nhau, nên quy trả cho Tam Bảo. Nhập hiện tiền tăng nghĩa là đòi lại để phán xử. Nói xen lẫn cho nên chú giải riêng để hiển rõ. Hoặc có thể trước nói rằng Thường trụ nợ vật nặng không cần đòi lấy lại. Nay theo luật Thập Tụng để quyết đoán nghĩa trước. Trên nói chung Tam Bảo, dưới từ nãi chí trở xuống nêu riêng tăng. Đều phải đòi hỏi để nhập vào cho nên nói là đồng như trên.

2- Từ nhược bất trở xuống là nói mắc nợ rượu. Trong chú giải quyết định vật của tăng ở trước, nên lấy vật của mười phương hiện tiền trả lại. Nếu không hiện tiền mới cho phép Thường trụ nên nói là tùy duyên. Ngăn sự chê bai, ủng hộ pháp sự là chính cho nên khai.

3- Từ nếu trở xuống là nói nợ nần lẫn nhau. Nói không nghĩa là y không còn.

4- Từ hựu trở xuống nói khác chỗ sai biệt. Luật kia, năm cầu đầu do Bạt-nan-đà làm duyên khởi. Cầu đầu vì gởi vật chỗ này, chết chỗ kia, Tỳ-kheo tranh cãi nhau. Đức Phật dạy: gởi vật trong chùa nào thì hiện tiền tăng ở chùa đó được chia.

Câu kế nói: y, bát của Bạt-nan-đà hứa cho người (tức chỗ thiếu nợ), chết ở chỗ khác nên hai chỗ tranh cãi nhau. Đức Phật phán (dạy) như văn. (Hai câu trên là hai chỗ tranh cãi, ba câu dưới là đối với câu thứ hai ở trên đều thêm một chỗ).

Thứ ba, thêm chỗ giữ gìn: Nghĩa là Tỳ-kheo vì người khác giữ gìn, hứa hẹn cho.

Thứ tư, thêm chỗ chất vật (vật thế nợ), nghĩa là đem tài vật ở chỗ khác thế nợ cho người.

Thứ năm, thêm cầm giữ khoán thư (bằng khoán): tức vì chủ tài tính toán sổ sách.

Khoa kế, cầu đầu là chủ phá. Kế từ nhược trở xuống là nói lên lý khác nhau. Ba từ như trở xuống là nói đoạn riêng. Trên nói nhập vào tăng. Dưới từ nhược trở xuống là nói ở thế tục. Trước y cứ thẳng lấy, sau từ nhược trở xuống là tranh cãi với nhau.

Luật Thập Tụng, trong phần năm y theo ba trường hợp quyết đoán: hai chỗ người, xứ gởi tức trong pháp phân chia. Gởi người không gởi chỗ, gởi chỗ không gởi người, hai trường hợp quyết đoán.

Luận Tỳ-ni Mẫu chép: “sinh tức ở ngoài” tức chỗ của người thế tục.

Ngũ Bách Vấn chép: mượn vật của người: nghĩa là vật mượn của

người khác.

Nói phạm tội: luận ấy chép: tất cả không được tự lấy, nếu tự lấy phạm tội Đột-cát-la. Bạch với chúng, chúng cho thì được lấy, chúng không cho thì phạm Đột-cát-la. Nếu chúng không cho mà cưỡng bức lấy thì phạm tội đọa. Vì thế, nói rằng tự tha đều phạm. Luật Tăng-kỳ nói đòi nợ nghĩa là có Tỳ-kheo chết, người khác đến đòi, vì thế chế phải xem lường.

Trong phần quyết định nặng nhẹ có hai: Đầu tiên là chánh phán, sau từ bất trở xuống là ngăn quấy.

Trong phần đầu, trước nói y cứ theo thể vì thọ tùy tương ứng. Sau y cứ về tùy chỗ vì Tăng hiện tiền đồng thấy.

Trong phần ngăn quấy, trước ngăn vọng tình kia, sau từ thật trở xuống nêu chỗ lạm dụng kia. Như trở xuống là dẫn chứng.

Luật Tứ Phần nói ngoài y, bát, v.v... phần nhiều là phán nhập vào vật tạng.

Luật Thập Tụng thì nói các vật khác phần nhiều là quy về vật nhẹ. Nay muốn được y để chia bàn trái với thọ tùy nên áp dụng theo luật Thập Tụng.

Do tham v.v... suy lỗi về tâm. Do phán nặng là nhẹ nên đều phạm tội nặng Ba-la-di.

Trong Nghi nặng nhẹ chép: do nhân tình ích kỷ hẹp hòi, ủng kết chẳng phải vô. Biết sự thì thân thường trụ, dẫn nhẹ nhập nặng. Biệt tăng thì riêng tự lợi dẫn nặng theo nhẹ đây.

Khoa kế, dự bị. Tổng quát sáu kiến không ngoài ba bậc.

Trong phần giải thích riêng, Sư thứ nhất. Khoa đầu có mười ba chương:

- 1- Tăng-già-lam.
- 2- Thuộc vườn, ruộng, cây ăn trái của Tăng-già-lam.
- 3- Có nhiều phòng riêng.
- 4- thuộc vật của phòng khác.
- 5- Bình, bồn, búa, đục, đèn, đài.
- 6- Phần nhiều là các vật trọng (tức thành: y, các dụng cụ... như văn đã nêu).
- 7- Giường dây, giường cây, ngọa cụ, tọa cụ, nệm.
- 8- Y-Lợi-Diên-Đà. (Đây là tên con Nai đầu đàn, nghĩa là loại da nai). Mạo-mạo-la (hai loại này đều là loại da nai). Mạo-la, Mạo-mạo-la (hai loại này đều là tên loài thú. Có lẽ là tương trạng giống như loài Hổ, Beo, da dầy, lông mềm mại dùng để ngồi.)

9- Người giữ già lam.

10- Xe cộ.

11- Bình nước, gáo múc nước tắm, tích trượng, quạt.

12- Các thứ xen lẫn để làm đồ dùng (cây trúc... để làm dụng cụ).

13- Y, bát, v.v... như văn đã dẫn.

Luật quyết đoán mười hai chương trước đều là vật trọng, một chương sau thuộc vật nhẹ. Vì thế, nói rằng chỉ có nặng và nhẹ hai thứ khác nhau.

Khoa kế, đầu tiên nói vật khinh, tức chương mười ba. “Câu-dạ-la” trong Nghi nặng nhẹ nói rằng: Hán dịch là Tùy Bát khí.

Kế, từ dư trở xuống là nói vật nặng tức gồm mười hai chương trước.

Nhược trở xuống là phân biệt riêng y phục.

Trong phần kết nói một nhà ở đây tức chỉ phán trên. Không cho hai nghĩa là cho đồng nay. Nhưng kia không theo ngoại tông, vì chưa tận thiện. Không thể ức chế vì chẳng đoạt thì không còn.

Sư thứ hai. Khoa đầu có ba nghĩa, y theo thể để lập tông, vì thế, luật Tử Phần trước đã y cứ.

Bổn tông đã thiếu, lấy tướng bên ngoài thành, cho nên lấy các bộ vốn khác, đều không nhưng vẫn thêm nghĩa quyết định. Hai món sau đối với bổn tông ở trước, vì thế nói là bàng xuất, bàng tức là gồm.

Trong phần lược phân, ba khoa đều nêu lý do. Hai khoa trước nặng nhẹ đều nhất định, các bộ đều đồng một khoa, sau thì trái lại cho nên phải phán riêng, lựa bỏ dị thuyết nên nói là lời sao một ý. Vị thứ ba nói tánh trọng nghĩa là các vật vàng đá v.v... Tánh nhẹ nghĩa là vải, lụa, v.v...

Tùy dùng hai câu, lẽ ra phải đủ bốn câu, vừa nặng vừa nhẹ, nêu sự phối hợp đó rất dễ hiểu.

Sư trọng, trọng tức vật thể.

Dụng nhẹ nghĩa là giúp thân giúp đạo.

Dụng nặng nghĩa là buông lung phước đạo.

Trong phần phân rộng, khoa đầu hai câu là dẫn dụng. Nhiên trở xuống là nói với khoa phán quyết. Trong phần chú giải lấy thí dụ.

Luật Thập Tụng nói khí vật không phán theo thể, chỉ tùy sự dùng để phân nhẹ nặng. Nay các môn này y theo kia làm thí dụ.

Cũng tùy sự phán cho nên nói rằng phụ sự nói rộng.

Khoa kế, luật Thập Tụng nói nhập vật vào chúng.

Luận Tỳ-ni Mẫu nói thỉnh vị năm đức. Kia rộng chỉ pháp phân

nên nói.

Sau cách giải thích vật nặng, danh nghĩa bao gồm thể dụng. Vật khinh thì danh nghĩa có thể y cứ mà biết.

Trong phần chánh phán nói tơ, gai, lông, bông, từ thể nêu tên. Bốn món nhiếp tất cả y vật tức hai chương thứ tám và mười ba trong mười ba chương. Xưa nay khoa tiết liên hợp kết hợp tạp, vật loại không chia ra nặng nhẹ lẫn lộn. Nay đều kỹ càng tỉ mỉ như chỉ trong lòng bàn tay. Còn như trong lời ký cũng lược sơ mà thôi. Lại lời ký xưa phần nhiều là dẫn sách thế tục để giải thích danh tướng của vật. thời đại xưa nay cất may khác nhau, lỗi thành phiên toái, nay đều bỏ hết, có lúc khó hiểu thì giải thích sơ lược.

Trong phần bốn, khoa đầu. Có chú giải rằng “Biểu lý trang trị”. Nghi nặng nhẹ giải thích: Hai niệm tùy lớn nhỏ kia, đều cho là dung bông bện làm cốt lót bên trong, bên ngoài dùng vải tơ: Nếu chỉ một bên bông vải thì nhập vào vật nhẹ. Trong phần nệm bông, đầu tiên y theo luật để phán quyết. Thử trở xuống là giải thích lý do nhẹ. Đầu tiên nêu tướng của y tức lấy lượng đồng Ca-sa. Quá lượng này thì nhập vào vật nặng, vì thế văn trong Nghi Khinh Trọng nói rằng: Tôi xưa dùng lượng đồng ba y vì thế nhập vào vật nhẹ. Bông bện thành tâm đắp, khác với phân lượng ở đây. Sau vị trời bảo rằng thể lượng của nệm bông chính chung cho ba y. Trung quốc không khai cho, chỉ các nơi khí hậu lạnh đắp mà thôi.

Lại nói: Các nước quá lạnh phần nhiều dùng vải bông nhiều lớp để đắp. Nếu không có thì dùng cỏ mềm nhuyễn dệt thành y phục. Lại không có thì da cây đập cho mềm mà mặc. Không có thì được dùng bông, len, như nệm bông cất may thành ba y, lông để ở trên trong đó. Lại không có thì được dùng các thứ da làm ba y. Như vậy thứ lớp lần lần mà khai. Nếu Trung phương tự có pháp y thì da cây, v.v... đều không xếp vào vật nặng. Vì thế, sau phán quyết rằng: Nệm bông như tướng ba y ở trước: thuộc về nhẹ. Khác là bất luận lớn, nhỏ, dày, mỏng đều thuộc về vật nặng.

Bị trở xuống là phân biệt xen lẫn vì theo dùng trọng. Dĩ trở xuống là chứng thành. Còn lại y theo đây nghĩa là các loại lông khác.

Trong phần ba nói bị đơn, Nghi Trọng khinh chép: đơn phụ bị đơn đã không đồng tướng bị (áo ngủ), v.v... Tơ, vải, ba y có thể theo hạn lượng vật nhẹ.

Trong phần bốn chép: Bông bện mỏng nhẹ thuộc về vật nhẹ, Nghi Khinh Trọng chép: dày nhập vào vật nặng, mỏng có thể cất may. Không

giống như nệm bông là vật của thế tục dùng. Bông bện này chung cho trong Đạo dùng.

Trong phần năm, Nghi Khinh Trọng chép: nệm bông thuần sắc (một màu) thì xếp vào vật nhẹ. Xua tạp thì nhập vào vật nặng (lại nói lông dầy đan dệt nhưng dư đầu ra. Gồm có những hình vẽ người hoặc thú gọi là nệm bông, đây gọi là xen lẫn).

Luật trở xuống là giải thích nghi. Sợ cho rằng luật cho phép hoại sắc nên phán quyết.

Lựa mỏng thuộc vật nhẹ, nghi chép: tuy thể của y xen lẫn mà sắc tương thuần đồng. Luật khai cho đắp y có tướng mịn như lông ngỗng.

Luật trở xuống là y cứ nêu phần dẫn luật ở trước. Văn trở xuống là quyết thông giao thoa tức lựa hoa, lựa mỏng, v.v...

Nghi Trọng Khinh chép: tức như lựa mỏng xếp vào phần nhẹ.

Hạ trở xuống là dẫn chứng. Thượng Vương đại giá y nghĩa là vật quý, dùng để dẫn chứng lựa mỏng. Nếu theo văn vị trời đã nói trong Nghi, đây chính là Ca-sa.

Ở Tây Vực ngoài các vua ra, các quan trong nước thì mặc áo thế tục. Bên trong vẫn theo pháp hành liền lo nghĩ đến đạo phục. Hoặc sắp Tăng-già-lê, giá kia vật quý, hoặc đáng giá muôn lạng vàng, vì thế gọi là đại giá (giá cao).

Trong phần nói về các bộ khác, khoa đầu có hai thứ dây buộc. Luật kia chép: Nhân có Tỳ-kheo đi khát thực, gió thổi bay áo trong. Đức Phật bảo phải buộc dây chỗ eo. Các Tỳ-kheo lấy sợi tơ vời làm, lấy sợi tơ buộc lại làm, hoặc làm chính giữa. Đức Phật dạy lấy sợi tơ vời và tơ buộc đều không cho phép.

“Không trung”: phải ở chình giữa mà may (thứ nhất). Hoặc may ở bìa (thứ hai).

Khoa kế, phần thứ năm, trước xếp vào vật nhẹ.

Kiếp bối là một miên y đơn.

Trong Phu Nghi nói: nghĩa là trải trên giường bốn góc phủ xuống, tức sấn thân (phủ thân).

Trong y nghi chép: Tức thân bị mụn nhọt lông trong ba y: y theo đây đồng, tức y cứ loại trải đơn (đơn phu) để quyết đoán áo ngủ đơn.

Kế từ miên trở xuống là phán quyết vật nặng. Đầu phán mao bằng, âm bằng là loại lông dệt vải.

Theo đây là y cứ theo lông bông bện mềm mỏng ở trước. Phải y theo lượng, nghĩa là không được quá lượng. Nhưng nếu cứng và dày thì cũng xếp vào vật nặng.

Bất trở xuống là phân biệt khác.

Kế nói về Tháp Đăng. Nghi chép: nghĩa là do sợi ngang trải lông như gấm: dùng để trải dưới đất, hoặc che tường, v.v...

Ba là nói về bông bện nhỏ.

Trong phần ba có ba đoạn:

1- Chánh pháp. Nghi nói rằng: do thể đúng pháp thì được chuyển đổi thành loại pháp y như trong luật.

Thọ tịnh: nếu y gấm như vậy cũng cho phép hoại sắc chứa để, lẽ ra nhập vào vật nhẹ.

Trong Đáp Nghi chép: Không đồng như Tháp Đăng gấm hoa, nhuộm thì có thể đúng pháp, chưa nhuộm thể đây loang lổ xen lẫn, tướng bên ngoài năm màu phân rõ ràng, lại Đức Phật chánh quyết đoán ở lượng. Không thích nghi song liệt phân chung ở đây.

2- Từ nhược trở xuống là khiển trách sai.

Nghi chép: có người nói lụa đào màu tím, Đức Phật dạy không được đắp mặc, vì phạm tội đọa, cho nên phải xếp vào vật nặng.

Ở đây không dẫn đủ, xếp thẳng kia dẫn loại khó rách, lụa, vải không ngoài hai màu vàng và trắng, đồng như năm màu chính cũng không cho phép đắp mặc nên xếp vào vật nhẹ, vì thế phải biết rằng không thể chỉ y cứ theo lời Phật chế không được đắp dùng là nhập vào vật nặng.

Nếu như vậy trở xuống là nêu sự vấn nạn.

Nệm lông (thảm trải đất) trước có hai sự quyết đoán: kia cho rằng nhập vào vật nhẹ chính là y cứ về lượng. Xếp vào nặng chính là y cứ về sắc, vì thế có vấn nạn này.

Trong phần đáp, trước nói nhập vào nhẹ. Hễ lia sự loang lổ xen lẫn chỉ thuần một sắc cũng pháp xếp vào nhẹ, vì thế phải biết văn phân tích thuần một màu và xen lẫn bất luận, vì màu sắc không đúng. Vì thế, dẫn luật Ngũ Phần để dẫn chứng. Bộ kia nói rằng: gấm, lụa có hoa bóng, lông v.v... không nên chia. Nếu thuần một màu thì nên chia. Trong phần bốn bao gồm hết. Nghi chép rằng kén có côn trùng đặt tên sợi gai gọi là chưa thành sợi.

Giai âm giai, là sợi gai.

Trong phần năm, trước pháp quyết vật nhẹ. Chú giải y cứ vào tập quán để trên vai lấy hai đầu làm giới hạn.

Tức không lớn: y cứ năm phần: trên nói về số lượng, tức nêu năm phần, ba sau là nhập lượng.

Điều cho là đại: tám chắn, ở đây tùy theo chắn mà xếp.

Bao liền xưa nói rằng hai đầu may hợp, giữa chừa cái miệng. Nghi chép: do xen lẫn làm thành đồng như tấm chắn của thế tục nên không xếp vào giới hạn.

Trong phần sáu nói hoại sắc khác với thế tục, cũ rách không đúng nên đều xếp vào vật nhẹ.

Dụ thị trở xuống là trái lại với hai thứ trên nên thuộc về vật nặng. Nghi chép: vì dứt tâm thế tục cho nên mặc áo ngắn tay.

Trong phần bảy: (giày ủng, giày thêu năm màu) Hàng tơ năm màu, chỉ khâu, giày ủng, giày: Nghi chép: lúc bấy giờ, có người làm đài Long Phượng (Đầu có ba tầng) và xen lẫn thêu may thành đều nhập vào vật nặng.

Y phục nam nữ tức áo tơ hoa của bá trai, bé gái.

“Bổ phương” xưa nói là cắt năm miếng vải vuông màu sắc rực rỡ mà may vá thành. Nghi chép: gấm vóc kết đan lại, đầy hàng tơ xen lẫn đều xếp vào vật nặng.

Đầy bông thuần một màu đều xếp vào phân chia.

Túi đựng Bát nhẹ: tùy bình bát phán quyết. Nếu theo văn nghi thì nói rằng: có thể rút riêng ra xếp vào vật nặng vì sự đồng như gấm vóc.

Trong phần thứ hai nói năm thể gồm thâu năm vật. Hai thứ đá, sắt gồm thâu các thứ vàng báu.

Luật Tư Phần, khoa đầu trước gồm nêu các vật, tức mười ba chương. Vật, bình, bồn là thuộc chương sáu. Búa, đục, đèn, đài ở chương năm. Hai giường chương bảy, Bình nước v.v... chương. Xe cộ, v.v... chương mười. Da sắt v.v... làm các dụng cụ là chương mười hai. Sau nói bình bát, chỉ nhuộm màu là thứ sáu, thành y và các dụng cụ, Luật đều xếp vào nhập vào vật nặng.

Sau dẫn các bộ thì có khoa trước.

Thử trở xuống là phân biệt riêng làm các dụng cụ.

Nghi chép: người xưa không nói năng sở đề nặng, vì thế ở đây quyết đoán.

Đầu tiên là chánh thức nêu bày, cố trở xuống là dẫn chứng, chú giải phân biệt sở tạo khác nhau, không thể đồng phán, cho nên nói trước nói xếp vào nặng, định là năng tạo. Nghi chép: Sắc làm đồ dùng: như cái giũa, kiếm, đá, mài. Đồ gốm làm vật: như bánh xe, dây, đũa, sáo, xẻng,... Da làm các vật: bồn, gường, cái thui ngang khung cửi, dao, cửa, v.v... Tre làm các vật: búa, cửa, rìu, cái nạo, v.v... Những vật này đều có hại cho Đạo không cho chứa để.

Khoa kế, dao cắt xếp vào vật nhẹ, từ dụng nhẹ cho nên trong phần

ba trước chung tám món (vàng, bạc, đồng, sắt, cây, thuốc, hồ giao). Bát gồm chân và tự (vàng, bạc, chân châu, ma-ni, xa cừ, mã não và các thứ ngọc bích là chân báu), đồng, sắt, thiếc, ngụy châu (châu giả) v.v... là tự báu. Tiền và báu thật đều nặng vì là vật bất tịnh. Tự thật như gốc, khối, đoạn xếp vào vật nặng. Nhập một trăm lễ một: đều là vật nhẹ.

Văn sau tức pháp y trong luật.

Nhặt y phần tảo: lấy nhân khai. Đây là dẫn chứng tiền bạc, vật báu không được chứa để.

Trong các bộ, khoa đầu, trước nêu chung các vật đều là nhỏ: nửa bát tức bát cạn, hộ bài nêu hộ câu, nhược trở xuống là phân biệt riêng các vật.

Bồi là các răng của Hải Trùng, tức răng của loài thú này làm dụng cụ, nghĩa là bốn đã làm ở trước. Như trước tức chỉ các bình bát ở trên. Chú giải châu nửa đấu tức nay là một thặng rưỡi.

Trên nói vật khí.

Tất cả trở xuống là xếp nhiễm sắc (màu nhuộm). Nghi chép: cây tía tô, cây Hoàng bá, Càn Đà, v.v... đều là loại cây.

Khoa kế, luật Tăng-kỳ có ba tiết:

Đầu tiên phán hai vật báu, kế phán về giường, vuông thì gọi là khung, tròn thì gọi là Cử, đều là vật làm bằng tre.

Cũng như vậy nghĩa là giống như vật nặng ở trên. Ba là phán bát phi pháp.

Ngói, sắt, sắc lượng không phải bằng sứ: thêm thể là sai. Văn nêu sắc lượng (màu sắc, lượng) đều không đúng pháp. Dầu khiến màu đúng cũng trái lời Phật chế, vì thế nói rằng theo đây là đồng (Như lượng bát trắng lễ ra xếp vào nhẹ vì có thể xông).

Trong phần ba, luật Thiện Kiến chỉ phán quyết về bình bát mà thôi, còn cách suy tính thì ở khoa trước.

Trong phần bốn, khinh khai cho chứa dao. Bốn tác làm giới hạn, lớn hơn thì quy về vật nặng.

Trong phần năm, nói tổng chung điều độ, nghĩa là xe cộ, quan tài dự bị làm nhà mồ, v.v...

Trong phần sáu, nói lộc là va-li bằng tre, v.v... Hộ câu tương tùy xếp vào vật nặng, nghĩa là hộ môn.

Trong phần bảy, luật Thập Yụng nói khinh tức như trên đã dẫn không quá nửa đấu và đều là thể khác nhau. Văn Nghi, nghĩa thêm tất khí, nghĩa là mâm, bát, chén, cho đến muống, đũa, đồ đựng thức ăn của thế gian bất luận là lớn, nhỏ, nhiều, ít đều xếp vào vật nặng, vì những

vật này đều là thế tục có, không phải là đồ dùng của Đạo.

Thứ tám có ba:

1- Phán quyết về lò hương, trước y cứ lượng phán nhẹ, theo luật Thập Tụng cũng nửa đấu. Có trở xuống là phân biệt đồ trang sức báu.

Trúc báo chế: giới bốn chép: vật báu vì đây là dụng cụ trang sức.

Nhược trở xuống là phân biệt quá lượng.

Căn bản trở xuống là phân biệt sở thuộc. Như cách phân xử ở trước tức là y cứ vào nặng nhẹ.

2- Dụng cụ cúng dường Phật pháp đều đồng hai cách phán. Không giống lư hương có thể y cứ đấu lượng. Vì thế, nói là nhẹ, có thể mang theo thân.

3- Phán sổ châu (xâu chuỗi). Chú giải nói thuộc riêng: do đây nhẹ nhỏ, được tự thọ dụng nhưng nghĩa đối, bán không nhất định nên xếp riêng vào vật nhẹ. (Nếu có nơi mua bán cũng thuộc về nặng).

Nghi chép: Hạt này do loại cây Hoạn Châu xỏ suốt, tức do tạp sắc nguy báu tạo thành. (Tại cơ chánh yếu không được quá số lượng). Đầu tiếp hạ căn khiên quả tu nghiệp có thể y theo bộ luận Tát-bà-đa.

Tợ báu tạp sắc khai làm một trăm lẻ một vật: đúng như pháp được xếp vào vật nhẹ.

Còn lại như cây gỗ, tre, v.v... xếp theo đây mà phân.

Thứ ba, trong phần nói ruộng, đất, v.v... tức xếp vào bốn chương trước trong mười ba chương (gồm mười hai chương trước)

Súc sinh, nhân dân một chương thứ chín, chia làm hai khoa. (Đối luật mười ba chương đủ).

Vật bằng da nêu vật nhẹ thứ mười ba.

Bốn món thuốc nêu thứ hai, thuộc vật già lam. Trong bộ Tư Phần trước nêu chung bốn vật. Nhược trở xuống là nêu riêng vật trong phòng. Trước nói vật nhẹ sau đối nặng. Nhược trở xuống là nói đã thí (cho) rồi lấy lại được chẳng.

Khoa kế, trước nêu vật sở thuộc. Nhược trở xuống là nói về phân chia phòng.

Trong bộ khác, đầu dẫn luật ấy, màu nhuộm ở trước đã phán quyết. Đất đỏ là thuộc vật trong phòng. Sau y theo văn phán nghĩa cũng quy về vật nặng vì thế nói là đồng.

Trong phần bốn, luật Tư Phần nói các y đồng như ngoại đạo mặc. Ở xứ khí hậu lạnh thì khai cho nhưng không phải thường dạy.

Trong bộ khác, khoa đầu có hai: Trước nói đầy, sau phán các loại dây. Vì là da đã thuộc chín, mềm mỏng, da chưa thuộc chín thì tùy

dùng.

Ngoài phán nặng nghĩa là không phải nhỏ: Nghi chép: nếu có da sống, từ vật nặng thấp.

Trong phần hai nói bình là đầu bằng, tà là đầu nhọn. Trái với Đạo nên xếp vào vật nặng nhẹ. Theo văn Nghi chép: Hai loại giày, ủng đầu bằng và đầu nhọn, luật không chánh phán. Nếu theo Thiên Trúc tức Phú-la hình như giày ủng bằng da, mặt trước hở ra, khi đi thì hai bên buộc úp lại. Nếu giày ủng đầu nhọn, bằng như tương nầy đều xếp vào vật nhẹ (vì giày da Phú-la đều cho phép mang). Còn lại xếp vào khinh, Nghi chép: có loại giày ngắn, đầu cao cũng từ giày, dép đồng quyết đoán (giày, dép đều thuộc vật nhẹ).

Lại nói y theo luật Tăng-kỳ, luật Ngũ Phần quyết đoán giày da và đây nhập phân chia.

Trong phần ba, trước nói kinh pháp.

Tùy có thể cho: phải chọn người có đức tính kham nhận, không thể đối trá xen lẫn.

Kế phán thư họa (viết, vẽ). Tục thư: như sách của Đạo Nho ở xứ nầy, chữ viết xưa nay...

Nghi chép: không được để lâu nên xả, nhập vào tăng (tức Thường Trụ).

Tổ Họa Nghi chép: Những hình vẽ khác thuộc những phù phiếm thường tình không phải là thuyên yếu, có thể nhập vào thường trụ (Nếu là tượng Phật thì y theo kinh Pháp ở trên mà phán. Tượng khác thì không phán).

Ba là phán bút, v.v... trong Nghi có hai cách phán: gồm các việc làm cho Đạo thì xếp vào khinh. Bốn ý phụ tục đều từ nặng mà nêu, vì trang nghiêm chương cú ưa pháp thế gian.

Bốn, luật Thập Tụng nói đoán là y cứ lượng.

Năm, luận Tỳ-ni Mẫu trước phán súc loại.

Nhược trở xuống nói tùy vật chứa để. Vườn, quả v.v... do đó mà dẫn chánh phán dụng cụ dưỡng nuôi. Cố trở xuống là giải thích riêng tên gọi kia. Song giải thích tên còn chung người chứa để. Trong đây chánh là lấy dụng cụ dưỡng nuôi mà thôi.

Sáu, luật Tứ Phần ở trước nói tăng chết phán cho kẻ hầu, vật xếp vào tứ kỷ: nghĩa là trả lại cho người kia.

Nghi chép: nếu có thể cung cấp trọn đời, tùy tăng phân xử (Đi ở do tăng). Nếu trước đây đã định cung cấp trọn đời, sau khi tăng đã chết rồi thì có thể thay đổi, mặc ý đi hay ở cũng được. Nếu người khác sai

cung cấp thì trả lại chủ trước. Nếu chủ trước (bổn chủ) tự có của ẩm phứ để lại thì y theo xưa nhập vào tặng. Nếu tạm đến không phải thường ở thì tùy thời mà tặng. Luật y cứ một bề phải y theo năm trường hợp này mà chọn.

Nhược trở xuống là nói người hầu chết phán vật. Trước nói tặng và người hầu, sau nói riêng người hầu.

Nói “Đồng sống lấy nhập rồi” nghĩa là mặc ý chủ tặng.

Không đồng sống hai phán, vì không thể nhiếp nhập. Trong chú giải quyết đoán ở trên xếp vào người thân nên y cứ không đồng lợi. Nếu đồng lợi tặng thì một bề xếp vào tặng.

Trong luận Tỳ-ni Mẫu có hai phán. Nghi chép: như trước đây dự định trọn đời cung cấp.

Thủ số rõ ràng: y theo luận Tỳ-ni Mẫu thì bỏ đi, không bỏ đi thì hai món trong năm món xếp vào. Trong chú giải y theo bỏ đi, nghĩa là đã lấy phải y cứ rõ ràng.

Ngược lại nêu tặng tánh chưa lìa chủ: nghĩa là thông không giới hạn phải xếp vào Thường trụ. Vì thế, nói rằng y theo luật tức luật Tư Phần ở trên.

Hậu chung nghĩa là khi Tỳ-kheo chết. Tức Nghi văn chép: bổn là tiện phẩm tặng tánh từ tốt mà chưa lìa bổn chủ. Nếu chủ chết thì được nhập vào Thường Trụ. Y tư súc sản tùy thân sở thuộc, không được truy đoạt.

Bảy, đầu tiên là chánh phán, cốc mẽ, v.v... là thời được, thang hoàn, v.v... chung cho ba loại thuốc còn lại. Y cứ vào văn đều trọng. Y theo văn Nghi thuốc thì trọn đời chưa nghiên giã trị bệnh thì xếp vào vật nặng. Nếu đã đâm nghiên hòa thành hoàn, bột và phục tạn dư ấy đều xếp vào khinh.

Tuy trở xuống là hiển bày tịnh. Luận chép: Tâm đoạn thanh tịnh: cho nên biết ăn vốn không phải dơ uest.

Khoa kế nói thỉnh rồi mạng quá thuộc vong: vì thế ở đây nhập vào thường trụ. Phân y lời thông cho nên chú giải quyết đoán.

Sau khi qua đời được phi vong nghĩa là phân chia nên quy về bổn xứ. Y cũng giống như vậy: đồng với hai cách phán trên.

Trong phần chỉ lược, trước hiển bày lược, cụ trở xuống là chỉ rộng, tức văn của “Nghi Khinh Trọng” có một quyển. Phán quyết rõ ràng, không xem văn kia.

Do đâu hiểu đây cho nên nói cũng cần, v.v...

* Sư thứ ba, đầu tiên nêu chỗ thấy kia. Bốn bộ tùy dẫn cho nên nói

ràng dùng chung. Các bộ có phế lập lẫn nhau nhưng khế hợp đã thấy tùy theo dẫn dùng.

Như trở xuống là dẫn nêu bày.

Lu đựng nước tắm v.v... bốn luật chế nặng, nhưng tích trọng, y cứ theo bốn vì làm kinh trùng thú nên xếp vào nặng. Theo nay dùng chánh là tiêu biểu cho đạo nghi. Nếu nói về quạt: cũng có giảng về gió động khác nhau. Không thể phán một, nghĩa cần nhập vào khinh, vì sao mà lầm hoặc.

Văn sau chỉ rộng cũng tức là văn Nghi.

Thả trở xuống là kết bảo phải y theo Sư kế, quy biện lành dữ, cảnh phân ra tốt xấu.

Bảy môn phán dụ có chỗ đồng nhau.

Trong phần thưởng công lao, khoa đầu hiển năm việc của đức đều y cứ người bệnh.

Trong phần năm, hai sự cộng hợp thành một.

Không như thuật ngữ, nghĩa là phần nhiều đối trá không thật.

Tự mình có thể kham nhận nên không nhờ người khác làm.

Năm hạnh không ngoài ba nghiệp, hai lợi.

Sai tử nghĩa là hoặc thiếu hoặc chết, vì đến rốt ráo.

Trong phần nói có thể không, trước là chánh nói. Năm trở xuống là dẫn nêu.

Luật Ngũ Phần chép: cho rốt ráo nghĩa là do còn trước sau tức là hạnh đầy đủ.

Trong luật Tăng-kỳ, đầu tiên là lựa không hợp.

Tự ưa phước nghĩa là không ích lợi cho người.

Tà mạng là y thực. Nhược trở xuống là nói hợp thưởng. Trong phần nói cho vật, khoa đầu, trước phân biệt thượng, hạ. Luật không nói: là văn chỉ rộng.

Nếu không biết v.v... do nghĩa quyết định. Hơn nữa, y cứ về y, phần nhiều là hay nói đến. Nhưng chỉ ba việc đủ thiếu mà cho.

Kế, từ Thập Tụng trở xuống là nói xét kỹ.

Tiên vấn nghĩa là người thăm bệnh, nuôi bệnh. Không tin nghĩa là nuôi bệnh không thể nương nhờ, từ tát trở xuống là nói trọng y. Bất thích bất nhập vì chẳng phải một thể.

Tử Phần trở xuống là nêu vật đó. Đây, ống đựng kim v.v... có khác nhau. Tùy có đều thông. Đây v.v... gồm tùy sáu vật, thông nhập thưởng công lao.

Khoa kế, đầu tiên là phân biệt riêng đủ thiếu. Câu đầu nói cho

hoàn toàn, ba câu sau nói phân ra đều phải suy lường nên nói là phải bàn bạc mức độ. Nhưng nếu đức đủ, vật thiếu hoặc sáu vật không đủ thì tùy vật có mà cho. Hoặc hoàn toàn không có thì cho vật khác. Cả hai đều thiếu nghĩa là đều không cần cho, hoặc cho một ít y dư.

Đức thiếu, vật đủ sự có liên quan tất phủ. Vì thế, sau nêu riêng, do nhân tình đã khác, việc làm cũng khó mà đầy đủ. Hoặc giảm lược đồ vật không thể xem thường. Dầu đức ít mà thưởng hoàn toàn, lý cũng không tổn, vì thế cũng cần phải trội hơn, nghĩa là cho nhiều.

Tịnh trở xuống là gồm nêu hòa cho. Nếu đức và vật đầy đủ thì trước phải thưởng công lao.

Còn lại không đủ: hoặc cho ít vật, nên giao thẳng nhưng phải sau pháp phân y mới cho được. Bỏ chữ khát, chữ mãn là mau lẹ, nghĩa là không trệ ngại. Hoặc chữ Khả là viết lầm, nên viết chữ sung.

Trong phần chọn người. Khoa đầu gọi là thăm bệnh. Chẳng cho bảy chúng nghĩa là cùng thăm. Trước nói tặng bệnh, kế nói Ni bệnh, đều bốn chúng hợp thưởng, tục chúng (người thế tục) không có phần.

Chú giải nói lao tức hai thứ năm đức nói ở trước. Già luận khai cho chúng khác. Sa-di sáu vật sau này có dùng, vì thế phải cho đủ.

Chuẩn trở xuống nghĩa là quyết cùng thăm. Cho rốt ráo nghĩa là trước sau thay nhau nuôi bệnh cho đến hết.

Bình phân nghĩa là thưởng một lần, khiến sau đó tự phân chia.

Khoa kế, trước nói giữ lại trao cho.

Cũng có thể v.v... do thân không hiện không thể Yết-ma, vì thế bạch chúng thẳng hòa đợi trả lại.

Kế từ nhược trở xuống là chọn hợp thưởng. Vì xả kỹ tu đạo nên xa giúp nhau.

Bộ Già luận nói tuy không phải hạ chế thấy có lòng từ. Trong phần nói thời tiết, khoa đầu nói cộng hành đệ tử, hoặc bảm thọ giới đều lìa y chỉ. Thầy trò giúp nhau, bảy thứ cộng hành như trong quyển trước đã nói.

Xá-lợi tức thân chết.

Khoa kế, luật Thập Tụng nói sau khi bỏ thấy chết nghĩa là an táng xong.

Ở chỗ khác: nghĩa là lìa xa thân chết.

Luận Tỳ-ni Mẫu cũng đồng như vậy. Nhưng theo văn trước tức sau đều được. Nhưng Luận Tỳ-ni Mẫu có tựa để thực hành.

Trong phần chín nói tập tài.

Nói: không thể nêu nghĩa là trọng đại, không cần hiện tiền.

Phải lịch trướng là bất luận vật lớn, nhỏ hiện tiền, không hiện tiền đều phải ghi chép đến khi tăng nhóm họp khiến vị Duy-na đánh kiền chùy tụng.

Trong phần gia pháp nói năm người trở lên thực hành pháp nghiêm túc đầy đủ vì thế nói riêng.

Trong phần xử phán, khoa kế trong lời chú giải y cứ theo luật hợp thành sáu vật. Văn trước chỉ nói hoặc y, hoặc không phải y. Bởi theo luận Tát-bà-đa không nhóm họp. Kia nói rằng: ba y ở chỗ khác nghĩa là cầu xin đây thưởng. Nếu đây đức không đủ thì tùy kia mà phân chia v.v... luận Tỳ-ni Mâu cũng vậy.

Trong phần phán vật có ba:

1- Hỏi có ba:

- Hỏi nợ nần.

- Hỏi dận dò.

- Hỏi cùng sống.

Nếu khiến một người đáp là kia có hay không.

2- Xếp vào nặng nhẹ: Như trước phân chia nghĩa là nên đối trước Tăng đem vật nêu ý nặng hay nhẹ song sau để một chỗ.

3- Quy tắc tổng táng vật. Xương ba lần: nên trước thưa tăng.

Nếu số ngàn kiện luật tổng vong giả: Đây là pháp người nuôi bệnh đem nhập vật vào nên trả lại người kia. Xương rằng: “Đại đức Tăng xin lắng nghe vật này trả lại cho Tỳ-kheo...” (nói ba lần).

“Nếu không” tức là không đem vật của người chết tổng táng.

Trong phần thưởng công lao, khoa đầu trước nêu hợp thưởng. Kế, từ nay trở xuống là nói có nên chăng. Đầu tiên khiển trách đối vấn, do đáp đầy đủ, không đầy đủ, cả hai đều không tiện.

Thế tục xấu hổ: luận nói Ngạn ngữ của Nhan Tử: nguyện không khoe khoang (là tự xưng đức của mình). Dữ trở xuống là nói ngày nay không nên.

Luật dạy rằng tức dẫn văn kết thuyết giới, vì thế nói rằng không kết. Đây là nói thưởng cấp do tăng không cần phải hỏi.

Khoa kế, Thượng tnoi tức ý traу chuốc.

Nuôi bệnh chê bai: không tự khoe khoang.

Tăng ức phục: Thượng tọa nên nói rằng đây là Phật nghiêm chế không phải từ tốn. Đương thọ Yết-ma tức là quỳ thẳng.

Trong phần Yết-ma, bốn chỗ lập lại duyên.

Đều không đồng: do vật không nhất định, ý khiến tùy thay đổi vì như lời chú giải trước. Sau chú giải tùy danh tướng nhiều ít của vật, tìm

văn xem rất dễ biết.

Kế, trong phần sai người, khoa đầu tiên trước nêu bày văn luật. Nay trở xuống y cứ dùng thời gian và sự việc. Chú giải Yết-ma chép: Có người ba lần tác pháp, Văn này chưa rõ (Một là sai người, hai là giao y, ba là phân chia. Dem y đưa: một là Tỳ-kheo bạch, hai là phân chia. Nhưng luật chỉ có một pháp giao vật, kia cho rằng có hai, nên nói là chưa rõ). Cũng có hai pháp, dùng miệng sai người chỉ tác pháp giao và phân chia nên không tác pháp sai (trái pháp). Ngược với văn luật ở trước nên nói là pháp (trái pháp). Tri sự (Biệt sự) thì vốn do công chọn lựa, miệng sai thì cũng nói lên chúng hòa, nên nói là thông được.

Hỏi: Đã nói rằng trái pháp vì sao không bạch nhị sai?

Đáp: Luật tuy nói chế nhưng không ngoài pháp, vì thế các nhà đã lập đều là ý nhất định. Nay không thực hành sợ thành chuyên quyền (Tác hành sự sách cũng vọng nêu pháp). Tức chú giải Yết-ma chép: Nay y theo văn luật đủ bao gồm hai pháp giao và phân chia. Còn lại thì chẳng nên không nêu ra.

Hỏi: Nếu trái pháp như vậy thì lẽ ra có lỗi chứ?

Đáp: Luật đã không nêu sai nên không thực hành. Huống chi biết sự và miệng sai hòa chung, nghĩa hiển lý lẽ ra không có lỗi.

Khoa kế, đầu tiên là gồm nêu. Người trì luật tức chỉ cho người có đủ năm tính chất. Do nuôi bệnh đức thiếu và Sa-di phân pháp không thực hành thưởng công lao. Tác pháp phân chia y Yết-ma đã xử phân thẳng như vậy, vì thế khiến cho trước biết mới có thể tác pháp.

Đa trở xuống là giải thích riêng. Đầu riên là giải thích đầy đủ đức. Trong chú giải, câu trên nói kia được chia vì bao gồm mười phương. Câu dưới hiển đây phân thưởng, vì tùy cho chút ít.

Ba là nói ngoài năm khuỷu tay nên bạch tăng, do đó vật dư không được đem thưởng. Lại liên kết với pháp y không thể bỏ phần bạch tăng. Hòa cho kia đây thành chung.

Từ Thập trở xuống là giải thích Sa-di. Trước dẫn luật Tăng-kỳ nói: hưởng nhập vào Hòa-thượng cho nên đây là chia thẳng. Sa-di từ vật Yết-ma đồng với tăng, chính là y cứ luật Thập Tụng ý khiến y theo mà dùng, vì thế ở đây dẫn ra. Bốn bộ nói Yết-ma chỉ có Đại tăng.

Trong pháp giao và phân chia, khoa đầu tiên trong phần chú giải nêu xuất xứ của pháp. Pháp thưởng công lao trong luật, ở sau chú giải rằng: Trong Tăng Yết-ma sai một người chia y vật của người chết. Yết-ma cho, đây không khác chỉ thêm một câu: “Tăng cho Tỳ-kheo y, mỗi giáp phải trả cho tăng”, tác bạch như vậy. Kia chỉ lược nên nói là không

đủ. Hoặc có thể thưởng trong duyên pháp tự có lặp lại sáu vật. Lại không nói rằng hoặc y, hoặc không phải y, v.v... Dùn có không tiện cho nên y theo pháp sau.

Trong pháp Yết-ma chép: Các vị Trưởng lão, vị nào bằng lòng... trở xuống phần nhiều là duyên lặp lại mười lăm chữ. Tăng trở xuống lại có mười lăm chữ này. Theo các Yết-ma so sánh, nhất định là truyền lầm, nghĩa là phải bỏ bớt, hoặc khi bình pháp không cần cần tụng.

Trong phần nói về vật của Đại tăng, khoa đầu tác pháp như trên rồi giới hạn người. Đã định số người có đủ năm đức, ẩn số người còn lại, đánh kiền-chùy bạch chúng. Tính số vật, đều y cứ tên gọi trước phát thể, sau đó tính thể đối vật mà giao phó.

Trong phần hai, trước cho vô y. Giống như thiện trở xuống là kh-iến tùy giao phó. Thật khó chú giải để chiết phá, rất là tinh yếu phải y cứ theo mà thực hành.

Trong phần ba, đầu tiên là khuyên y theo lời dạy. Đây trở xuống là hiển bày công phu sâu xa. Bất trở xuống là ngăn dùm khác. Dù lập nghĩa là thiết lập đồng đều.

Trong phần bốn, hai cách phán quyết lưu vật công và tư. Riêng duyên dặn dò trao cho cũng không khai cho.

Kế, trong phần nói về Sa-di: đồng tăng chia.

Trong bốn phần cho một phần, nghĩa là phần của tăng. Bốn phá phân chia, chuẩn nên bạch và đánh kiền chùy giống như nghi thức của tăng.

Trong năm phần cho một phần, y theo trên cũng vậy, tịnh nhân không thể dựa vào chúng. Nên bạch tăng rồi đem vật giao cho.

Nhược trở xuống là nêu lời chế.

Số tức Nghiệp Số, sao là nghĩa Sao, văn thoát ý.

Trong phần hai nói nhớ số nghĩa là biết tăng nhiều hoặc ít.

Phẩm là lượng.

Trong phần ba, trước nêu chỗ không thừa nhận của giao pháp. Nay trở xuống là khiển trách phi pháp của thế gian. Đầu chánh khiển trách nhau hậu nghĩa là không. Phật trở xuống là nêu ý. Nay trở xuống là trách một lần nữa.

Duy tức tư duy. Thử chung nghĩa là sinh tử. Thuân là sửa đổi. Vọng trở xuống là rất gắng gổ.

Trong pháp bốn người, đầu tiên nêu tăng vị. Y sắp là nói thưởng công lao.

Khẩu hòa: Theo Yết-ma chép: “Các Đại đức nhớ nghĩ, nay đem

y bát của Tỳ-kheo... đã chết (các vật như tọa cụ, v.v...) cho Tỳ-kheo... nuôi bệnh (nói ba lần)”.

Dư trở xuống là chánh chia y. Y theo Yết-ma chú giải bốn câu thành bạch rằng:

“Đại Đức Tăng xin lắng nghe, nếu tăng phải thời đến: Tăng bằng lòng cho y vật của Tỳ-kheo... đã chết, hiện tiền tăng phân chia, tác bạch như vậy”.

Yết-ma rằng: “Đại Đức Tăng xin lắng nghe, y vật của Tỳ-kheo... đã chết, nay hiện tiền tăng phân chia. Các Trưởng lão, vị nào bằng lòng Tăng phân chia y vật này thì im lặng v.v...”

Câu kết rằng: “Tăng đã bằng lòng chia y vật này rồi...” (Đây là y theo luận Tỳ-ni Mâu nêu pháp cải chánh không ngại)

Lại, cộng tác pháp: sửa đổi từ pháp năm người, trong chú giải dẫn loại hiển phải sửa đổi như trước. Y theo phi thời thí vốn cũng chia thẳng. Vì Tỳ-kheo khách thường đến, phân chia y mỗi một. Phật dạy: nên sai một cho phân chia, nay không có người nên y theo luận mà chia thẳng. Sau có người đến, cách chia kia phải sửa đổi lại. Hữu trở xuống là chứng thành. Đối thú có hai:

1- Pháp ba người: kia đây đối nhau nói, nên gọi là xoay vần. Nhân khẩu hòa chỉ trừ chữ Chư.

2- Pháp hai người: không nêu câu lời. Nên nói rằng: Bạch Đại đức! Đây là y bát của Tỳ-kheo đã chết (các vật như tọa cụ, v.v...) cho Đại đức nuôi bệnh, thường công lao chỉ cách chia như trước, chỉ trừ hai chữ trên.

Luật Tứ Phần trở xuống là hội đồng bốn luật, chỉ nêu pháp đối thú bất luận thường công lao, nên gọi là nói thẳng, v.v...

Văn như luận tức giống như đã dẫn trước.

Trong pháp tâm niệm, đầu tiên nêu duyên. Thử trở xuống là nói nêu pháp tức phạm phải miệng trình bày không phải cho là im lặng. Tác trở xuống nói trọng phân có cần không. Nói ba lần rồi phải tác tướng của mình. Hoặc tay cầm tức thuộc của mình, như chú giải đã nói rõ. Nếu không như vậy thì có người đến phải chia. Luật Tứ Phần trở xuống là dẫn văn trình bày. Văn luật nói tiếp rằng: lại có Tỳ-kheo khác đến không nên phân chia, giống như trước là chung.

Trong phân hỏi không phải y, giới Sở chép: xưa có người nói: như cờ hiệu, dù lọng v.v... Có chỗ nói: như giày dép, bình bát, dĩa, v.v... ở đây cũng không phải. Lại tương truyền rằng như mũ, áo lót. Xưa phần nhiều hạn cuộc cách giải thích nên hỏi để thông.

Trong phần đáp, câu đầu là nêu chung. Văn trở xuống là nêu dẫn bày. Nay trở xuống là chánh đáp. Chung mà thuật tức lập phần trên hoặc chưa thành y tài hoặc Tăng Ni xen nhau trông mong đều có thể thấu đó. Vì thế nói rằng kia đây đều thu nhiếp.

Trong phần mười, khoa đầu trước nói có giữ gìn, lại có hai: Một là nói có trụ xứ, hai là nếu chết trở xuống là nói không có trụ xứ.

Gia nhân là thị giả thế tục.

Không được Ni: nói đây là vật của tăng, vì thế không cho chùa gần là nói có bốn xứ. Vì thế, chú giải nói là pháp của Tăng tức chúng thực hành pháp Yết-ma. Nhược vô trở xuống là nói không giữ gìn

Trong nhà người tại gia, văn trước rất dễ hiểu.

Khoa kế, trước nói bốn chúng đều lấy. Không đồng được thí hai bộ cùng chia. Đương trở xuống nói đương bộ không thực hành Yết-ma.

Vật trọng tùy xa gần: ở gần có già-lam thì xếp vào thường trụ, không có già-lam thì tùy năm chúng kia nhiếp quy về bốn tự.

Trong phần ba, trước nói năm chúng thủ pháp. Nếu y cứ theo cầm nắm thì tác ý dùng làm giới hạn. Túng trở xuống là nói người thế tục không trả lại.

Trộm tăng thành tựu là người thế tục kia đã thành nghiệp trộm cắp. Vì thế, nếu người thế tục kia nghe theo lời khuyên trả lại cho tăng thì đồng được thí, nên chú giải nêu bày.

Trong phần nói về đồng giới nhóm họp, trước là nói đem ra ngoài thọ riêng, y cứ giống như ngoài giới thọ.

Chỉ phạm vượt: tức thành phân chia ba y. Nhưng trái pháp nên chú giải dẫn luật Tử Phần nêu không thành, tức trộm vật của tăng. Từ nhược trở xuống là nói Yết-ma. Giới hạn y theo trước vào giới tác pháp chia. Sau khi vào: không nên cho chia. Sau dẫn luật để chứng minh rất dễ hiểu.

Trong phần giải thích nghi, đầu hỏi do vật thuộc đương giới không được ra ngoài, văn dạy lẫn nhau thấy cho nên hỏi để thông suốt.

Trong phần đáp, đầu tiên là chánh pháp.

Nói khó chia: hoặc ở bốn xứ nhiều người tới lui xen lẫn khó phân biệt. Phân biệt riêng tịnh xứ nên phải xướng bạch tăng cho biết, đây tức cho ra ngoài giới.

Luật Thập Tụng chép: đem tăng được thí vật ra ngoài giới phạm tội Đột-cát-la. Vật của người chết y cứ giống với đây nên nói phạm tội Đột-cát-la.

Trong chú giải nói hòa hợp, khoa trên nói ra ngoài giới thọ riêng

thì phạm tội vượt tỳ-ni.

Từ luật Thập Tụng trở xuống nói Tăng Ni cầu xin lẫn nhau cũng hiểu nhiếp quy bốn giới. Trong chú giải đã phân biệt so sánh các văn trên.

Kế hỏi đem vật vào giới tục thuộc xứ này, ý nghi người ở ngoài không thể thọ.

Trong phần đáp có hai ý:

1- Do không biết, biết thì không cho.

2- Do đồng pháp quy giới, đồng chia, không thuộc riêng tư

Tứ Phần luật Hành sự Sao Tư trì ký, phần ba của phần một trong quyển hạ hết.

